

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN  
XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT  
LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2022/CBTT-KOVALIXA

Kontum, ngày 04 tháng 07. năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

- Mã chứng khoán: NXT

- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: 0260.3861929

Fax: 0260.3861929

- E-mail: kovalixa.nxt@gmail.com

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum công bố thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/07/2022 tại đường dẫn: kovalixa.net (mục “Quan hệ cổ đông”).**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 187/GCN-UBCK.

- Bản cáo bạch Công ty Cổ phần Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum



**HOÀNG VĂN CÔNG**

Số: 187/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của  
Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ  
chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành  
chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng  
và hủy tư cách công ty đại chúng;*

*Căn cứ Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty  
Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công  
chúng cho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG  
VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: KonTum Construction Materials Supply  
and Production Joint Stock Co;

- Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum,  
Việt Nam;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số  
6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, đăng ký lần đầu  
ngày 10 tháng 10 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 08 năm  
2020;

- Vốn điều lệ: 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng);



**Điều 2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum được đăng ký chào bán theo các nội dung sau:**

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 3.300.000 cổ phiếu (Ba triệu ba trăm nghìn cổ phiếu);
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

**Điều 3. Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.**

**Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Thị Chân Phương**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 8 năm 2020)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ~~187~~GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~27~~ tháng ~~06~~ năm ~~2022~~)

*Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2022 tại:*

#### CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Địa chỉ: Thôn 2 Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: (026) 0386 1929 – (026) 0385 6340 Fax: (026) 0386 1929

Website: kovalixa.net

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Việt Giáp

Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin

Điện thoại: 0972 923 462

001  
ON  
OF  
UAT  
LIET  
KO  
IT







## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 8 năm 2020)*

### **CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum  
**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu  
**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 3.300.000 cổ phiếu  
**Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng)

#### **1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

**Công ty TNHH Kiểm toán TTP**

**Địa chỉ:** Tầng 12 tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 3742 5888 Fax: (024) 3757 8666

**Website:** [www.kiemtoanttp.com](http://www.kiemtoanttp.com)

#### **2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội**

**Địa chỉ:** Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

**Website:** <http://www.vdsc.com.vn>



## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NGHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>1</b>
1. Tổ chức phát hành .....	1
2. Tổ chức tư vấn .....	1
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>2</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	2
2. Rủi ro lạm phát.....	4
3. Rủi ro về luật pháp .....	6
4. Rủi ro đặc thù ngành.....	7
5. Rủi ro về đợt chào bán.....	10
6. Rủi ro pha loãng .....	10
7. Rủi ro quản trị công ty.....	13
8. Rủi ro khác.....	13
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>14</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>16</b>
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành .....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	19
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	19
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .....	24
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty.....	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác .....	27
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành .....	27
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	28
10. Hoạt động kinh doanh .....	28
11. Chính sách đối với người lao động .....	57
12. Chính sách cổ tức .....	59
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	59
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	60





15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	60
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	60
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>60</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	60
2. Tình hình tài chính.....	63
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành.....	71
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	71
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>	<b>74</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	75
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	75
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.....	77
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>87</b>
1. Loại cổ phiếu:.....	88
2. Mệnh giá cổ phiếu:.....	88
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:.....	88
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:.....	88
5. Giá chào bán dự kiến:.....	88
6. Phương pháp tính giá:.....	88
7. Phương thức phân phối.....	88
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	89
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	90
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	90
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	90
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	91



13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	91
14. Các loại thuế có liên quan.....	91
15. Thông tin về các cam kết.....	92
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	92
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>93</b>
1. Mục đích chào bán.....	93
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>93</b>
1. Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản nợ..	93
2. Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm.....	94
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>97</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	97
2. Tổ chức kiểm toán.....	97
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	97
<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>98</b>
<b>XII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>100</b>





## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty .....	24
Bảng 2: Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 31/03/2022. ....	27
Bảng 3. Một số sản phẩm Công ty sản xuất.....	29
Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ của Công ty.....	31
Bảng 5: Sản lượng tiêu thụ vật liệu xây dựng thương mại của Công ty.....	32
Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào.....	34
Bảng 7: Các công trình xây dựng Công ty đang thực hiện.....	38
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.....	40
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty.....	41
Bảng 10: Danh sách đất đai của Công ty tại ngày 31/03/2022 .....	42
Bảng 11. Tình hình tài sản đang sử dụng của Công ty tại ngày 31/03/2022 .....	43
Bảng 12. Một số tài sản máy móc, thiết bị lớn mà Công ty đang sở hữu tại ngày 31/03/2022	43
Bảng 13. Các Hợp đồng Công ty xuất bán cho khách hàng trong năm 2021 .....	45
Bảng 14. Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, nông sản khác của Công ty .....	46
Bảng 15: Danh sách một số hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay .....	47
Bảng 16: Danh sách các khách hàng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay .....	49
Bảng 17: Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay.....	49
Bảng 18: Bảng so sánh tài chính năm 2021 của một số công ty trong ngành Vật liệu xây dựng đã niêm yết/ đăng ký giao dịch.....	51
Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty .....	58
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh các năm gần đây của Công ty .....	60
Bảng 21: Vốn kinh doanh của Công ty từ năm 2020 đến nay .....	63
Bảng 22: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty .....	64
Bảng 23: Trích khấu hao tài sản cố định của Công ty.....	65
Bảng 24: Mức lương bình quân tại Công ty.....	65
Bảng 25. Tổng hợp tình hình công nợ của Công ty.....	66
Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty các năm gần đây .....	66
Bảng 27: Các khoản nợ phải trả của Công ty các năm gần đây .....	67
Bảng 28: Số dư các khoản thuế và phải nộp Nhà nước của Công ty .....	68
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	69
Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 .....	71
Bảng 31: Kế hoạch sản xuất và doanh thu, lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động năm 2022 của Công ty.....	72
Bảng 32: Danh sách cổ đông lớn của Công ty .....	75
Bảng 33: Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty.....	76
Bảng 34: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến.....	90



Bảng 35: Tình hình tài chính chung của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm .....	94
Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm.....	94

### DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty.....	19
Hình 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	20
Hình 5. Một số sản phẩm Công ty sản xuất .....	30
Hình 7: Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch Tuynel lò trần phẳng.....	35
Hình 8: Một số hình ảnh xây dựng trang trại, nhà xưởng của Công ty .....	39
Hình 9: Một số hình ảnh lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái của Công ty .....	40





## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

#### CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Ông **Phạm Văn Lộc** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Hoàng Văn Công** Chức vụ: Giám đốc

Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Ông **Trần Thăng Long** Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

*(Theo giấy ủy quyền số 90/2021/QĐ-PC ngày 07/04/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 50/2021/HĐTVPH-NHĐT ký ngày ngày 22 tháng 07 năm 2021 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

### 1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

#### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Kể từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập và gắn kết chặt chẽ với chuyển động của nền kinh tế toàn cầu.

Nếu như năm 2020, nền kinh tế toàn cầu bị bao trùm bởi một màu âm ảm và rơi vào suy thoái sâu từ tác động của đại dịch COVID-19 thì đến hết Quý I năm 2022 với sự phủ khắp của vaccine, nền kinh tế thế giới đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng và lấy lại đà tăng trưởng, bất chấp diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 cùng cuộc khủng hoảng năng lượng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng đẩy lạm phát tăng cao. Dù tăng trưởng không đồng đều nhưng các chính phủ hy vọng có thể bước sang các quý còn lại của năm 2022 với nhiều lực đẩy hơn. Từ mức tăng trưởng -3,5% năm 2020, trong các báo cáo cập nhật của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới năm 2021 tăng trưởng 5,5% và dự báo GDP thế giới năm 2022 có thể tăng trưởng 4,4%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) kỳ vọng các quốc gia có thể mở cửa mạnh mẽ trở lại trong các quý tiếp theo của năm 2022 nhưng lại lo ngại các căng thẳng chính trị và các biến thể mới của Covid-19 xuất hiện trong Quý I sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu trong những Quý tiếp theo.

Đổi lập với diễn biến sôi động của nền kinh tế thế giới năm 2021, tính chung cả năm, GDP Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Cơ quan thống kê đánh giá kết quả này do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/ 2021 nhiều địa phương trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Dù vậy, với việc nhanh chóng phủ khắp vắc-xin, nền kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng hồi phục trở lại trong Quý I/2022 với tốc độ

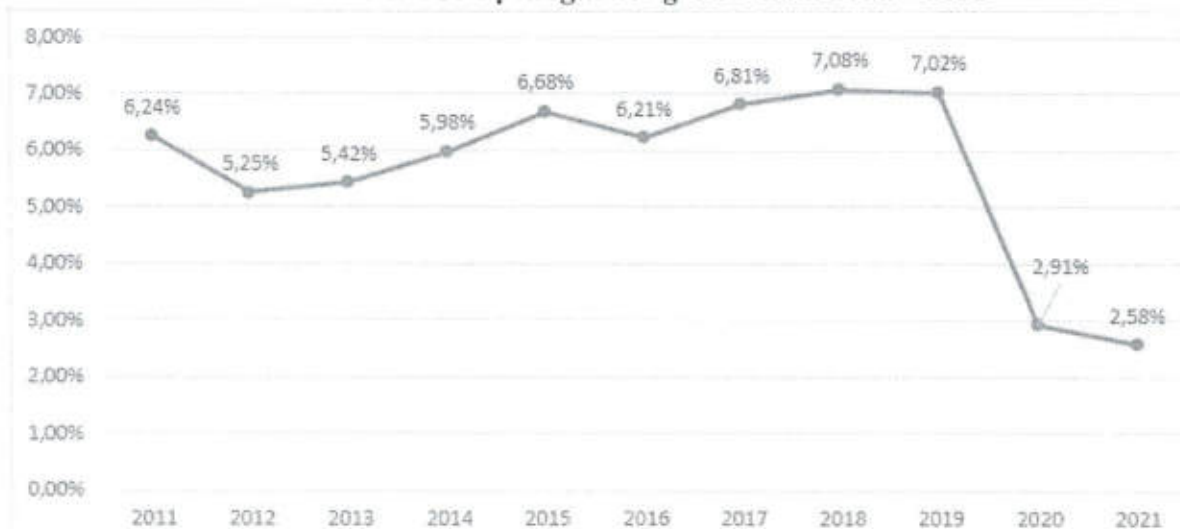




tăng trưởng GDP đạt 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Tổng cục thống kê cho rằng đây là "một thành công lớn" trong việc vừa phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì sản xuất kinh doanh.

Bước vào năm 2022, kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được khơi thông trở lại. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn, ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc làm gián đoạn đà tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu. Đối với Việt Nam, nhờ các chính sách chính trị đúng đắn và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ phát huy hiệu quả bất chấp sự gián đoạn đang xảy ra với nền kinh tế thế giới, tăng trưởng kinh tế Quý I năm 2022 so với cùng kỳ năm trước đạt mức khá 5,03% (cao hơn tốc độ tăng 4,72% của Quý I năm 2021 và 3,66% của Quý I năm 2020). Đây được đánh giá là một tín hiệu tích cực sẽ tạo đà tăng trưởng khả quan cho những quý tiếp theo của năm 2022

**Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 – 2021**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Hoạt động chính trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ có tác động không nhỏ tới hoạt động của Công ty. Nhất là trong thời gian tới, Chính phủ có nhiều quy định mới đối với ngành sản xuất vật liệu xây dựng, điều này cũng phần nào tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh nhu cầu trong lĩnh vực thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và thị phần tiêu thụ sản phẩm cho Công ty. Để khắc phục hạn chế và nắm bắt cơ hội Công ty cần có những kế hoạch định hướng phát triển Công ty rõ ràng vào thời gian tới. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của



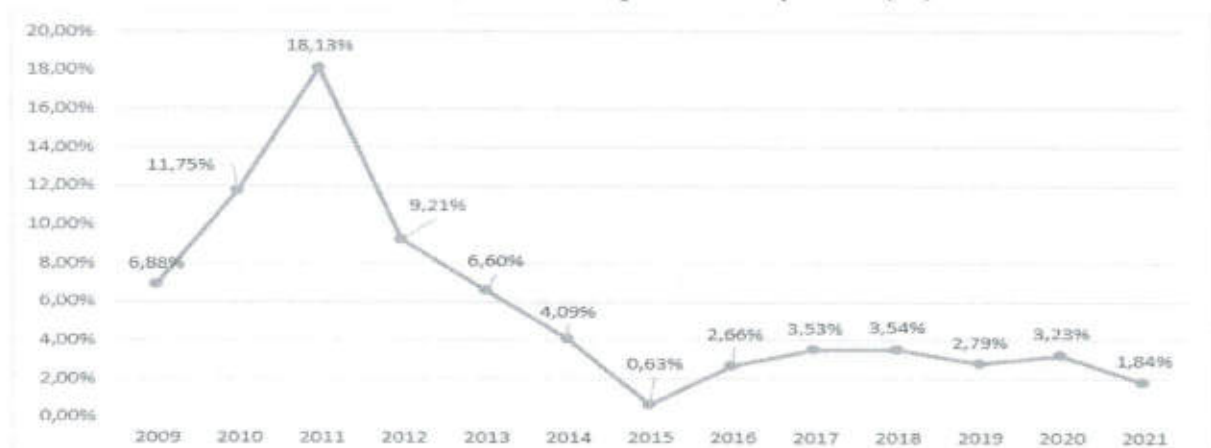
thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

## 1.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 – 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và buộc Chính phủ Việt Nam phải dành sự quan tâm hàng đầu. Trong vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu là tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt. Giá xăng dầu, giá gas trong tháng 12 năm 2021 giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp là một trong các nguyên nhân làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 giảm 0,18% so với tháng trước. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2021 giảm 0,18% so với tháng trước. Tuy nhiên, sang đến đầu năm 2022, xung đột giữa Nga và U-crai-na xảy ra kéo theo hàng loạt những căng thẳng chính trị và các lệnh trừng phạt liên tiếp được đưa ra giữa Nga, EU và Mỹ khiến giá cả hàng hóa leo thang, đặc biệt là giá xăng dầu. Tính đến ngày 23/03/2022, giá dầu Brent bình quân Quý I/2022 đạt 96,13 USD/ thùng, tăng 56,77% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, 3 tháng đầu năm của năm 2022 chứng kiến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn mức tăng 0,29% của Quý I năm 2021 nhưng thấp hơn mức tăng của Quý I các năm 2017 – 2020; đồng thời lạm phát cơ bản tăng 0,81%. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong điều hành giá của Chính phủ trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đánh gánh chịu “cơn bão giá” chưa từng có trong vài chục năm qua. Đến nay, mặt bằng giá trong nước cơ bản được kiểm soát nhưng áp lực lạm phát trong những tháng còn lại của năm khá lớn trong bối cảnh tình hình giá cả hàng hóa trên thế giới vẫn còn biến động mạnh và các xung đột chính trị vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

**Hình 2. CPI bình quân của Việt Nam (%)**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào như chi phí nguyên





vật liệu, chi phí nhân công. Bên cạnh đó, lạm phát cao có thể ảnh hưởng làm thu nhỏ thị trường bất động sản, thu hẹp ngành xây dựng và kéo theo hệ lụy sụt giảm của các ngành phụ trợ. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh do ảnh hưởng của lạm phát.

### **1.3. Rủi ro về lãi suất**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của dịch COVID-19, tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh, trong năm 2020 Ngân hàng Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5%-2%/năm và tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp trong năm 2021 và Quý I/2022. Trong 5 năm 2021 – 2025, Việt Nam xác định tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Do vậy, có khả năng Chính phủ vẫn tiếp tục việc nới lỏng chính sách tiền tệ trong các Quý còn lại năm 2022 nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình gặp khó khăn kéo dài do đại dịch. Về lãi suất cho vay, việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp trong Quý I/2022 đã tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng hạ lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phát triển mạnh mẽ hơn so với năm trước. Nhờ đó, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế trong Quý I/2022 đạt 4,03% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 1,47%). Về lãi suất huy động, từ cuối tháng 8/2021, nhiều ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất huy động theo hướng tiếp tục giảm trong bối cảnh ngân hàng dồi dào thanh khoản và tín dụng tăng chậm do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Quý I/2022, vì nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục khi trải qua thời gian dài giãn cách xã hội do dịch COVID-19 nên từ đầu tháng 11/2021 đến nay, lãi suất tiền gửi được một số ngân hàng đã tăng nhẹ 0,1% - 0,3%/năm đối với kỳ hạn dưới 3 tháng và 12 tháng trở lên. Theo các chuyên gia, nhu cầu tín dụng dự báo tăng cao như vậy có thể gián tiếp kéo theo mặt bằng lãi suất huy động nhích tăng trở lại trong những Quý còn lại năm 2022.

Trước sự tái bùng phát lần thứ 4 của dịch COVID-19 với diễn biến phức tạp và kéo dài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhanh chóng phát tín hiệu kéo dài thời gian cơ cấu nợ thêm 6 tháng, tức là thay vì thời điểm 31/12/2021 sẽ được lùi đến 30/06/2022 việc miễn, giảm lãi, phí cũng được gia hạn tương tự, nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Đồng thời, Chính phủ cũng sẽ áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp trong một số ngành bị tác động nặng nề bởi COVID-19 và doanh nghiệp có trụ sở chính, hoặc cơ sở sản xuất tại các địa bàn áp dụng giãn cách xã hội theo Chi thị 16 (ban hành ngày 31/03/2020 về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19) trên 1 tháng với mức lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất của thị trường khoảng 3-4%/năm trong thời hạn 1 năm. Theo đó, ước tính với khoản ngân sách hỗ trợ lãi suất khoảng 3.000 tỷ đồng, các doanh nghiệp có thể tiếp cận được gói tín dụng khoảng 100 nghìn tỷ đồng với lãi suất ưu đãi khoảng 3-4%/năm (lãi suất hiện tại khoảng 7-8%/năm).

CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum chịu rủi ro phát sinh từ các





khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty. Điều đó đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể, để giải quyết vấn đề rủi ro lãi suất tồn tại, Công ty đã quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty. Mặc dù các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của ngành vật liệu xây dựng nói riêng đã và đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy hoạch phát triển ngành, các hiệp định thương mại với các nước và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Luật Doanh nghiệp năm 2020 có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra do hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng xuất khẩu với nhiều khách hàng và các nhà cung cấp từ nước ngoài, Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các tập quán, luật pháp quốc tế và các quy định của các hiệp hội hoặc tổ chức chuyên môn trong ngành sợi về chính sách bán hàng, chính sách quản lý chất lượng hay chính sách về nhân công lao động và bảo vệ môi trường.

Rủi ro pháp lý của ngành điện nói chung và của ngành điện mặt trời nói riêng trong những năm vừa qua nhìn chung là không cao do mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cho nền kinh tế đang càng ngày càng cấp thiết và đảm bảo an ninh năng lượng của Chính phủ trong khi nguồn cung trong nước còn nhiều hạn chế. Trong những năm tới, khi thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý ngành điện sẽ có những thay đổi phù hợp đối với các quy định về vận hành thị trường điện, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế,... sẽ ảnh hưởng đến hoạt





động kinh doanh của Công ty.

Để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam và làm quen với các quy định của quốc tế, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các chính sách và điều luật mới thông qua các công ty tư vấn pháp luật hoặc các khóa đào tạo cập nhật kiến thức luật pháp cho nhân viên.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành**

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực xây lắp công trình và cung cấp năng lượng điện mặt trời. Các lĩnh vực hoạt động này đều có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có.

#### **3.1. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh vật liệu xây dựng**

Một số rủi ro đặc thù ngành kinh doanh vật liệu xây dựng được Công ty xác định như: rủi ro thanh toán, rủi ro từ thị trường cạnh tranh, rủi ro về giá nguyên vật liệu, rủi ro xã hội, rủi ro môi trường ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra.

##### **3.1.1. Rủi ro thanh toán**

Đây là rủi ro đặc thù của ngành kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện tại, khách hàng chính của Công ty trong hoạt động này là các cửa hàng đại lý cấp 1 thực hiện phân phối. Trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản, xây dựng tiềm ẩn nhiều rủi ro như dự án thay đổi chủ đầu tư, chủ đầu tư chuyển đổi mục đích dự án, dự án thiếu hụt vốn... Công ty có thể chịu tác động dây chuyền, gặp rủi ro chậm trễ thanh toán công nợ.

##### **3.1.2. Rủi ro cạnh tranh**

Ngành vật liệu xây dựng là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Cùng với xu hướng mở cửa nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

Theo Tổng cục Thống kê, trong quý IV-2021, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 31,4 nghìn đơn vị, với số vốn đăng ký 415,3 nghìn tỷ đồng, tăng 70,4% về số doanh nghiệp, tăng 64,1% về số vốn đăng ký so với quý III-2021. Tính chung năm 2021, cả nước có 116,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.611,1 nghìn tỷ đồng; giảm 13,4% về số doanh nghiệp, giảm 27,9% về vốn đăng ký so với năm trước. Chính vì điều này, CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum luôn quan tâm đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng của sản phẩm, khẳng định vị thế thương hiệu của Công ty, nâng cao tính cạnh tranh của Công ty với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường.

Năm 2021, có đến 31,6% số doanh nghiệp ngành xây dựng – Vật liệu xây dựng tham gia khảo sát của Vietnam Report cho rằng tình hình kinh doanh sẽ tốt hơn trong 6 tháng đầu năm, và có tới 47,4% số DN dự báo sẽ tăng trưởng trong 12 tháng tới. Cùng với nhiều ngành khác, ngành vật liệu xây dựng cũng phải hứng chịu những khó khăn trong thời gian đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, đến thời điểm này, các hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây





dụng bắt đầu khởi động trở lại khi các kế hoạch khởi công, các dự án cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện.

Vi vậy, để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, chiến lược của Công ty là cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất với mức giá cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi tốt. Công ty đã áp dụng quy trình sản xuất công nghệ hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng cũng như chi phí.

### **3.1.3. Rủi ro từ nguyên vật liệu**

Do đặc thù cơ cấu chi phí của ngành sản xuất vật liệu xây dựng, các chi phí nhiên liệu như than, dầu, điện ... thường chiếm 20-25% trong tổng cơ cấu chi phí. Cụ thể, than chiếm khoảng 22% trong cơ cấu chi phí nên giá than sẽ tác động không nhỏ đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Dầu chiếm khoảng 3% tổng chi phí sản xuất của Công ty, do đó Công ty cũng bị ảnh hưởng phần nào từ sự biến động của giá dầu trên thế giới. Điện chiếm 10% chi phí sản xuất và gần đây giá điện cũng đã tăng. Đất sét là nguyên vật liệu chính, chiếm đến 26% trong tổng chi phí. Việc khai thác đất sét phụ thuộc vào chi phí vận tải và đặc biệt là chi phí thuế tài nguyên. Do ảnh hưởng của lạm phát, nhiều loại nguyên vật liệu đầu vào của Công ty gặp khả năng biến động giá cao như: sắt, thép, xi măng, vật liệu xây dựng khác... Để hạn chế những rủi ro về giá nguyên vật liệu Công ty thường xuyên kiểm tra số lượng nguyên vật liệu đầu vào của Công ty và chủ động tìm kiếm mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Các nhà cung cấp của Công ty đều là các đơn vị cung cấp đất sét, than... uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về chất lượng lẫn số lượng.

### **3.1.4. Rủi ro về môi trường**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể là sản xuất gạch Tuynel, hoạt động này cũng chịu những rủi ro từ môi trường. Mặc dù Công ty đã áp dụng quy trình sản xuất theo công nghệ lò Tuynel hiện đại để hạn chế khí thải và chất thải ra ngoài môi trường so với gạch thủ công nhưng vẫn có tác động không tốt tới môi trường. Gạch Tuynel có ưu điểm cao hơn gạch không nung nhờ vào việc không lạm dụng nguyên vật liệu đầu vào là xi măng. Trong những năm trước, sản lượng sản xuất xi măng của Việt Nam dư thừa thì việc tận dụng xi măng phế liệu làm gạch không nung có tác dụng tốt, tuy nhiên chất lượng của gạch không nung không được người dân ưa chuộng. Về lâu dài, việc sản xuất gạch không nung sẽ đòi hỏi sản xuất xi măng với tác động môi trường nặng nề hơn rất nhiều so với sản xuất gạch Tuynel.

Để kiểm soát các rủi ro môi trường, Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định môi trường, đảm bảo việc quản lý chất thải, tiếng ồn và xử lý khói bụi thường xuyên bằng cách đảm bảo các ống chất thải, chất lượng cột khí. Công ty cũng có các phương án để đề phòng rủi ro thời tiết (mưa, bão, sét...) bằng việc áp dụng hệ thống chống sét và hệ thống mái che, nền cao đảm bảo nguyên vật liệu và thành phẩm được giữ trong điều kiện tốt nhất.

## **3.2. Rủi ro đặc thù ngành xây lắp công trình và cung cấp năng điện mặt trời**





Đối với ngành xây lắp công trình, trở ngại xảy ra một phần là do ngành xây dựng đang trở nên bão hòa, khi các yếu tố nội tại như cạnh tranh trong ngành, sức ép từ khách hàng và hành lang pháp lý, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận gộp của các công ty.

Với nhu cầu phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu cũng như nhân công, tình hình lây lan phát triển nghiêm trọng của dịch Covid – 19 được dự báo sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến toàn ngành, đặc biệt là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình, bất động sản.

Đối với ngành cung cấp năng lượng điện mặt trời, theo các chuyên gia, năm 2019, 2020 được xem là một năm bùng nổ của ngành năng lượng tái tạo mà chủ đạo là điện gió và điện mặt trời nhờ các cơ chế ưu đãi được Chính phủ ban hành nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư vào năng lượng tái tạo như Quyết định 11/2017/QĐ-TTg của Chính phủ, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế ưu đãi với lĩnh vực điện năng lượng mặt trời,... Tính đến hết tháng 12 năm 2020, hệ thống điện quốc gia đã ghi nhận khoảng 19.400 MWp (tương đương 16.500 MW) điện mặt trời được đưa vào vận hành, chiếm khoảng 25% tổng công suất nguồn điện cả nước, trong đó bao gồm hơn 100.000 hệ thống điện mặt trời trên mái nhà với công suất khoảng hơn 9.000 MWp. Trước cơ hội to lớn từ mảng năng lượng mặt trời, nhiều doanh nghiệp và cá nhân đã bị sức hấp dẫn của mảng điện năng lượng mặt trời thu hút. Tính đến tháng 12/2021, tại khu vực tỉnh Kon Tum có 161,146 MWp, tương ứng 128,9 MW đấu nối vào lưới trung, hạ áp. Các nguồn điện được huy động công suất qua TBA 220kV Kon Tum lên lưới điện quốc gia.

Tuy nhiên, khi đi vào hoạt động, doanh nghiệp kinh doanh điện mặt trời cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro. Ở đầu vào là yếu tố biến động thời tiết. Năm nào mưa nhiều, ít nắng, nhà máy không phát huy hết công suất. Những nhà máy được xây dựng ở khu vực có tiềm năng bức xạ nhiệt tốt như Ninh Thuận, Bình Thuận lại gặp phải câu chuyện quá tải đường dây truyền tải như từng xảy ra giữa năm 2019, khiến một số nhà máy phải xả bỏ tới 50% công suất.

Ngoài ra, nhằm khắc phục tình trạng nêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường đầu tư, phát triển hệ thống lưới điện đảm bảo đồng bộ với nguồn điện, quá trình quy hoạch chỉ phê duyệt dự án nguồn điện khi đảm bảo khả năng giải tỏa công suất, đồng thời có những động thái thúc đẩy quyết liệt các dự án đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 trong đó có những dự án về hệ thống hạ tầng lưới điện về trung và dài hạn sẽ giúp giải quyết các vấn đề của hệ thống điện quốc gia.

Tình hình dịch bệnh Covid – 19 trong ngắn hạn có ảnh hưởng không đáng kể tới các thị trường năng lượng. Tuy nhiên, nếu virus Corona tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh chóng và dịch bệnh kéo dài thì tại Trung Quốc – quốc gia hàng đầu sản xuất các thiết bị điện tử chuyên biệt như tấm pin mặt trời, module điện,... sẽ có nguy cơ thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu máy móc. Ngoài ra chuỗi cung ứng và vận chuyển trang thiết bị có thể bị đứt gãy gây hậu quả nghiêm trọng các dự án bị đình trệ và tổn thất.

Nhận biết được vấn đề về rủi ro, Công ty đã xây dựng đội ngũ quản lý dự án dày dặn kinh nghiệm, bảo đảm thi công đúng tiến độ, dự phòng nhiều tình huống có thể xảy ra, các rủi ro,





nguy cơ tiềm tàng từ đó có kế hoạch phù hợp đảm bảo tiến độ, hiệu quả triển khai dự án.

#### **4. Rủi ro về đợt chào bán**

##### **4.1. Rủi ro của đợt chào bán**

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Tuy nhiên, với diễn biến sôi động của thị trường chứng khoán năm 2021 và triển vọng tăng trưởng tốt của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác và/hoặc cổ đông với điều kiện chào bán không ưu đãi hơn so với các cổ đông hiện hữu, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

Hơn nữa, trong đợt chào bán này, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được chào bán ở mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá trị trường của cổ phiếu NXT (giá thị trường của cổ phiếu NXT trung bình trong 30 phiên giao dịch từ ngày 30 phiên giao dịch (từ ngày 18/03/2022 đến 29/04/2022 là 13.907 đồng). Do vậy, đợt chào bán có khả năng thành công.

##### **4.2. Rủi ro trong việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu thêm cho cổ đông hiện hữu là 33.000.000.000 đồng sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích sau: Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán các khoản nợ đến hạn, mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm.

Xét về mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động và thanh toán các khoản nợ đến hạn, việc sử dụng vốn với mục đích này sẽ cải thiện chỉ số tài chính của Công ty đồng thời đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

Xét về mục đích mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm: Công ty nhận thấy giá trị tiềm năng của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm trong lĩnh vực năng lượng điện mặt trời, do đó Công ty thực hiện đầu tư tài chính đồng thời mở rộng hợp tác phát triển kinh doanh, học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh năng lượng điện mặt trời.

Với kết quả kinh doanh đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng và triển vọng của Công ty trong thời gian tới, rủi ro về mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là thấp. Mục đích sử dụng vốn như trên là phù hợp với tình hình tài chính hiện tại và định hướng phát triển của Công ty.

#### **5. Rủi ro pha loãng**

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu





công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu;

### 5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu, số cổ phiếu được chào bán thêm thành công sẽ làm gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân và ảnh hưởng tới chi tiêu EPS của Công ty.

Các giả định:

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán ra công chúng được bán hết. Tổng số cổ phiếu tăng thêm do chào bán cổ phiếu ra công chúng là: 3.300.000 cổ phiếu.

Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 6 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{3.300.000 \times 6 + 6.600.000 \times 6}{12} = 4.950.000 \text{ cổ phiếu}$$

Giả định lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 8.048.000.000 đồng.

Như vậy, EPS dự kiến cuối năm 2022 là:

$$8.048.000.000 \text{ (đồng)} / 4.950.000 \text{ (cổ phiếu)} = 1.625,86 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chi số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2022 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

### 5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2022 của Công ty:

Chỉ tiêu	31/03/2022
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	49.755.845.204
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	3.300.000
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	15.077,53

(Nguồn: BCTC Quý I năm 2022 của Công ty)



Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

### 5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 33.000.000.000 đồng. Theo phương án chào bán được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Công ty sẽ phát hành thêm 3.300.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Do việc chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

### 5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum chào bán thêm 3.300.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định.

Trường hợp thị giá cổ phiếu NXT trước ngày giao dịch không hưởng quyền cao hơn giá phát hành, giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{rt})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

$P_{tc}$ : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

$PR_{t-1}$ : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

$P_{rt}$ : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

$I_1$ : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Giá sử giá đóng cửa của cổ phiếu CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum (Mã chứng khoán: NXT) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của NXT sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{15.000 + 1 \times 10.000}{1 + 1} = 12.500 \text{ đồng/CP}$$

Trường hợp thị giá cổ phiếu NXT trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá phát hành thì sẽ không thực hiện điều chỉnh giá cổ phiếu NXT tại ngày giao dịch không hưởng





quyền theo quy chế giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

## **6. Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban Kiểm soát; thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

## **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, dịch Covid đang gây ra những hậu quả nặng nề cho toàn nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Để giảm thiểu những rủi ro này, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

- 1) “Bản cáo bạch”: là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
- 2) “Ban Giám đốc”: Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum.
- 3) “Ban Kiểm soát”: Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum.
- 4) “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- 5) “Cổ phiếu”: là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.
- 6) “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
- 7) “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 8) “Công ty”: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020.
- 9) “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum.
- 10) “Điều lệ công ty”: Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum.
- 11) “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum.
- 12) “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- 13) “Vốn điều lệ”: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty.

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban Kiểm soát
CA	Công an
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CMND	Chứng minh nhân dân
Công ty	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum
CTCP	Công ty cổ phần
DTT	Doanh thu thuần






DHDCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
DHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
GPXD	Giấy phép xây dựng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
NXT	Mã cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum
QTC	Quy tiêu chuẩn
TCPH	Tổ chức phát hành
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TTS	Tổng tài sản
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VLXD	Vật liệu xây dựng
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**
- Tên viết tắt: **KOVALIXA**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **KONTUM CONSTRUCTION MATERIALS SUPPLY AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Logo: 
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020.
- Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340
- Fax: 0260.3861929
- Website: kovalixa.net
- Email: tuynelkontum@gmail.com
- Vốn điều lệ: 33.000.000.000 đồng
- Người đại diện Ông Hoàng Văn Công – Chức vụ: Giám đốc theo pháp luật:
- Mã cổ phiếu: NXT
- Sàn đăng ký giao dịch: UpCOM
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
  - ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
*Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni*
  - ✓ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh  
*Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh*
  - ✓ Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác





✓ Sản xuất điện

✓ Truyền tải và phân phối điện

*Chi tiết: - Hoạt động truyền tải điện (Trừ hoạt động truyền tải điện mạng lưới điện quốc gia) – Hoạt động phân phối điện*

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum tiền thân là Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng - doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 149/QĐ-UB ngày 17/9/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty kinh doanh các ngành nghề: sản xuất gạch ngói, các sản phẩm gốm sứ, đá xây dựng, vật liệu chịu lửa mạt thấp; kinh doanh vật liệu xây dựng, khí đốt xây dựng, khí đốt dân dụng, công nghiệp; xăng dầu, khí hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu; xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình nước sạch nông thôn.

Năm 2005, Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum thực hiện cổ phần hóa, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005 với số vốn điều lệ là 816,6 triệu đồng, tương ứng 81.660 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 cấp lần đầu ngày 10/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sở hữu 62.466 cổ phần, chiếm 76,5% vốn điều lệ. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã thực hiện chuyển giao số cổ phần đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) để thực hiện thoái vốn Nhà nước. Trong năm 2009, SCIC đã thực hiện thành công việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum bằng hình thức bán đấu giá, tổng số lượng cổ phần đấu giá thành công là 62.466 cổ phần.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình doanh nghiệp sản xuất gạch ngói đất sét nung: gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel hướng đến bảo vệ môi trường với quy mô đáp ứng nhu cầu thị trường trong và xung quanh địa bàn hoạt động.

Ngày 08/01/2015, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum được UBND tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số: 38121000160 về dự án di dời nhà máy gạch Tuynel từ địa chỉ 494 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum về địa chỉ tại thôn 2 xã Kroong thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với diện tích đất dự kiến sử dụng: 36,655m<sup>2</sup> và tổng vốn đầu tư 41,6 tỷ đồng trong đó vốn tự có 18,8 tỷ đồng (chiếm 45%). Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư, tiến độ thực hiện 1 năm (năm 2015). Dự án có mục tiêu thực hiện di dời về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội thị và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị; đổi mới công nghệ thiết





bị tiên tiến, tạo ra những sản phẩm chất lượng phù hợp với TCVN 1450-2009, cung cấp cho thị trường 20 triệu viên gạch/năm.

Ngày 09/6/2015, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất từ UBND tỉnh Kon Tum về dự án di dời nhà máy gạch Tuynel. Nội dung điều chỉnh tổng số vốn đầu tư từ 41,6 tỷ đồng xuống còn 37,6 tỷ đồng và tiến độ thực hiện dự án từ 1 năm lên 3 năm (Khởi công năm 2014; hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2016)

Ngày 11/8/2016, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum được sở xây dựng tỉnh Kon Tum cấp giấy phép số 31/GPXD về việc xây dựng các công trình thuộc dự án di dời Nhà máy gạch Tuynel. Tổng số 13 công trình, bao gồm nhà bao che (nhà điều hành, lò nung, hầm sấy, dây chuyền chế biến tạo hình số 1-2, nhà bán máy 1-2, hệ móng máy chế biến), kho than, nhà chứa đất, tháp nước, nhà ăn ca, nhà vệ sinh (02 nhà), nhà bao che máy cấp liệu thùng, nhà bán mái băng tải, nhà bảo vệ, cổng chính, cổng phụ, tường rào. Dự án được thực hiện trên tổng diện tích xây dựng là: 8.267,6m<sup>2</sup>; tổng diện tích sàn là: 8,464,1 m<sup>2</sup> tại lô đất có thửa số 686, tờ bản đồ số 27, diện tích lô đất: 25.509,8m<sup>2</sup> và lô đất có thửa số 687, tờ bản đồ số 27, diện tích lô đất 10.878,1m<sup>2</sup> thuộc thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 734194 và số BX 734195 được UBND cấp ngày 18/6/2015.

Ngày 30/9/2016, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 số 38121000160 về dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy gạch Tuynel công nghệ mới tại thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với quy mô dự án là 20.000.000 viên QTC/năm. Đến cuối năm 2019, dự án đã được hoàn thành đưa vào sử dụng, áp dụng quy trình sản xuất gạch Tuynel với công nghệ lò Tuynel mới.

Ngày 31/12/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 3212/NQ-HĐQT về việc tạm dừng sản xuất 6 tháng kể từ 10/01/2020 để thực hiện việc sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị, nâng cấp hệ thống lò, nhà xưởng sản xuất (thời gian sửa chữa định kỳ từ 10-15 ngày) và tiến hành lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy. Hệ thống điện mặt trời được lắp đặt trên mái nhà xưởng tại địa chỉ thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với tổng diện tích khoảng 5.200 m<sup>2</sup>, số lượng các tấm pin là 1.807 tấm và công suất lắp đặt của hệ thống là 717,12kWp. Việc lắp đặt hệ thống này nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhà máy, tiết kiệm chi phí điện hàng tháng nhờ việc giảm giá bậc điện tiêu thụ, công suất điện thừa có thể bù trừ vào hóa đơn tiền điện hàng tháng hoặc bán lại cho EVN.

Để đáp ứng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như mở rộng quy mô doanh nghiệp, từ năm 2014 đến năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công 3 đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, nâng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 33 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 08/6/2020, Công ty được UBND tỉnh Kon Tum cấp GPXD số 23/GPXD về việc xây dựng các công trình bao gồm: nhà phơi gạch (19 nhà), nhà để xe (02 nhà) và nhà chứa đất





(01 nhà) thuộc dự án di dời nhà máy gạch Tuynel.

Ngày 26/8/2020, Công ty đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 5231/UBCK-GSDC ngày 26/8/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 30/9/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là NXT, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.300.000 cổ phiếu.

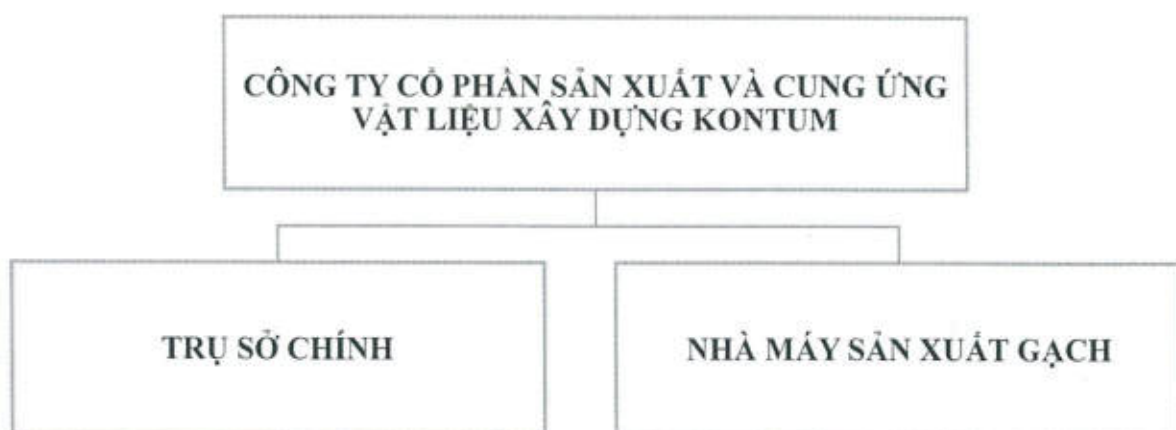
Ngày 9/12/2021, Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán là NXT và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.300.000 cổ phiếu.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26/8/2020 với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

**Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty**



(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

- ❖ Địa chỉ Trụ sở chính của CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- ❖ Địa chỉ Nhà máy sản xuất gạch của CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



**Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**



(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.





Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 (năm) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng không điều hành
4	Bà Phan Thu Thủy	Thành viên Hội đồng không điều hành
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên Hội đồng không điều hành

#### 4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Công ty.

Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc và chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay có 03 (ba) thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên Ban Kiểm soát

#### 4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 01 (một) thành viên gồm:



STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc

#### 4.5. Các phòng ban

##### ❖ *Phòng Hành chính - Nhân sự*

Phòng Hành chính - Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty;
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo;
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty;
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động;
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc;
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện;
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty;
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Giám đốc và người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế Công ty.

##### ❖ *Phòng Tài chính – Kế toán*

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty;
- Quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính kế toán trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Chịu trách nhiệm lập và nộp các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, và các báo cáo liên quan đến lĩnh vực kế toán – tài chính cho Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có liên quan: thuế, ngân hàng;
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

##### ❖ *Phòng Kinh doanh*

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:





- Tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty trong công việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Giám đốc nắm bắt thông tin kịp thời về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất – kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà Nghị quyết của HĐQT đề ra;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường;
- Thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

#### ❖ *Phòng Điều phối sản xuất - Quản lý chất lượng*

Phòng Điều phối sản xuất - Quản lý chất lượng có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, phân tích và kế hoạch hóa các chỉ tiêu sản xuất và kinh doanh. Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty trong việc lập kế hoạch chiến lược kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Cân đối và điều tiết các nguồn lực của sản xuất để tổ chức thực hiện công tác kế hoạch sản xuất tối ưu;
- Tham vấn cho Ban giám đốc trong chỉ đạo các vấn đề chất lượng có liên quan tới mọi mặt hoạt động của Công ty;
- Tổ chức xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả của các quá trình trong công ty phù hợp với tất cả các tiêu chuẩn chất lượng đề ra và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn, ngoài ra, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

#### ❖ *Các phân xưởng sản xuất*

Các phân xưởng sản xuất có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch sản xuất tháng và lệnh sản xuất hàng ngày do Giám đốc và Đốc công ban hành;
- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất; lệnh sản xuất, đạt mức chất lượng theo yêu cầu với chi phí thấp nhất;
- Quản lý và vận hành các nguồn lực được giao theo quy định của các bộ phận chuyên trách (nhân lực, máy, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu sản xuất, định mức tiêu hao...);
- Đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề, tư cách đạo đức tác phong theo yêu cầu của Công ty;
- Đứng đầu mỗi phân xưởng là 01 Đốc công chịu trách nhiệm Quản lý và điều hành nhân



lực, đây chuyên sản xuất của mình nhằm triển khai hoạt động sản xuất theo đúng kế hoạch.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

Không có.

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty**

Tại thời điểm thành lập (10/10/2005), vốn điều lệ của Công ty là 816.600.000 đồng. Từ tháng 07/2019 đến nay, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 33.000.000.000 đồng. Công ty không có đợt giảm vốn nào kể từ ngày thành lập. Quá trình góp vốn và tăng vốn của Công ty như sau:

**Bảng 1. Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty**

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/ giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/ giảm (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
0	10/10/2005	816.600.000	816.600.000	Góp vốn		
1	20/8/2014	816.600.000	1.959.840.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có
2	26/12/2016	1.959.840.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có
3	08/07/2019	30.000.000.000	33.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ :**

❖ **Tăng vốn từ 816.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng:**

**Cơ sở pháp lý:**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 đăng ký lần đầu ngày 10/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 09/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1408/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/08/2014 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;





- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0501/2015/NQ-HĐQT ngày 05/01/2015 về việc thông qua phương án phân phối số cổ phần chưa đăng ký hết của đợt tăng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 30 tỷ đồng;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2712/2016/NQ-HĐQT ngày 27/12/2016 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 30 tỷ đồng;

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 816.600.000 đồng (Tám trăm mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Cơ quan chấp thuận: ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- ***Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn từ 816.000.000 đồng lên 1.959.840.000 đồng:***
  - Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 07 cổ đông
  - Số lượng cổ đông tham gia: 07 cổ đông
  - Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 07 cổ đông
  - Nguồn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ BCTC năm 2013 của Công ty
  - Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
  - Tỷ lệ phát hành: 140% (Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được quyền nhận thêm 140 cổ phiếu mới)
  - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 114.324 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 114.324 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 1.143.240.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 20/8/2014
- ***Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 1.959.840.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng***
  - Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 07 cổ đông
  - Số lượng cổ đông tham gia: 01 cổ đông



- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 07 cổ đông
- Mục đích phát hành: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.804.016 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 2.078.816 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 20.788.160.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 11/8/2016
- Số lượng cổ phiếu phát hành không thành công: 725.200 cổ phiếu (HĐQT tiếp tục chào bán cho cổ đông khác là nhà đầu tư chiến lược)

➤ **Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược:**

- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 07 cổ đông
- Số lượng nhà đầu tư tham gia: 01 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 08 cổ đông
- Mục đích phát hành: bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 725.200 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 725.200 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 7.252.000.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 26/12/2016

❖ **Tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 33 tỷ đồng:**

**Cơ sở pháp lý:**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 11/07/2019.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2019/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/07/2019 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

**Chi tiết đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng)
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Cơ quan chấp thuận: ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu





- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia: 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 05 cổ đông
- Nguồn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển của Công ty trên BCTC năm 2018
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- Tỷ lệ phát hành: 10% (Cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phiếu sẽ có quyền nhận thêm 01 cổ phiếu mới)
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 300.000 cổ phiếu (Ba trăm nghìn cổ phiếu)
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 08/07/2019

#### 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2019 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên (theo giá trị tổng tài sản của Công ty tại thời điểm góp vốn, thoái vốn).

#### 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

**Bảng 2: Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 31/03/2022.**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>220</b>	<b>3.299.200</b>	<b>32.992.000.000</b>	<b>99,99</b>
1	Tổ chức	0	0	0	0
-	<i>Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	0	0	0	0
2	Cá nhân	220	3.299.200	32.992.000.000	99,99
3	Cổ đông ưu đãi	0	0	0	0
<b>II.</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>800</b>	<b>8.000.000</b>	<b>0,01</b>
1	Tổ chức	0	0	0	0



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ (%)
-	Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0	0
2	Cá nhân	1	800	8.000.000	0,005
3	Cổ đông ưu đãi	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>221</b>	<b>3.300.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>100</b>
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>221</i>	<i>3.300.000</i>	<i>33.000.000.000</i>	<i>100</i>
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

Ghi chú : Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông.

- Các loại chứng khoán khác : Không có.

#### 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Theo Công văn số 5522/UBCK-PTTT ngày 24/09/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum theo quy định của Pháp luật là 50%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại (theo Danh sách cổ đông tại ngày 31/03/2022): 0,052%<sup>1</sup>

#### 10. Hoạt động kinh doanh

##### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

###### 10.1.1. Đặc điểm các sản phẩm/dịch vụ chính của Công ty

Hiện nay, Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.
- Hoạt động kinh doanh khác

<sup>1</sup> Nguồn: [https://www.hnx.vn/cophieu-etfs/chi-tiet-chung-khoan-uc-NXT.html?\\_des\\_tab=4](https://www.hnx.vn/cophieu-etfs/chi-tiet-chung-khoan-uc-NXT.html?_des_tab=4)





*a. Hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng*

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum là đơn vị chuyên sản xuất và cung ứng gạch xây dựng Tuynel trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các tỉnh lân cận phục vụ các công trình thương mại, dân dụng và cơ sở hạ tầng.

Với đội ngũ nhân lực hùng mạnh cùng với kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị hiện đại không ngừng được cải tiến và đổi mới để phục vụ cho sản xuất. Hiện nay, Công ty đang áp dụng dây chuyền sản xuất gạch xây dựng bằng công nghệ lò Tuynel hiện đại có công suất lớn, ít tiêu hao năng lượng, đặc biệt là thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum đã cho ra đời những sản phẩm đạt yêu cầu khách hàng và có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia và thế giới.

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, đất sét và than là hai nguyên liệu quan trọng lần lượt chiếm khoảng 15% và 22% giá thành, còn lại là 3% dầu diesel, trải qua quá trình ngâm ủ kỹ theo đúng thời gian quy định rồi mới được đưa vào quá trình sản xuất. Chính vì thế loại gạch này có chất lượng tốt, mẫu mã ưa nhìn, khả năng chịu áp lực cao đảm bảo về mặt thời gian của công trình xây dựng mang đến cho người sử dụng yên tâm khi lựa chọn sản phẩm.

Gạch Tuynel có khả năng chống ẩm tốt nhờ vào thiết kế lò nung Tuynel đặc biệt giúp cho gạch chín đều đẹp mịn. Gạch có bản chất là vật liệu cách âm, cách nhiệt, có tính chống ẩm cao nên giúp ngăn ngừa việc tích tụ hơi nước và mang lại không gian sống thoải mái cho mọi người. Không những thế khi sử dụng loại gạch này cho ngôi nhà của bạn, nó còn có khả năng giữ nhiệt vào mùa đông, phát tán nhiệt vào mùa hè giúp nhà của bạn ấm vào mùa đông, mát vào mùa hè.

Loại gạch này còn có ưu điểm thân thiện với môi trường. Do gạch được làm từ đất sét, trải qua quá trình nung từ lò nung bằng điện, làm nguội mới hoàn thành nên nó đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường hay sức khỏe của con người. Thành phần sản xuất ra gạch cũng không chứa những nguyên liệu khó phân hủy nên khi vứt bỏ những viên gạch bị hỏng, không sử dụng nữa ra bên ngoài cũng không gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy, loại gạch làm từ đất sét này luôn được mọi người tin tưởng sử dụng cho ngôi nhà của mình.




Nhu cầu tiêu thụ nguyên vật liệu đòi hỏi ngày càng cao về số lượng cũng như chất lượng vì vậy các doanh nghiệp sản xuất VLXD phải đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Với hệ thống đa dạng các sản phẩm gạch của Công ty giúp cho khách hàng có thể lựa chọn theo nhu cầu của từng hạng mục tường xây: tường bao ngoài, tường ngăn căn hộ, tường ngăn phòng...

Một số sản phẩm của Công ty sản xuất:

**Bảng 3. Một số sản phẩm Công ty sản xuất**

STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
A	Nhóm gạch xây	
1	Gạch đặc	



STT	TÊN SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
2	Gạch ống 2 lỗ	
3	Gạch ống 4 lỗ	
4	Gạch ống 6 lỗ	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Hình 3. Một số sản phẩm Công ty sản xuất**

**SẢN PHẨM GẠCH GỐM CAO CẤP**  
HIGH QUALITY PRODUCTS OF CERAMIC



Gạch đặc 60  
(Solid bricks)  
KT: 220x105x60



Gạch rỗng 60  
(Hollow bricks)  
KT: 220x105x60

---



R150 Lỗ vuông  
(Square shaped hollow bricks)  
KT: 220x150x105



R150 Lỗ tròn  
(Circle shaped hollow bricks)  
KT: 220x150x105



Block  
(Block)  
KT: 200x200x19



Nem rỗng  
(Hollow flat brick)  
KT: 200x200x50

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

Hiện nay, các sản phẩm gạch xây dựng của Công ty chủ yếu phân phối cho các đại lý cấp một chuyên bán buôn các mặt hàng vật liệu xây dựng. Doanh thu từ đối tượng khách hàng này chiếm khoảng 90% tổng nguồn thu từ mặt hàng gạch Tuynel. Ngoài ra, Công ty còn bán cho các khách hàng nhỏ lẻ và công trình xây dựng quy mô nhỏ tại địa phương mà nhà máy đang hoạt động.





**Hình 4. Một số hình ảnh nhà máy gạch của Công ty**



(Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

Công ty áp dụng chính sách thanh toán tiền trước hoặc thu tiền khách hàng ngay sau khi thực hiện giao dịch giữa hai bên. Chính sách này một mặt giúp Công ty không bị chiếm dụng vốn lưu động, mặt khác giảm thiểu rủi ro cho bản thân Công ty.

Hàng năm Công ty đã cung cấp ra ngoài thị trường sản lượng gạch lớn đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

**Bảng 4: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ của Công ty**

Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2020		Năm 2021		3 tháng đầu năm 2022	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Gạch tuynel các loại:	viên	13.776.665	12.199.223	3.461.005	3.699.900	821.566	526.356
- Gạch đặc	viên	12.744.665	11.767.100	3.461.005	2.915.000	821.566	526.356
- Gạch rỗng 6 lỗ trung	viên	1.032.000	418.923	-	380.900	-	-
- Gạch 6 lỗ lớn	viên	-	6.000	-	339.000	-	-
- Gạch 6 lỗ nhỏ	viên	-	7.200	-	65.000	-	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**b. Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng**

Tính đến nay, Công ty đã có hơn hơn 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản



xuất và cung cấp vật liệu xây dựng, cụ thể là cung cấp các sản phẩm gạch Tuynel. Do đó, các sản phẩm gạch của Công ty đã đạt được niềm tin và uy tín với các nhà thầu, công ty xây dựng không chỉ ở khu vực miền Trung như Công ty TNHH Đầu tư xây dựng TMP Kontum,... mà cả ở một số tỉnh phía Bắc như Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG, Công ty Cổ phần Công nghệ EMP... Do đó, kể từ năm 2019, song song với việc cung cấp các sản phẩm gạch sản xuất thì Công ty đã phát triển thêm hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng với các sản phẩm chủ yếu vẫn là các loại gạch như gạch đặc, gạch 2 lỗ,... Ngoài ra, để đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, Công ty đã phát triển thêm cả mảng kinh doanh thương mại các loại tôn lợp mái, thép hộp, thép cây,... thường dùng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng, cơ khí chế tạo máy, công cụ, dụng cụ, kết cấu nhà xưởng và nhiều công dụng khác. Để tăng tính cạnh tranh trên thị trường, Công ty thường chịu trách nhiệm giao hàng đến địa chỉ do khách hàng chỉ định, thường là giao hàng trực tiếp tại công trình. Do đó, với các công trình thi công tại khu vực miền Bắc, Công ty đã chủ động ký hợp đồng mua vật liệu xây dựng bao gồm cả gạch và các loại thép từ các nhà cung cấp tại các địa phương như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh như Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại thép Chung Ánh Phát, Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch,... Công ty luôn thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng theo tiến độ cho các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho việc vận chuyển và tiết kiệm chi phí, Công ty đã thực hiện gửi hàng tại kho của các nhà cung cấp theo các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng. Đồng thời, theo các thỏa thuận đã ký kết tại các biên bản gửi kho kèm cam kết giao nhận hàng, các nhà cung cấp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa mà Công ty đang gửi tại kho của mình đến công trình do Công ty chỉ định (hay chính là công trình do các khách hàng của Công ty chỉ định).

Bước sang năm 2020, ngoài việc cung cấp vật liệu xây dựng cho các nhà thầu thì Công ty còn cung cấp vật liệu xây dựng cho một số đại lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc như Đại lý Hùng Hoa, Đại lý Quang Toán,... nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động tại khu vực các tỉnh phía Bắc. Dự kiến trong thời gian tới, cùng với việc phát triển hoạt động sản xuất, Công ty cũng sẽ tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh thương mại nhằm mục tiêu gia tăng doanh thu, lợi nhuận cũng như mở rộng thị trường, nâng cao vị thế trên thị trường.

**Bảng 5: Sản lượng tiêu thụ vật liệu xây dựng thương mại của Công ty**

Sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	3 tháng đầu năm 2022
Thép	Kg	-	-	402.515
Tôn mạ màu	Kg	-	214.053	12.155
Tôn mát	M <sup>2</sup>	-	-	-
Gạch đặc	viên	5.870.000	2.915.000	-
Gạch 2 lỗ lớn	viên	450.000	34.000	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

c. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào





#### ❖ Nguồn cung ứng đầu vào

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 40%. Trong đó, đất sét và than là hai nguyên liệu quan trọng, lần lượt chiếm khoảng 15% và 22% giá thành, còn lại là 3% dầu diesel.

##### - Nguyên liệu đất sét:

+ Loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung phơi, sau khi nung sẽ đổi màu, đóng cứng và kết dính. Đất sét là nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm gạch. Trữ lượng mỏ cộng với chất lượng của nguồn đất sét đầu vào chính là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm xuất ra.

+ Nhà máy gạch Tuynel của Công ty được xây dựng trên vị trí địa lý thuận lợi, đất có trữ lượng khai thác tận thu từ việc san lấp mặt bằng để xây dựng nhà máy với độ sâu từ 1-2m, có trữ lượng sét là: 8.000 m<sup>3</sup>. Chất lượng các nguồn nguyên liệu này được đoàn địa chất 506, khảo sát, khoan, thăm dò và kiểm tra hoàn toàn đáp ứng yêu cầu sản xuất gạch theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Dự tính trữ lượng đất sét cần thiết để sản xuất trong 1 năm với công suất 20 triệu viên QTC/năm, khoảng 34.000 m<sup>3</sup>/năm.

+ Trong thời gian tới, Công ty thực hiện mua đất sét tại các địa điểm ngay gần lò gạch nơi sản xuất. Lợi thế này giúp Công ty chủ động được nguồn đất sét để sản xuất sản phẩm, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào.

+ Ngày 12/4/2019, Công ty được UBND tỉnh Kon Tum ra quyết định số 218/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản sét là vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Nguyên liệu than: Hai loại than chính sử dụng trong quy trình sản xuất gạch Tuynel của Công ty là than pha và than đốt. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như đảm bảo tính đồng nhất về chất lượng của than trong quá trình nung – đốt, nên mỗi lần nhập kho nguyên liệu này, Công ty nhập nguyên tàu chở than với trọng tải lớn, đủ để các nhà máy sản xuất trong nhiều tháng.

- Các loại nguyên liệu khác được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau và có sẵn trên thị trường. Việc lựa chọn nhà cung cấp chủ yếu dựa trên cơ sở chất lượng và giá cả.

#### ❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Các nhà cung cấp đất sét và than đều là các đối tác lâu năm nên Công ty nhận được ưu đãi về chính sách giá và các điều khoản thanh toán tốt hơn so với các đối tác khác.

Đối với đất sét, nắm được tính trọng yếu của nguồn nguyên liệu này nên trong những năm gần đây Công ty đã không ngừng mở rộng mua đất sét tại các điểm ngay gần lò gạch sản xuất gạch. Lợi thế này đã giúp Công ty chủ động được nguồn đất sét đầu vào để phục vụ hoạt động sản xuất, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào. Ngoài ra, Công ty còn tích cực phối hợp với các đơn vị khai thác để tận dụng lượng đất sét khu vực lân cận cũng như quy hoạch các mỏ đang khai thác một cách khoa học



và hiệu quả.

Công ty chủ động xin cấp phép mỏ đất nhằm khai thác đất nguyên liệu ổn định và chất lượng tốt trong thời gian lâu dài. Ngày 12/4/2019, Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum cấp quyết định số 218/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đồng thời, Công ty thường xuyên kiểm tra lượng nguyên vật liệu đầu vào để có những biện pháp phù hợp, duy trì ổn định sản lượng gạch sản xuất hàng tháng theo kế hoạch đã đặt ra cũng như đảm bảo sự ổn định về chất lượng và giá thành sản phẩm.

**Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào**

STT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Công ty TNHH Hùng Khởi	Than
2	Công ty TNHH Plleikrong	Xăng, dầu diesel
3	Công ty TNHH Song Song Vy	Than
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Thành Tâm	Than

*(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)*

❖ **Ảnh hưởng của giá cả vật tư tới hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Nguyên vật liệu chủ yếu là đất sét và than chiếm 35% - 40% trong giá thành sản xuất của Công ty. Nhà máy sản xuất gạch của Công ty đặt tại tỉnh Kon Tum là tỉnh có diện tích đồi núi rộng lớn nên nguồn cung cấp đất dồi dào đây là một trong những thuận lợi về nguồn cung đất sét cho việc sản xuất của Công ty. Về nguồn than, Công ty cũng chủ động chọn những nhà cung cấp uy tín trên thị trường để đảm bảo về nguồn cung cũng như chất lượng sản phẩm của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những chính sách tích trữ đảm bảo sản xuất liên tục trong thời gian dài để tạo được sự chủ động về nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và không chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ biến động giá trên thị trường.

Công ty luôn duy trì phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, đồng thời chủ động xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu vật tư, thiết bị thi công để xây dựng dự toán, khối lượng công trình chính xác và kiểm soát được giá cả.

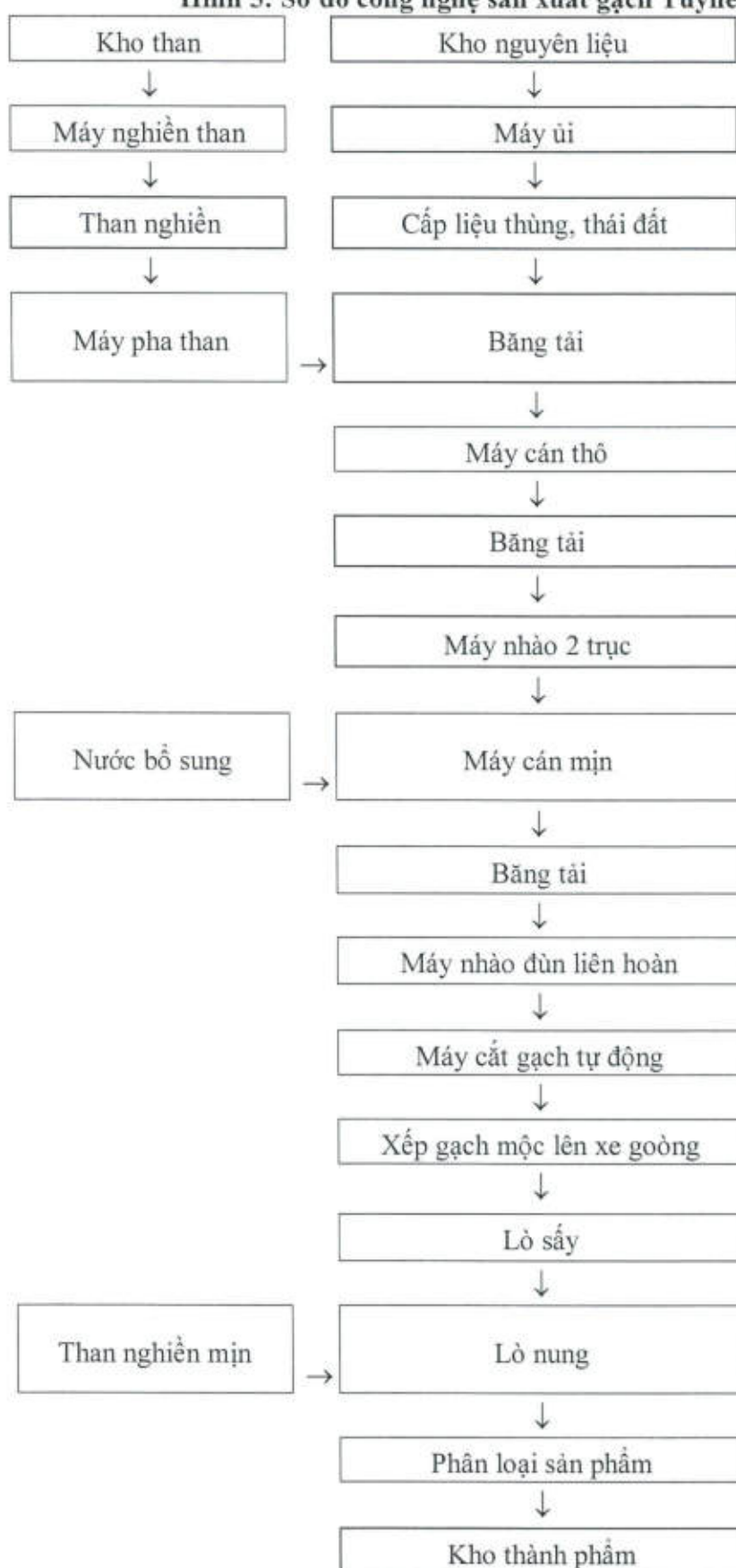
**d. Trình độ công nghệ**

Công ty đã ứng dụng công nghệ kịp thời với xu thế phát triển công nghệ của cả nước là công nghệ lò Tuynel trần phẳng. Công nghệ hiện đại tiết kiệm nhiên liệu và sức lao động so với các công nghệ cũ, chất lượng sản phẩm A1 lên đến 95%, tỷ lệ thu hồi 98% và cho công suất đạt 3 đến 4 triệu viên/tháng.





Hình 5: Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch Tuynel lò trần phẳng



(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)



#### ❖ Quy trình chế biến tạo hình:

Nguyên liệu từ vùng nguyên liệu vận chuyển về kho chứa để phong hoá, đảo trộn và ngâm ủ, đổ rải thành từng lớp dày 20-30cm, tưới nước đến độ ẩm từ 18-20%, chất thành từng đồng cao từ 4m - 5m, hàng ngày thêm nước đảm bảo ổn định độ ẩm. Đất sét sau khi được phân hoá, ngâm ủ khoảng 03 tháng, giảm độ ẩm còn 16% được máy ủi đưa từ bãi chứa vào máy cấp liệu thùng hoặc vào kho chứa đất có mái che để sử dụng trong những ngày mưa (do đất ở ngoài bãi quá ướt nên không thể gia công chế biến được). Sau máy cấp liệu thùng, đất được chuyển tới máy cán thô rồi đến máy cán mịn, đến máy nhào hai trục có lưới lọc. Máy cán thô có khe hở giữa 2 quả cán khoảng 8-10mm. Qua máy này cấu trúc ban đầu của đất bị phá huỷ dưới tác dụng của các chuyển động xé, ép, miết dưới tác dụng quay của hai quả cán với tốc độ khác nhau. Đất sét sau khi được nghiền sơ bộ sẽ được chuyển tới máy cán tinh, khe hở giữa hai quả cán là 3,0- 5,0mm. Qua máy cán tinh, đất được rơi vào máy nhào hai trục có lưới lọc. Tại đây đất sét được nhào trộn, được pha than và thêm nước đến độ ẩm tạo hình 18-20% đồng thời cũng bắt đầu bị nén ép khi được đùn qua lưới. Lưới lọc của máy nhằm tách các tạp chất như cò, rễ cây, mảnh gạch ngói, các cục đất sống còn sót lại trong đất sét. Ra khỏi máy nhào hai trục đất được chuyển tới máy nhào đùn liên hợp có hút chân không để tạo hình sản phẩm theo kích thước đã định. Sau đó bộ phận bốc xếp có trách nhiệm xếp gạch mộc lên trên xe goòng chuẩn bị đưa vào hầm sấy.

#### ❖ Quy trình sấy, nung:

Gạch các loại sau tạo hình sẽ được công nhân xếp lên goòng sấy theo phương thức xếp phù hợp với yêu cầu của từng loại sản phẩm và chuyển vào hầm sấy Tuynel. Nhiệt cần thiết cho quá trình sấy gạch mộc sẽ lấy từ hệ thống thu hồi khí nóng do làm nguội gạch sản phẩm, một phần nhiệt thừa của lò nung sau quá trình nung để đưa sang hệ thống buồng sấy của lò Tuynel. Sau khi qua sấy sản phẩm được đưa vào lò nung để thực hiện quá trình nung với nhiệt độ nung cao trong khoảng 950 - 1.050°C. Sản phẩm sau khi ra lò được phân loại và xếp thành từng lô riêng biệt ở kho thành phẩm để chờ giao cho khách hàng.

Trong định hướng phát triển chiều sâu, Công ty chú trọng đầu tư đổi mới, phát triển dây chuyền công nghệ như máy nghiền, khuôn mẫu, thu hút và đào tạo thợ kỹ thuật có tay nghề cao, đào tạo công nhân, mở rộng nâng cao sản lượng để tạo ra được nhiều sản phẩm mới chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

#### *e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm*

#### ❖ Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Công ty đã thành lập Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) thuộc phòng điều phối sản xuất và quản lý chất lượng, đây là bộ phận chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn, ngoài ra, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

KCS kiểm tra lấy mẫu ngẫu nhiên để đưa vào đo lường các thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật được kiểm tra dựa trên tiêu chuẩn quy định riêng của Công ty phù hợp với tiêu





chuẩn Việt Nam. Các thông số kiểm tra được lưu trữ hồ sơ bằng văn bản và nhật ký sản xuất theo mỗi đợt bán thành phẩm và đợt sản phẩm xuất xưởng.

Việc kiểm tra trong từng công đoạn được thực hiện cụ thể như sau:

- Kiểm tra độ ẩm tất cả các nguyên liệu sử dụng hàng ngày, từ đó lập cơ sở dữ liệu phục vụ cho khâu pha trộn nguyên liệu;
- Kiểm tra thông số kỹ thuật của hỗn hợp đất và than sau mỗi mẻ trộn để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đầu vào và có sự điều chỉnh kịp thời;
- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của gạch khô trước khi xếp lên xe goòng và đưa vào hầm sấy;
- Kiểm tra, đo lường, phân loại sản phẩm đầu ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm đúng theo quy chuẩn.
- Định kỳ, Công ty mang mẫu đi thí nghiệm tại Viện Vật liệu xây dựng các chỉ tiêu về độ ẩm, độ nén, kích thước nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm cung cấp ra thị trường.

#### ❖ **Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty**

Tất cả các công đoạn sản xuất được kiểm soát trên cơ sở các thông số kỹ thuật, các yêu cầu kỹ thuật, hướng dẫn công việc của từng sản phẩm, cho từng công đoạn, thông số và yêu cầu kỹ thuật đều phải đo, đếm được và kiểm tra chặt chẽ bằng các dụng cụ thích hợp. Hiện nay sản phẩm của Công ty được chứng nhận kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn: TCVN 1451:1998 có kích thước là: 205 x 95 x 55mm. Các số liệu kiểm tra được ghi chép thành các hồ sơ và lưu giữ để phục vụ cho việc theo dõi, quản lý, khắc phục, phòng ngừa, cải tiến. Việc quản lý theo quá trình đã nâng cao được ý thức làm việc của CBCNV, sản phẩm được kiểm tra chặt chẽ ở từng công đoạn đã làm giảm đáng kể các sản phẩm lỗi nhập kho, mọi vấn đề không phù hợp phát sinh sẽ được phát hiện ra và xử lý kịp thời và đưa ra các hành động khắc phục phòng ngừa và cải tiến. Vì vậy, sẽ giảm được chi phí sản xuất, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm.

#### *f. Hoạt động kinh doanh khác*

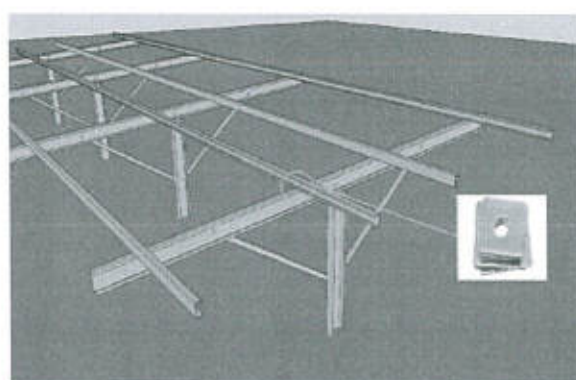
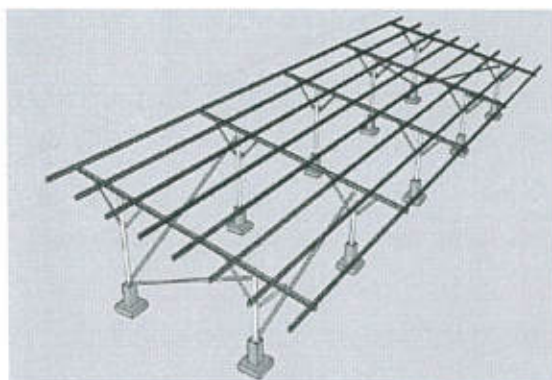
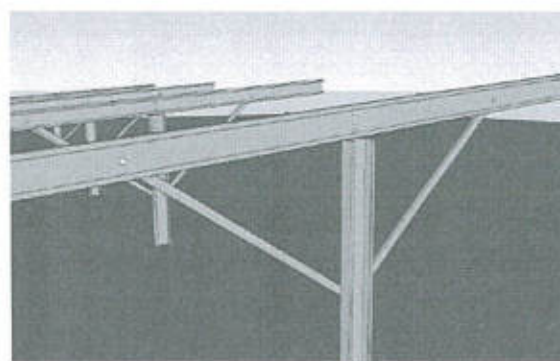
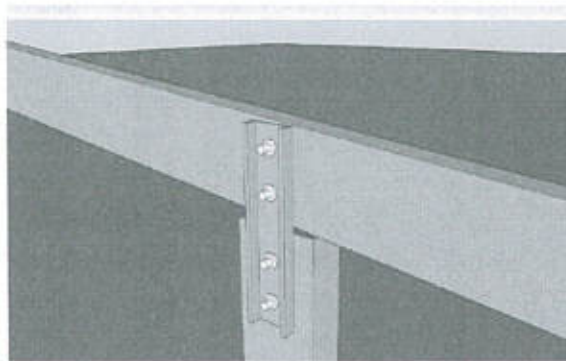
Bên cạnh việc hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, kể từ năm 2020, Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như xây lắp công trình và cung cấp năng lượng điện mặt trời

Hiện tại, Công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng các trang trại nông nghiệp, công trình nhà xưởng kết hợp điện áp mái lắp đặt trên nhà xưởng tại địa bàn tỉnh Kon Tum và Lâm Đồng. Các dự án trang trại được Công ty xây dựng toàn bộ theo mô hình chuẩn hóa, đồng bộ về thiết bị và công nghệ. Mô hình các trang trại chăn nuôi đảm bảo song hành yếu tố hiệu quả, bền vững nhờ vào kết cấu hạ tầng vững chắc, lâu bền, tiết kiệm tối đa chi phí cùng với công nghệ an toàn sinh học, xử lý thải hiệu quả. Việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái trên các nhà xưởng, trang trại giúp tận dụng các mái che sẵn có, tăng doanh thu (từ việc tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng thu nhập từ bán điện), chủ động được nguồn điện phục vụ sản xuất.

#### ❖ **Kỹ thuật xây dựng**



Công ty tiến hành Xây dựng trang trại trồng cây dược liệu thoáng, rộng rãi không có trở ngại về mặt bằng triển khai và thi công dự án. Các trang trại chăn nuôi gà cũng được thiết kế tương tự. Phần Cấu trúc giá đỡ được liên kết thành khung giàn trang trại, tạo góc nghiêng 13-14° về hướng chính Nam để đảm bảo che lượng nắng gắt cho cây đồng thời vẫn cung cấp đủ lượng nắng phù hợp cho cây quang hợp và phát triển, chân khung giá đỡ liên kết với cọc bê tông chắc chắn có khả năng chịu được tác động mạnh từ gió bão, các ngoại lực do thiên nhiên tạo ra với tần suất tự nhiên.



Tất cả các chi tiết của hệ thống giá đỡ sẽ được làm bằng thép mạ kẽm để ngăn ngừa và tránh oxy hóa. Sự gắn kết với địa hình sẽ được thực hiện theo các khuyến nghị được thiết lập trong nghiên cứu kết cấu. Nền tảng của cấu trúc phải chống lại các phát sinh từ: tải trọng gió lớn ở mọi hướng, trọng lượng riêng của cấu trúc và tấm pin lắp đặt lên, yêu cầu động đất theo quy định.

**Bảng 7: Các công trình xây dựng Công ty đang thực hiện**

STT	Công trình	Chủ đầu tư	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Vị trí	Tiến độ thi công	Số tiền (triệu đồng)
1	Trang trại dược liệu kết hợp Công trình điện áp mái	CTCP CRC Power	5800	Lâm Hà – Lâm Đồng	Hoàn thành san lấp mặt bằng, đổ móng; hoàn thiện kết cấu thép, mái. Đạt tiến độ 80%	3.621

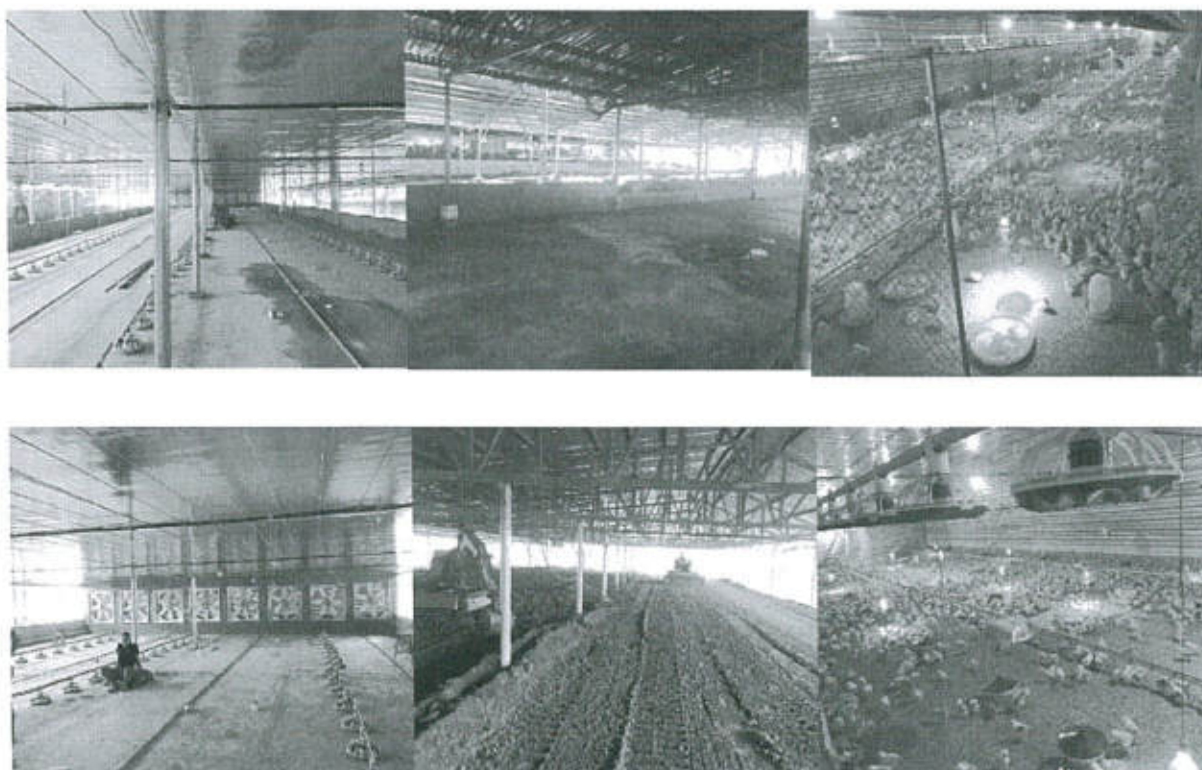




STT	Công trình	Chủ đầu tư	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Vị trí	Tiến độ thi công	Số tiền (triệu đồng)
2	Trang trại dược liệu kết hợp Công trình điện áp mái	CTCP Nhật nguyên xanh Solar	5800	Đức Trọng – Lâm Đồng	Hoàn thành san lấp mặt bằng, đổ móng; hoàn thiện kết cấu thép, mái. Đạt tiến độ 80%	3.621
3	Trang trại nông nghiệp	CTCP Phát triển Đầu tư Thương mại SHP	6250	Sa Thầy - Kontum	Hoàn thành đạt 95%.	5.059
4	Nhà giàn nông nghiệp và điện áp mái	CTCP Phát triển Đầu tư Thương mại SHP	7.100	Lâm Hà – Lâm Đồng	Hoàn thành đạt 95%	4.858
5	Trại gà kết hợp điện áp mái	CTCP Cung cấp năng lượng Điện mặt trời	5800	Lâm Hà – Lâm Đồng	Hoàn thành đạt 95%	3.621
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.750</b>			<b>20.780</b>

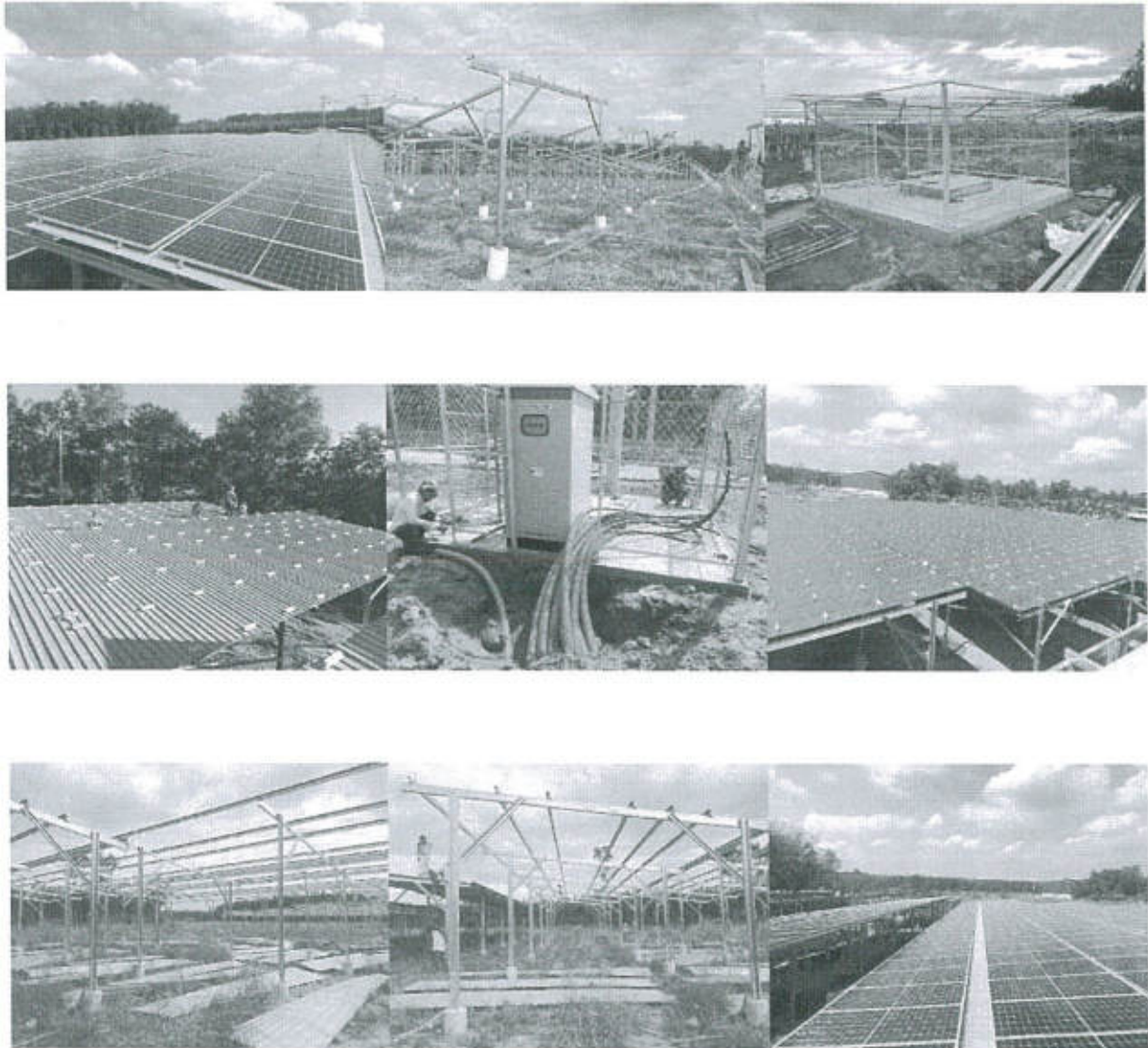
(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Hình 6: Một số hình ảnh xây dựng trang trại, nhà xưởng của Công ty**



(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Hình 7: Một số hình ảnh lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái của Công ty**



(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

#### **10.1.2. Tính thời vụ của các hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

#### **10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ**

##### **a. Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty**





Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		3 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần	Tỷ trọng (%)
	(Triệu đồng)		(Triệu đồng)		(Triệu đồng)		(Triệu đồng)	
1. Doanh thu thương mại	2.374	12,21	23.437	68,28	7.901	11,18	16.118	55,36
- Gạch các loại	2.201	11,32	12.565	36,33	2.211	3,13	-	-
- Thép, tôn các loại	173	0,89	10.872	31,95	5.690	8,05	2.012	6,91
- Bán sản, nông sản	-	-	-	-	-	-	14.106	48,45
2. Doanh thu bán thành phẩm (gạch các loại)	17.070	87,79	10.407	30,32	4.457	6,3	1.023	3,52
3. Doanh thu xây lắp công trình	-	-	-	-	57.263	81,01	11.568	39,73
4. Doanh thu khác (điện mặt trời áp mái nhà)	-	-	481	1,40	1.070	1,51	405	1,39
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.444</b>	<b>100,00</b>	<b>34.325</b>	<b>100,00</b>	<b>70.691</b>	<b>100</b>	<b>29.114</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

Quý 1 năm 2022, Công ty ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ việc bán nông sản: Sản phẩm là mặt hàng thương mại thời vụ để phục vụ nhu cầu thu mua sản phẩm sản xuất công nghiệp của khách hàng. Đây là hoạt động thương mại tận dụng lợi thế thu mua nông sản tại địa bàn tỉnh Kon Tum, không mang tính chất lâu dài và không phải ngành nghề chính của Công ty.

*b. Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

**Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		3 tháng đầu năm 2022	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng (%)
	(Triệu đồng)		(Triệu đồng)		(Triệu đồng)		(Triệu đồng)	
1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động thương mại	2.375	34,62	3.096	46,44	1.000	8,23	1.915	55,36



Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		3 tháng đầu năm 2022	
	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận gộp (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
- Gạch các loại	2.201	32,08	2.810	42,15	184	1,51	-	-
- Thép, tôn các loại	174	2,54	286	4,29	816	6,72	239	6,91
- Bán sản, nông sản	-	-	-	-	-	-	1.676	48,45
2.Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm (gạch các loại)	2.623	38,23	2.018	30,27	1.473	12,13	122	3,53
3.Lợi nhuận gộp từ hoạt động xây lắp	1.653	24,09	1.317	19,76	9.047	74,5	1.374	39,72
4.Lợi nhuận khác (điện mặt trời)	210	3,06	235	3,53	625	5,14	48	1,39
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.861</b>	<b>100,00</b>	<b>6.666</b>	<b>100,00</b>	<b>12.145</b>	<b>100,00</b>	<b>3.459</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

## 10.2. Tài sản

**Bảng 10: Danh sách đất đai của Công ty tại ngày 31/03/2022**

STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Căn cứ pháp lý	Hình thức sử dụng đất
1	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 32, số 192 đường Trần Phú, phường Trường Chinh, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	1.140	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB210903 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 25/01/2005	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm
2	Thửa đất số 686, tờ bản đồ số 27, Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	25.509,8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734194 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 18/06/2015	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm





STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Căn cứ pháp lý	Hình thức sử dụng đất
3	Thửa đất số 687, tờ bản đồ số 27, Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum	10.878,1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX734195 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 18/06/2015	Đất thuê 50 năm, trả tiền hàng năm
	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.527,9</b>		

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Bảng 11. Tình hình tài sản đang sử dụng của Công ty tại ngày 31/03/2022**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ Nguyên giá (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>61.942</b>	<b>53.072</b>	<b>85,68</b>
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	32.210	29.114	90,39
2	Máy móc thiết bị	29.732	23.957	80,58
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>61.942</b>	<b>53.072</b>	<b>85,68</b>

(Nguồn: BCTC quý I năm 2022 của CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**Bảng 12. Một số tài sản máy móc, thiết bị lớn mà Công ty đang sở hữu tại ngày 31/03/2022**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá (%)
1	Hệ ray xe goòng	2.226	1.756	78,89
2	Máy dùn ép chân không	2.554	2.095	82,03
3	Hệ thống điện áp mái	8.848	8.183	92,48
4	Xe goòng	6.300	5.112	81,14



STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/ Nguyên giá (%)
5	Lò nung	7.463	6.671	89,39
6	Nhà chế biến, bao che	1.486	1.283	86,34
7	Nhà xưởng 2	6.021	5.428	90,15
8	Hệ ray xe goòng bổ sung	6.106	5.228	85,62
<b>Tổng cộng</b>		<b>41.004</b>	<b>35.756</b>	<b>87,20</b>

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

### 10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, toàn bộ doanh thu, lợi nhuận của Công ty từ năm 2019 đến nay là từ thị trường trong nước.

### 10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

#### 10.4.1. Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng

Mặc dù năm 2021 là một năm khó khăn và biến động bị ảnh hưởng bởi sự phức tạp của COVID-19 nhưng những kết quả của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng đều được ghi nhận ở mức tăng trưởng tốt. Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng đem lại sự ổn định về doanh thu và lợi nhuận so với những năm qua.

Công ty sản xuất vật liệu xây dựng là Gạch xây Tuynel. Gạch sản xuất ra được bán cho các khách hàng địa bàn lân cận. Năm 2021, doanh thu thuần từ bán thành phẩm (gạch các loại) của Công ty đạt 4,46 tỷ đồng. Trong đó, một số hợp đồng Công ty đã ký kết bán với các khách hàng trong năm 2021 như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]





**Bảng 13. Các Hợp đồng Công ty xuất bán cho khách hàng trong năm 2021**

Đơn vị tính: đồng

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK Dư	PS nợ	PS có
HD	18/06/2021	4226	Xuất bán theo giá trị HDKT số 06-01/HDKT/ Kovalixa - SHP	131		5.059.420.000
HD	22/06/2021	4228	Xuất bán theo giá trị HDKT số 06-02/HDKT/Kovalixa-SHP	131		5.260.420.000
HD	29/06/2021	4229	Xuất bán theo giá trị HDKT số 06-03/HDKT/Kovalixa-SHP	131		4.858.420.000
HD	30/08/2021	4242	Xuất bán hàng theo HD số 122021/HDKT/SHP-Kontum	131		3.602.727.273
HD	17/09/2021	4245	Xuất bán hàng theo HD số 182021/2021/HDKT/SHP-Kontum	131		3.602.727.273
HD	29/09/2021	4247	Xuất bán hàng theo HD số 092021/2021/HDKT/SHP-Kontum	131		3.602.727.273
HD	07/12/2021	4258	Xuất bán theo HD số 01A/2020/HDKT/DNNXKovalixa	131		1.481.200.000
HD	07/12/2021	4259	Xuất bán theo HD số 03A/2020/HDKT/Kosun-Kovalixa	131		1.481.200.000
HD	26/12/2021	4260	Xuất bán theo HD số 01/2020/HDMB/Power-Kovalixa	131		3.621.200.000
HD	26/12/2021	4261	Xuất bán theo HD số 01/2020/HDMB/NLDMT-Kovalixa	131		3.621.200.000
HD	26/12/2021	4262	Xuất bán theo HD số 01/2020/HDMB/NNX-Kovalixa	131		3.621.200.000
HD	30/12/2021	4265	Xuất bán theo HD số 3012/2021/Kontum-SHP	131		2.966.363.636

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)



#### 10.4.2. Hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng

Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng như sắt thép, gạch, vật tư thiết bị điện để phục vụ các Công trình ở xa trụ sở chính. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty trong năm 2020 và năm 2021. Điều này cho thấy đây vẫn là ngành chủ chốt và đóng góp lớn vào doanh thu hàng năm của Công ty.

**Bảng 14. Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, nông sản khác của Công ty**

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		3 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu thuần (Đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu thuần (Đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thương mại	2.374.090.000	12,21	34.324.988.037	68,28	7.901.200.000	11,18	16.118.000.000	76,19
- Gạch các loại	2.200.500.000	11,32	12.469.132.501	36,33	2.210.560.000	3,13	-	-
- Thép, tôn các loại	173.590.000	0,89	10.968.354.120	31,95	5.690.640.000	8,05	2.012.000.000	9,5
- Sản khô							14.106.000.000	67,14

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

#### 10.4.3. Hoạt động kinh doanh khác

Từ năm 2020, Công ty bắt đầu mở rộng đầu tư vào lĩnh vực xây lắp nhà xưởng kết hợp điện mặt trời áp mái và ghi nhận được doanh thu, lợi nhuận từ những công trình này. Hơn nữa, do cơ chế chính sách về điện áp mái của Chính phủ, nhu cầu phát triển điện áp mái kết hợp các trang trại nông nghiệp bùng nổ. Công ty đã tận dụng tốt để phát triển dịch vụ xây dựng các trang trại chăn nuôi, nông nghiệp và hoàn thiện các hệ thống điện áp mái cho phía khách hàng. Đặc biệt, trong năm 2021, có khoảng 10 dự án xây dựng đã vào hoạt động, được bàn giao cho chủ đầu tư. Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp chiếm tỷ trọng 74,50% lợi nhuận gộp năm 2021 của Công ty. Lợi nhuận từ hoạt động xây dựng lớn là do việc tận dụng được chi phí vật liệu giá rẻ và các bên khách hàng yêu cầu hoàn thành gấp rút nên Công ty đã có nhiều giải pháp tối ưu hóa chi phí, đẩy nhanh tiến độ và các hợp đồng ký kết được với đơn giá tốt so với các thời điểm khác.

#### 10.5. Các hợp đồng lớn



Bảng 15: Danh sách một số hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay

Hợp đồng	Giá trị (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn
0166/2021/HDKT/NSH-KOVALIXA	10	01/06/2021	04 tháng	Thép các loại		CTCP Đầu tư xây dựng Thương mại và Dịch vụ Nam Sông Hồng	Không có
0319/HDMB	2	01/07/2019	01 năm		Gạch xây dựng	CTCP Dược Liệu Mãng Đen Kon Tum	Không có
3103/HDKT	4,5	31/3/2020	02 tháng	Gạch, thép xây dựng		Công ty Cổ phần Công nghệ EMP	Không có
01.7/HDKT	4,7	01/7/2020	02 tháng		Gạch xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng TMP Kontum	Không có
15-1/HDKT-HH	2	15/01/2020	01 tháng		Gạch xây dựng	Đại lý Hùng Hoa	Không có
06-04/HDKT-QT	3,4	06/4/2020	01 tháng		Gạch xây dựng	Đại lý Quang Toàn	Không có



Hợp đồng	Giá trị (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn
0719/HDNT/HMBG- KOVALIXA	5	01/12/2019	01 năm		Gạch xây dựng	Công ty TNHH Đầu tư Và TMDV Hoàng Minh BG	Không có
0419/HDMB	5	01/07/2019	03 năm		Gạch xây dựng	Công ty Cổ phần EMP	Không có
0120/HĐKT/KOVALIX A – EMP	4	05/01/2020	03 năm	Sắt thép tôn xây dựng		Công ty Cổ phần EMP	Không có
2/10/HĐKT	7	02/10/2020	01 năm		Gạch xây dựng	Công ty Cổ phần EMP	Không có
07/2020/HDMD/KTPC- KD	Theo biên bản xác nhận chỉ số công tơ hàng tháng	08/09/2020	20 năm		Điện mặt trời áp mái nhà	Tổng Công ty điện lực miền Trung	Không có

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)





## 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

### 10.6.1. Danh sách khách hàng lớn

**Bảng 16: Danh sách các khách hàng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay**

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
1	Công ty Cổ phần EMP	15.000	2019-2022	Gạch, sắt thép	Không
2	Công Ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	4.000	2020-2022	Công trình	Không
3	Công Ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại SHP	35.000	2019-2022	Gạch, sắt thép	Không
4	Công Ty TNHH Điện Năng Lượng Mặt Trời Tân Phú	5.000	2020-2022	Công trình	Không
5	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Xanh Kosun	4.000	2020-2022	Công trình	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

### 10.6.2. Danh sách nhà cung cấp lớn

**Bảng 17: Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay**

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
1	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	20.000	2019-2022	Sắt thép	Không
2	Công ty TNHH BG Solar	5.000	2020-2022	Công trình	Không
3	Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	13.000	2019-2022	Sắt thép	Không



STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
4	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Sông Hồng	4.000	2020-2022	Tôn	Không
5	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Phú Long	5.300	2021	Công trình	Không
6	Công ty TNHH Đầu Tư và thương mại dịch vụ Hoàng Minh BG	3.000	2020-2022	Công trình	Không
7	Công ty TNHH thiết kế xây dựng kiến trúc Ý Tường	5.000	2021	Công trình	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

## 10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

### 10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum là một trong những nhà phân phối của các đại lý cấp một chuyên bán buôn các mặt hàng vật liệu xây dựng. Doanh thu từ đối tượng khách hàng này chiếm khoảng 90% tổng nguồn thu từ mặt hàng gạch Tuynel, hơn nữa Công ty có các nhà cung cấp nguyên vật liệu đều là những đối tác lâu năm, tạo sự ổn định cho việc cung cấp nguyên vật liệu.

Dây chuyền sản xuất của Công ty được trang bị hiện đại, Công ty đang áp dụng công nghệ sản xuất gạch bằng lò Tuynel là loại công nghệ hiện đại, có công suất lớn, ít tiêu hao năng lượng, giúp tiết kiệm chi phí và tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt. Công tác cung ứng vật tư nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, sửa chữa được rà soát cân đối phù hợp với giá cả, định mức sử dụng tiêu dùng, giảm lượng dự trữ ở mức cho phép tạo hiệu quả đồng vốn kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Công ty có nhà máy sản xuất và hệ thống kho bãi đều đã hoàn thiện cơ sở vật chất, vị trí địa lý thuận lợi như có nguồn nguyên liệu dồi dào hoặc dễ dàng triển khai hệ thống phân phối đến khách hàng.

Ngoài ra, Công ty có chiến lược phát triển rõ ràng, bài bản, phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và kế hoạch đầu tư có chiến lược rõ ràng cho từng phân khúc nhóm hàng và lợi thế địa phương, cùng với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành của Ban lãnh đạo giúp Công ty nâng cao năng lực dự báo giá nguyên vật liệu sản xuất, bám sát diễn biến thị trường,





chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất.

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục tích cực đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao trình độ lao động, mở rộng quy mô sản xuất cũng như thị trường tiêu thụ nhằm tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

**Bảng 18: Bảng so sánh tài chính năm 2021 của một số công ty trong ngành Vật liệu xây dựng đã niêm yết/ đăng ký giao dịch**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	CTCP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum (NXT)	CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân (GMX)	CTCP Gạch Ngói Nhị Hiệp (NHC)	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp (MCC)
Tổng tài sản	92.721	157.064	72.408	93.633
Vốn chủ sở hữu	48.019	106.283	66.580	71.034
Vốn điều lệ	33.000	53.207	30.415	50.161
Doanh thu thuần	70.691	214.006	28.615	40.954
Lợi nhuận sau thuế	6.842	23.446	10.169	2.140

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum tự tổng hợp)

Mặc dù so với một số doanh nghiệp cùng ngành khác như CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp (Mã chứng khoán: NHC); Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp (Mã chứng khoán: MCC); CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân (Mã chứng khoán: GMX) thì Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum chỉ có mức vốn điều lệ là 33 tỷ đồng và lượng vốn chủ sở là 48 tỷ đồng, thấp nhất trong danh sách các doanh nghiệp cùng ngành nêu trên, nhưng Công ty lại có doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế khá cao so với quy mô. Cụ thể hơn, mức doanh thu thuần năm 2021 của Công ty là gần 71 tỷ đồng, đứng thứ 2 chỉ sau CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân và lợi nhuận sau thuế đạt 7 tỷ đồng.

Sau 16 năm thành lập, Công ty đã xây dựng được đội ngũ quản lý năng động và nhiều kinh nghiệm, lực lượng công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực và tạo ra uy tín thương hiệu trên thị trường, mạng lưới khách hàng rộng lớn. Với những lợi thế và vị thế sẵn có, tiềm năng phát triển của Công ty trong những năm tới được đánh giá là vững mạnh và ổn định.

Bên cạnh đó, với lĩnh vực xây lắp công trình cùng diện mặt trời áp mái, CTCP Sản xuất



và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum là một cái tên mới bởi năm 2020, Công ty mới triển khai hoạt động trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, Công ty đang từng ngày nỗ lực xây dựng phát triển, hoàn thiện mình với quyết tâm cao nhất thông qua việc đầu tư mạnh vào việc mua pin năng lượng mặt trời và hoàn thiện các dự án xây dựng với tiến độ nhanh. Từ đó từng bước xây dựng vị thế Công ty trong lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh Kon Tum nói riêng và trên toàn quốc nói chung.

#### **10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành**

##### **❖ Triển vọng phát triển ngành kinh doanh vật liệu xây dựng**

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, trong năm 2019, kết quả hoạt động xây dựng tăng trưởng của cả nước ước đạt khoảng 9% - 9,2% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 39,2% (tăng 0,8% so với năm 2018). Nền kinh tế tăng trưởng ổn định giúp phát triển các hoạt động của nền kinh tế, trong đó có hoạt động xây dựng. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), xuất khẩu thép xây dựng và tôn mạ của Việt Nam đạt lần lượt là 1,6-2,8 triệu tấn trong 10 tháng đầu năm 2021, tăng 37% so với cùng kỳ. Do đó, nhu cầu thép thế giới đã tăng đáng kể từ quý I/2021 khi hàng loạt các quốc gia đã phê duyệt và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng. Xu hướng này sẽ tiếp tục tiếp diễn tối thiểu đến hết nửa đầu năm 2022, từ đó kích thích các nhà sản xuất thép Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu.

Mục tiêu phát triển ngành Xây dựng giai đoạn 2021 – 2026 theo hướng hiện đại, nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và dựa trên cơ sở nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo, tận dụng tốt kết quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, chủ động hội nhập quốc tế. Từ đó, ngành Xây dựng đã đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 6 - 8%/năm. Ngoài ra, duy trì tỷ lệ 100% phù kín quy hoạch chung đô thị và được lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 45%; diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 26 - 27 m<sup>2</sup> sàn/người; diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt khoảng 26m<sup>2</sup>/người...

Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam nhận định, thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng. Đánh giá, vật liệu xây dựng là ngành sản xuất quan trọng, trong khi Việt Nam đang bùng nổ xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hóa như hiện nay. Bộ Xây dựng đã có Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050. Theo đó, sẽ ưu tiên đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng mới, dự án công suất lớn ở vùng có điều kiện thuận lợi về nguyên liệu, có điều kiện phát triển công nghiệp, hạ tầng giao thông thuận lợi và gần thị trường tiêu thụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển cơ khí chế tạo cho công nghiệp vật liệu xây dựng.

Hơn nữa, Việt Nam là nước đang phát triển và thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới. Cùng với sự tăng trưởng GDP hàng năm, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, các khu đô thị mới được xây dựng khắp cả nước, kéo theo đó là nhu cầu đầu tư cho xây dựng cơ sở





hạ tầng cũng phát triển rất mạnh. Do đó triển vọng phát triển của ngành xây dựng và cung ứng vật liệu xây dựng là rất lớn.

Trong bối cảnh người dân chưa tin tưởng sử dụng gạch không nung và giá thành loại gạch này chưa thật sự hấp dẫn thì gạch Tuynel vẫn giữ luôn giữ được thị phần và chiếm tỷ trọng lớn nhất trên thị trường. Mặt khác, trong thời gian tới các lò gạch thủ công sẽ ngừng sản xuất theo quy định pháp luật. Đây là cơ hội tốt để các công ty gạch Tuynel có quy mô lớn, quy trình sản xuất chuyên nghiệp gia tăng thị phần cũng như mở rộng sản xuất kinh doanh.

❖ ***Triển vọng phát triển của ngành xây lắp công trình và cung cấp năng lượng điện mặt trời***

Đối với hoạt động xây lắp công trình, trong 10 năm gần đây, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng dân số trung bình hằng năm ở mức 1,08% - khá cao so với các nước trong cùng khu vực châu Á và trên thế giới. Trong đó, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động chiếm hơn 50% và tiếp tục có xu hướng tăng trong những năm tiếp theo. Kết quả của việc tăng trưởng dân số, cụ thể là dân số trong độ tuổi lao động đã dẫn đến sự gia tăng nhu cầu về nhà ở, nghỉ dưỡng. Thêm vào đó, dưới tác động của quá trình đô thị hóa, người lao động từ nông thôn dần dịch chuyển ra thành thị để làm việc và phát triển nhiều hơn nên nhu cầu văn phòng cho thuê và xây dựng các công trình cũng tăng cao. Ngoài ra, chi số lãi cho vay mua bán bất động sản khá thấp, từ 4,99-10% sẽ tạo thêm động lực, khuyến khích các hộ gia đình và người trẻ mua nhà, thuê văn phòng,...

Bên cạnh đó, Chính phủ gần đây đã có những chính sách thúc đẩy, tăng trưởng chi tiêu vốn đầu tư công một cách mạnh mẽ, quyết liệt sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành xây lắp công trình trong tương lai gần cũng như giai đoạn tiếp theo.

Triển vọng mới cho ngành cung cấp năng lượng điện mặt trời là sự phát triển kinh tế ngày một gia tăng về tốc độ cũng như quy mô tổng thể sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng. Đặc biệt, nhu cầu về nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong đó có năng lượng điện mặt trời và mong muốn giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường từ các nguồn điện sử dụng các nguyên liệu hóa thạch đang là vấn đề được quan tâm của các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam. Hiện tại nhu cầu sử dụng điện ở Việt Nam là rất lớn với các nhân tố thúc đẩy gia tăng như sự phát triển kinh tế xã hội, quá trình gia tăng dân số, sự trưởng thành của tốc độ đô thị hóa và nhu cầu sản xuất công nghiệp phát triển mạnh. Vì vậy, khả năng thiếu hụt nguồn điện sẽ không thể tránh khỏi nếu không kèm theo sự phát triển của hệ thống lưới điện và nguồn điện. Mặc dù công suất lắp điện những năm gần đây của Việt Nam tăng mạnh, nhưng tỷ trọng giữa các nguồn điện đặc biệt là tỷ lệ điện năng lượng tái tạo vẫn còn thấp. Ngoài ra Nhà nước vẫn đang phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc và Lào, dù sản lượng nhập chỉ chiếm một phần rất nhỏ, để đáp ứng cho nhu cầu sử dụng điện tăng cao trong mùa khô. Do vậy, các nguồn năng lượng tái tạo, trong đó có năng lượng điện mặt trời sẽ là yếu tố quan trọng góp phần phát triển kinh tế bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đồng thời thúc đẩy sự phát triển của năng lượng xanh, bảo vệ môi trường.





Nhằm khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045, trong đó đặt ra mục tiêu phát triển năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15-20% vào năm 2023 và 25-30% vào năm 2045. Theo báo cáo triển vọng ngành điện Việt Nam năm 2021 bởi CSI Research Center, ngành năng lượng mặt trời còn tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng sản lượng điện điện khoảng 10%/năm đến năm 2025, dự kiến nhu cầu công suất nguồn điện của hệ thống điện quốc gia sẽ là hơn 90.000MW, gấp đôi hiện nay. Năm 2030, sẽ tăng đến khoảng 130.000MW tập trung đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, giảm tỷ trọng nguồn điện từ các nguyên vật liệu gây ô nhiễm môi trường, giá vốn cao và công nghệ thấp.

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, triển vọng phát triển các dự án năng lượng tại Việt Nam nói chung và cho CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng KonTum nói riêng được đánh giá là có tích cực với sự gia tăng cả về số lượng, quy mô trong cả hiện tại, trung và dài hạn.

### ***10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới***

Trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục có chính sách đẩy mạnh thi công xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế thì ngành xây dựng nói chung và vật liệu xây dựng nói riêng sẽ tiếp tục phát triển. Những năm gần đây, sản xuất vật liệu xây dựng của Việt Nam đã đảm bảo nhu cầu thị trường. Sản lượng, chất lượng các sản phẩm VLXD không ngừng được nâng cao; nhiều công nghệ mới, tiên tiến, thiết bị hiện đại ngang tầm với thế giới và khu vực được đầu tư. Nhiều chủng loại VLXD mới đã được sản xuất. Nhà nước đã có chủ trương và đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích phát triển VLXD mới: Luật Xây dựng ban hành năm 2014 quy định rõ yêu cầu sử dụng VLXD: an toàn, hiệu quả, tiết kiệm, thân thiện môi trường.

Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 chỉ ra nhu cầu trong nước về gạch xây dựng được dự báo tăng từ 26 tỷ viên năm 2015 đến 30 tỷ viên năm 2020. Trong đó, 17,5 tỷ viên là gạch nung, 12,5 tỷ viên còn lại là vật liệu xây không nung.

Nắm bắt được nhu cầu thị trường và xu hướng trong tương lai, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum cũng có những định hướng cụ thể trong hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Chú trọng đến việc đầu tư trang thiết bị sản xuất và áp dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.





- Duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm, đánh giá, xây dựng kế hoạch và triển khai các dự án điện mặt trời mái nhà có tiềm năng.

#### **10.8. Hoạt động Marketing**

Để hoạt động Marketing thực sự hiệu quả nhằm đẩy mạnh việc phát triển khách hàng, chiếm lĩnh thị trường và khẳng định thương hiệu, Công ty đã xây dựng chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo... Các hoạt động marketing của Công ty bao gồm:

- Thực hiện tiếp thị trường xuyên, liên tục duy trì, giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống;
- Hàng năm công ty xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu thông qua các hoạt động như: tham gia hội chợ triển lãm, tài trợ các chương trình, quảng cáo trên các phương tiện thông tin báo, đài, pano, đặt kệ trưng bày sản phẩm tại các cửa hàng, đại lý nhằm mục đích mở rộng thị phần sản phẩm của Công ty,...;
- Thông qua báo chí, internet, báo cáo thống kê của các tổ chức nghiên cứu thị trường uy tín, để lựa chọn và chủ động tiếp xúc với các chủ đầu tư, nhà thầu chính tiềm năng để qua đó giới thiệu về năng lực và quảng bá thương hiệu của Công ty, đồng thời thiết lập các quan hệ hợp tác lâu dài;
- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến mãi nhằm thu hút được khách hàng để tiêu thụ sản phẩm của Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Tham gia các hoạt động tài trợ xã hội trong tỉnh, hoạt động thể dục thể thao, hoạt động từ thiện xã hội,... nhằm nâng cao vị thế và hình ảnh Công ty trong tỉnh;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất gạch Tuynel và đảm bảo tiến độ, chất lượng các sản phẩm để giành được sự hài lòng và tín nhiệm của khách hàng để có thể đưa các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty rộng rãi trên thị trường.

#### **10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký logo và nhãn hiệu thương mại. Dự kiến thủ tục sẽ hoàn thành vào tháng 06/2022.

Từ khi thành lập cho đến nay, logo của Công ty được sử dụng thống nhất như sau:



- Logo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum được thiết kế dựa trên sự cách điệu hai chữ cái "Ko" và "Vật liệu xây dựng" nối liền và lồng với nhau, là



các ký tự viết tắt tên Công ty thể hiện đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Về màu sắc, logo được thiết kế với tông màu chủ đạo là đỏ và xanh đen:
  - + Màu đỏ: đại diện cho lò nung luôn rực cháy là trái tim của nhà máy cũng như màu gạch đỏ khi ra lò.
  - + Màu xanh đen: màu của gạch mộc, màu của nguyên vật liệu và tài sản máy móc thiết bị của nhà máy.

#### **10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển**

Chính sách nghiên cứu và phát triển bao gồm nguyên tắc chỉ đạo, quy tắc, phương pháp, thủ tục được thiết lập gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất kinh doanh được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất.

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới thông thường theo quy trình: Các ý kiến của khách hàng thông qua khiếu nại, những đề nghị làm theo mẫu hay ý kiến riêng của khách hàng, các ý tưởng của cán bộ thị trường phòng kinh doanh khi tiếp xúc ở hiện trường hoặc từ việc nghiên cứu đối thủ... Tất cả những ý tưởng, thông tin trên được chuyển về phòng kỹ thuật để nghiên cứu và chạy thử mẫu các lô nhỏ. Khi mẫu mang ra thị trường hoặc khách hàng chấp nhận thì Công ty mới sản xuất các lô lớn.

Từ năm 2019 đến nay, quá trình vừa sản xuất vừa cải tiến đến khi sản phẩm ở Công ty ngày càng hoàn thiện và khách hàng ngày càng hài lòng. Công ty có các tổ, các nhóm quản lý chất lượng ở các phòng ban, xưởng sản xuất nhằm cải tiến không ngừng chất lượng sản phẩm. Nhóm này cũng họp và thảo luận thường xuyên thông qua các chuyên đề phát triển sản phẩm, phát triển công nghệ,... Ngoài các sản phẩm gạch bao gồm gạch đặc và gạch lỗ thì hiện nay, Công ty đang nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các loại ngói lợp, dự kiến sẽ chính thức được sản xuất hàng loạt vào trong năm 2022.

Mặc dù năm 2020 và năm 2021, nền kinh tế cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn, biến động do dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp song thông qua những chính sách nghiên cứu và phát triển sáng tạo, đúng đắn, Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể như doanh thu năm 2020 đạt 34,32 tỷ đồng vượt 76,53% so năm 2019 là 19,44 tỷ đồng. Tiếp nối đà tăng trưởng của năm 2020, sang đến năm 2021, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 70,69 tỷ đồng, tăng gần như gấp 2 lần so với doanh thu thuần năm 2020 của Công ty với mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế ghi nhận là 195%.

#### **10.11. Chiến lược kinh doanh**

##### **❖ Chiến lược kinh doanh ngắn hạn:**

- Giữ vững quan hệ hợp tác lâu dài với các khách hàng lớn, nhà cung cấp lớn uy tín trong và ngoài nước;





- Thực hiện công tác đầu tư mua sắm thiết bị máy móc và áp dụng công nghệ hiện đại để tăng sản lượng, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao vị thế hiện có của Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm, đánh giá, xây dựng kế hoạch và triển khai các dự án điện mặt trời mái nhà có tiềm năng;
- Thực hiện thành công đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ Công ty.

❖ **Chiến lược kinh doanh dài hạn:**

- Xây dựng Công ty theo mô hình kinh doanh đa ngành nghề, trong đó các ngành sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, đầu tư các dự án điện mặt trời mái nhà là hoạt động kinh doanh mũi nhọn;
- Hoàn thiện hệ thống và nâng cao năng lực quản lý của cán bộ công nhân viên cũng như đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh và mở rộng lĩnh vực hoạt động;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá hình sản của Công ty và sản phẩm đến với người tiêu dùng bằng sự nỗ lực không ngừng của cả tập thể ban lãnh đạo và nhân viên Công ty.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực để thực hiện chiến lược phát triển**

Để thực hiện các chiến lược kinh doanh, Công ty lập ra kế hoạch về nguồn lực và nguồn vốn như sau:

- Huy động tối đa các nguồn vốn vay ngân hàng, vốn góp từ các cổ đông; Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn vốn này để phát triển mở rộng.
- Lập các kế hoạch tài chính chủ động, tính toán vòng quay vốn chính xác, thúc đẩy nâng cao hệ số sử dụng vốn và hệ số đòn bẩy tài chính.
- Xây dựng hệ thống nhân sự khoa học, tư duy nhạy bén, thích nghi tốt với tình hình thị trường với nhiều biến động, phán đoán các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn để hoàn toàn chủ động và có các kế hoạch, định hướng chiến lược thúc đẩy phát triển.

**10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

- Không có

**11. Chính sách đối với người lao động**

**11.1. Thực trạng lao động**

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum có cơ cấu lao động như sau:

**Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty**

Đơn vị: người

Tiêu chí	Năm 2020	Năm 2021	Bình quân năm 2020 và 2021
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
- Trên đại học	03	03	03
- Đại học, cao đẳng	05	05	05
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	10	10	10
- Phổ thông trung học	02	02	02
<b>II. Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
- Dài hạn	12	12	12
- Ngắn hạn	08	08	08

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

**11.2. Chính sách đối với người lao động****11.2.1. Chính sách chung**

Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp.

Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đồng thời Công ty cũng có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã sử dụng một cách có hiệu quả Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi động viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hoá doanh nghiệp.

**11.2.2. Chế độ làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính và đối với lái xe làm việc không quá 4 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày. Đối với công nhân lao động chế độ làm việc 8 tiếng/ ngày mỗi ngày phân theo các tổ và lao động theo từng ca trong ngày. Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản Công ty luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Các lao động trực tiếp đều được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ, vệ sinh lao động, được tập huấn đào tạo tay nghề thường xuyên đảm bảo chất lượng tốt nhất.





### **11.2.3. Chính sách tuyển dụng**

Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

### **11.2.4. Chính sách đào tạo**

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý, xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc.

### **11.2.5. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:**

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của từng người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên hăng say lao động, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân viên như khám sức khỏe định kỳ, phát động phong trào thể thao, du lịch hàng năm, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ nhân viên.

## **12. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong năm 2020, 2021, tuy hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định nhưng do Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng và phát triển, vì vậy nguồn lợi nhuận sau thuế chủ yếu được dùng tập trung cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công ty chưa thực hiện việc chi trả cổ tức trong những năm vừa qua. Dự kiến năm 2022, Công ty tiến hành chi trả cổ tức 5% (bằng tiền và/hoặc bằng cổ phiếu) cho cổ đông.

## **13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**



Trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum không thực hiện chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**

Không có.

**15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có.

**16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**1.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh các năm gần đây của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ Giảm 2021/2020	3 tháng đầu năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	70.511	117.300	92.721	(20,95)	95.958
2	Doanh thu thuần	19.444	34.325	70.691	105,95	29.114
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.316	4.923	9.113	85,09	2.358
4	Lợi nhuận khác	304	(2.042)	(448)	(78,04)	(215)
5	Lợi nhuận trước thuế	3.620	2.882	8.665	200,69	2.142
6	Lợi nhuận sau thuế	3.239	2.478	6.842	176,11	1.737
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	16,43	-	-	-	-
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	10%	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)





Theo số liệu BCTC kiểm toán năm 2020, doanh thu thuần năm 2020 đạt hơn 34,32 tỷ đồng, tăng gần 15 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 với tốc độ tăng trưởng là 105,95%, trong đó chủ yếu do sự gia tăng của doanh thu từ hoạt động thương mại thép và gạch xây dựng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 4,92 tỷ đồng, tăng 1,61 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 với tốc độ tăng 48,46%. Do ảnh hưởng của việc tạm ngừng sản xuất để sửa chữa máy móc, nâng cấp hệ thống lò, nhà xưởng sản xuất và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà máy khiến các khoản chi phí phát sinh do tạm ngừng sản xuất năm 2020 lên đến 2,04 tỷ đồng (các chi phí khác phát sinh do tạm ngừng sản xuất chủ yếu là chi phí khấu hao không phục vụ sản xuất kinh doanh. Đây là khoản trích khấu hao các tài sản cố định hữu hình đang sử dụng của Công ty. Tuy nhiên do tạm ngừng sản xuất nên các khoản khấu hao này không được hạch toán vào giá thành sản phẩm hay các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp mà phải hạch toán vào khoản mục chi phí khác. Ngoài ra, chi phí khấu hao còn bao gồm các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, các chi phí khác của bộ phận văn phòng ...). Điều này dẫn đến việc mặc dù năm 2020, doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh nhưng lợi nhuận sau thuế lại có sự sụt giảm là 23,49% so với năm 2019. Bên cạnh đó, thu nhập khác trong năm 2020 bằng 0 nên lợi nhuận khác của Công ty năm 2020 là âm 2,04 tỷ đồng. So với mức lợi nhuận khác trong năm 2020 đã giảm hơn 2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 với nguyên nhân chủ yếu chủ yếu do các chi phí phát sinh trong thời gian tạm ngừng sản xuất. Lợi nhuận khác giảm mạnh khiến tổng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đều giảm so với năm 2019. Cụ thể, giá trị lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 lần lượt là 2,88 tỷ đồng và 2,48 tỷ đồng, giảm lần lượt 738 triệu đồng và 761,31 triệu đồng so với năm 2019.

Năm 2021 doanh thu đạt 70,69 tỷ đồng tăng 36.37 tỷ đồng so với năm 2020, doanh nghiệp mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động xây lắp và cung cấp năng lượng điện mặt trời. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài nhưng do kịp thời chuyển hướng kinh doanh nên lợi nhuận của Công ty cũng tăng trưởng đáng kể, mức tăng đạt 195% so với cùng kỳ năm trước. Hơn nữa, do cơ chế chính sách về điện áp mái của Chính phủ, nhu cầu phát triển điện áp mái kết hợp các trang trại nông nghiệp bùng nổ; Công ty đã tận dụng tốt để phát triển dịch vụ xây dựng các trang trại chăn nuôi, nông nghiệp và hoàn thiện các hệ thống điện áp mái cho phía khách hàng. Do đây là ngành nghề mới phát triển, Công ty thuộc Top các công ty đi đầu năm bất xu thế nên doanh thu và đặc biệt là lợi nhuận năm 2021 được cải thiện rõ rệt so với các năm trước.

## **1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

### **1.2.1. Thuận lợi**

- Sự khởi sắc của thị trường bất động sản sau dịch Covid-19 đã kích thích nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng, trong đó có các sản phẩm gạch xây dựng của Công ty: thị trường bất động sản trong những tháng cuối năm 2020 và năm 2021 đã có chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó nhiều quy định và chính sách có lợi cho thị trường bất động sản cũng đã được ban hành trong thời gian qua như: Luật Nhà ở (sửa đổi) cho phép cá nhân và doanh nghiệp nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam, Thông tư 36/2014/TT-NHNN nới lỏng cho vay bất động sản,





giảm hệ số rủi ro từ 250% xuống 150%, và Luật kinh doanh bất động sản quy định chặt chẽ hơn điều kiện kinh doanh giúp ổn định nguồn cung.

- Theo số liệu thống kê tại kế hoạch số 548/KH – UBND tỉnh Kon Tum, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 5 cơ sở sản xuất gạch áp dụng dây chuyền sản xuất gạch xây bằng lò Tuynel, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum đang sử dụng 2 dây chuyền sản xuất với sản lượng 20 triệu viên/năm xuất bán ra ngoài thị trường. Đây là một trong những thuận lợi của Công ty, việc áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất giúp Công ty hoạt động năng suất nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí.

- Hiện nay sản lượng gạch Tuynel ở nước ta chiếm khoảng 60%-65% tổng sản lượng gạch đất sét nung. Nhà máy sản xuất gạch được đặt tại tỉnh Kon Tum với địa hình chủ yếu là đồi núi đặc biệt là rất đa dạng về cấu trúc địa chất và khoáng sản. Hơn nữa, theo quyết định số 152/2008/QĐ-TTg của chính phủ về quy hoạch khai thác các mỏ khoáng sản; trong giai đoạn 2016 – 2020, công suất khai thác đất sét sẽ tăng thêm 330 nghìn tấn/năm. Do vậy, nguồn cung đất sét – nguyên vật liệu chính trong hoạt động sản xuất gạch Tuynel được dự báo sẽ tiếp tục dồi dào trong thời gian tới, tạo được sự ổn định của nguồn cung nguyên vật liệu.

- Hoạt động đầu tư của Công ty đạt hiệu quả thông qua chiến lược đầu tư trọng điểm: các ngành nghề mà Công ty đang đầu tư đều đem lại hiệu quả cao nhờ năng lực và kinh nghiệm của Ban lãnh đạo. Công ty luôn tìm cách cân bằng cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn nhằm đảm bảo an toàn vốn và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Tinh thần trách nhiệm trong quản lý điều hành: với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, cán bộ công nhân viên và sự phát triển của Công ty, Ban lãnh đạo đã điều hành, quản trị hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm. Ban lãnh đạo cũng tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả. Đồng thời đưa ra những điều chỉnh chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình thực tế của thị trường.

- Dự báo dòng vốn FDI vào ngành bất động sản tăng mạnh trong thời gian tới, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định được cho là những yếu tố thuận lợi đối với ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

### **1.2.2. Khó khăn**

- Đang trong đà phát triển rất nhanh trong giai đoạn 2017-2018, thị trường bất động sản những tháng đầu năm 2019 đột ngột “chững lại”. Điều này kéo theo sự sụt giảm nguồn cung của ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, thể hiện qua số lượng dự án được phê duyệt giảm đáng kể. Nhất là, những tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khiến cho các doanh nghiệp vật liệu xây dựng gặp rất nhiều khó khăn cả về nguồn cung vật liệu cũng như đầu ra. Điều này đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Sự biến động về giá vật liệu xây dựng trong thời gian qua đã ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.





- Nguồn đất sét để sản xuất gạch trong khu vực ngày càng cạn kiệt. Chi phí đầu tư mỏ đất sét mới tăng liên tục sẽ làm gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh tương ứng.
- Cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cùng ngành: trong các lĩnh vực mà Công ty đang thực hiện đầu tư đều đang gặp sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cùng ngành. Hơn nữa trong những năm gần đây, gạch không nung đang được đẩy mạnh sản xuất tại Việt Nam. Chính vì vậy, công ty luôn tích cực hoạch định chiến lược phát triển cho các công ty thành viên, tìm kiếm công nghệ hiện đại nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra, công tác dự báo giá nguyên vật liệu đầu vào cho các công ty thành viên luôn được Công ty đề cao nhằm tăng cường hiệu quả quản lý giám sát đối với hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel.
- Quy mô vốn của Công ty còn nhỏ: đây là một khó khăn lớn cho Công ty khi chưa thể nắm bắt tối đa cơ hội đầu tư, quy trình công nghệ.

**1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Không có

**2. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

**2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**a. Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 33.000.000.000 đồng
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ: Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện tăng vốn 2 lần trình bày chi tiết tại mục IV.6 Công ty cam kết sử dụng vốn đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua từng đợt phát hành.

**b. Vốn kinh doanh**

Vốn kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 21: Vốn kinh doanh của Công ty từ năm 2020 đến nay**

Đơn vị: triệu đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	59.809	32.137	34.296
Nợ dài hạn	16.314	12.566	11.906
Vốn chủ sở hữu	41.177	48.492	49.756
<i>Trong đó:</i>			



Vốn kinh doanh	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu	33.000	33.000	33.000
- LNST chưa phân phối	8.177	15.019	16.756

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty:

**Bảng 22: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	672	1.057	1.219
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	261	261
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	43.819	1.998	6.801
4	Hàng tồn kho	14.017	35.433	33.178
5	Tài sản ngắn hạn khác	204	797	2.137
6	Tài sản cố định	55.560	53.087	52.269
7	Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.500	-	-
9	Tài sản dài hạn khác	267	89	93

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

**2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí





khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

**Bảng 23: Trích khấu hao tài sản cố định của Công ty**

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty)

*b. Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.1.3. Mức lương bình quân**

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, vv... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty. Công ty luôn bảo đảm trả lương đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên.

**Bảng 24: Mức lương bình quân tại Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	7.500.000	7.500.000

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

Mức lương bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh Kon Tum năm 2019 là 5,864.02 triệu đồng/tháng<sup>2</sup> và thu nhập bình quân của người Việt Nam trong năm 2020 là 4,2 triệu đồng/tháng<sup>3</sup> và trong năm 2021 là 5,7 triệu đồng/tháng<sup>4</sup>. Như vậy, mức lương bình quân người lao động tại Công ty nhìn chung từ năm 2019 đến năm 2021 đều cao hơn mức lương bình quân của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum và của người lao động Việt Nam.

<sup>2</sup> Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0535&theme=Doanh%20nghi%e1%bb%87p>

<sup>3</sup> Nguồn: <https://baotainguyenmoitruong.vn/thu-nhap-binh-quan-cua-viet-nam-khoang-4-2-trieu-dong-nguoi-thang-327235.html>

<sup>4</sup> Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-nam-2021-va-chi-so-phat-trien-con-nguoi-viet-nam-2016-2020>



#### 2.1.4. Tình hình công nợ

**Bảng 25. Tổng hợp tình hình công nợ của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Các khoản phải thu	43.819	1.998	6.801
2	Các khoản phải trả	76.123	44.703	46.202

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

##### a. Các khoản phải thu

**Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty các năm gần đây**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>43.819</b>	<b>1.998</b>	<b>6.801</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	28.478	911	3.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.487	1.079	3.195
3. Phải thu ngắn hạn khác	1.854	8	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
<b>II. Khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.819</b>	<b>1.998</b>	<b>6.801</b>

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

Các khoản phải thu của Công ty toàn bộ là khoản phải thu ngắn hạn. Giá trị phải thu ngắn hạn khách hàng cuối năm 2019 là 5,74 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là khoản phải thu với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG, giá trị 5,56 tỷ. Năm 2020, khoản phải thu của Công ty tăng mạnh lên 43,8 tỷ đồng với mức tăng 663% so với năm 2019.

Với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các sản phẩm gạch tuynel, sản phẩm gạch của Công ty luôn được đánh giá cao về chất lượng, giá cả hợp lý và được nhiều nhà thầu thi công lựa chọn, trong đó có Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ Hoàng Minh BG. Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ Hoàng Minh BG là nhà thầu thi công xây dựng có trụ sở tại Bắc Giang với các công trình thi công rải rác khắp cả nước. Tháng 12/2019, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG. Theo đó, Công ty sẽ cung cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG các loại vật liệu xây dựng công trình gồm: sắt thép, tôn, gạch các loại...; chủng loại và số lượng căn cứ theo yêu cầu đặt hàng từng lần. Bên





cạnh đó, trong năm 2019, Công ty đã phát triển thêm mảng kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng bao gồm: gạch các loại, sắt, thép, tôn... nhằm đa dạng hóa các mặt hàng cung cấp, mở rộng thị trường, đặc biệt là tại khu vực miền Bắc. Do đó, ngoài các loại gạch thành phẩm do Công ty sản xuất, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG còn đặt mua của Công ty một số sản phẩm hàng hóa như gạch các loại, thép các loại để phục vụ việc thi công các công trình tại khu vực miền Bắc. Cụ thể, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG đã đặt mua 2,35 triệu viên gạch đặc thành phẩm, tương ứng với tổng giá trị 4,63 tỷ đồng (phục vụ việc thi công công trình tại Quy Nhơn) và các sản phẩm gạch 2 lỗ lớn, thép các loại do Công ty mua của các nhà cung cấp khác với tổng giá trị 424,09 triệu đồng (phục vụ cho việc thi công công trình tại Hòa Bình). Giá trị các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2020 là 43,82 tỷ đồng, tăng hơn 663% so với cuối năm 2019, trong đó chủ yếu cũng là các khoản phải thu với các khách hàng thương mại mới phát sinh trong năm 2020.

Các khoản phải thu 2021 hình thành từ các khoản phải thu ngắn hạn. Nguồn hình thành các khoản phải thu này đến từ Doanh thu chủ yếu của Công ty trong năm 2021 đó là hoạt động xây dựng. Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng doanh thu. Các khoản phải thu đều trong thời hạn thanh toán và có khả năng thu hồi 100%.

*b. Các khoản phải trả*

**Bảng 27: Các khoản nợ phải trả của Công ty các năm gần đây**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>59.809</b>	<b>32.137</b>	<b>34.296</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	10.229	14.999	4.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	38.835	4.166	18.615
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	478	2.108	1.255
4. Phải trả người lao động	-	253	136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2	110	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	207	754	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.058	9.747	9.446
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>16.314</b>	<b>12.566</b>	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.314	12.566	11.906
2. Phải trả dài hạn khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.123</b>	<b>44.703</b>	<b>46.202</b>

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

Cuối năm 2019, giá trị khoản phải trả người bán ngắn hạn đạt 2,7 tỷ đồng, trong đó chủ yếu do sự gia tăng của khoản phải trả với Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch. Còn năm



2020, giá trị của khoản phải trả người bán ngắn hạn của Công ty là 10,2 tỷ đồng tăng gần 8 tỷ đồng so với đầu năm 2019, trong đó tăng chủ yếu do các khoản phải trả Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam và Công ty TNHH BG Solar.

Với mục tiêu phát triển mảng kinh doanh thương mại nên ngay từ năm 2019, mở rộng thị trường ở khu vực phía Bắc, Công ty đã đẩy mạnh việc tìm kiếm, ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp vật liệu xây dựng tại khu vực phía Bắc, trong đó có Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch và Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam. Đây là nguyên nhân khiến giá trị khoản phải trả với 2 đối tượng này tăng trong thời gian vừa qua.

Giá trị phải trả ngắn hạn khác giảm do Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số tiền cổ tức phải trả cho các cổ đông, tổng số tiền cổ tức phải trả là 9,8 tỷ đồng, cổ tức chi trả trong năm 2019 là 7,2 tỷ đồng và trong 6 tháng đầu năm 2020 là 2,6 tỷ đồng. Do đó, tính đến 31/12/2020, giá trị phải trả ngắn hạn khác chỉ bao gồm kinh phí công đoàn và phải trả phải nộp khác với tổng giá trị khoảng 207 triệu đồng.

Các khoản phải trả của Công ty hình thành từ các hợp đồng mua bán nguyên liệu đầu vào, vật tư, hàng hóa, vật liệu thi công xây dựng các Công trình đầu ra của Công ty thực hiện. Năm 2021, khoản phải trả ngắn hạn của Công ty là 32,57 tỷ đồng. Trong đó có khoản mục người mua trả tiền trước là 4,17 tỷ đồng. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy sự tin tưởng của khách hàng với phía Công ty. Khách hàng tạm ứng, đặt cọc trước tiền để thực hiện các dự án thi công trang trại, điện áp mái đang thi công và sẽ tiếp tục triển khai ở năm 2022. Số dư thuế và các khoản nộp nhà nước là Thuế TNDN do lợi nhuận của Công ty tăng mạnh trong 2021, và tại thời điểm lập BCTC 2021 doanh nghiệp chưa thực hiện nộp thuế TNDN. Khoản thuế này được nộp vào Quý I năm 2022.

#### *c. Tình hình thanh toán các khoản nợ*

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019, 2020 đã kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

#### **2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

**Bảng 28: Số dư các khoản thuế và phải nộp Nhà nước của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	361	2.099	1.247
3	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	
4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9	9	8





STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
5	Thuế tài nguyên	108	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>478</b>	<b>2.108</b>	<b>1.255</b>

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã kiểm toán và BCTC quý I năm 2022 của Công ty)

#### 2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Năm 2019 cho đến hiện tại, Công ty không trích lập các quỹ.

#### 2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Việc phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ đợt này của Công ty có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính Công ty. Số vốn tăng thêm sẽ giảm bớt sự lệ thuộc của Công ty vào nguồn vốn vay, giảm thiểu rủi ro tài chính nhờ nguồn vốn dài hạn, tự chủ hơn về tài chính và đảm bảo cấu trúc tài chính lành mạnh hơn.

- Thực hiện chủ trương đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, ĐHCĐ Công ty năm 2021 đã thông qua việc mua lại 2.090.000 cổ phần của Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm và phát hành 8.090.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu cho cổ đông của các công ty: CTCP Thiết bị Điện Bình Hòa, CTCP Vật tư Điện Hùng Cường, CTCP Vật liệu Xây dựng Yên Bái và CTCP Dược liệu Măng Đen. Phương án này sẽ giúp tăng cường tiềm lực tài chính, năng lực hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,16	0,99	1,23
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,41	0,75	0,13
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	Lần	0,45	0,65	0,48
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	Lần	0,82	1,85	0,93
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	0,92	2	2,37
+ Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/TTS ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,91	0,86	1,44
+ Vòng quay tổng tài sản (DTT/TTS bình quân)	Vòng	0,28	0,37	0,67
<b>Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	16,66	7,22	9,68
+ Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	8,37	6,20	15,34
+ Hệ số LNST/TTS bình quân (ROA)	%	4,59	2,64	6,52
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	1033,6	750,89	2.073,32

(Nguồn: BCTC năm 2019, 2020, 2021 đã kiểm toán của Công ty)

#### 2.2.1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty: Hệ số này phản ánh khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Năm 2020 hệ số này giảm 0,17 lần so với năm 2019 còn 0,99 lần do tốc độ gia tăng của nợ ngắn hạn khoảng 225% lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn là 177%. Tuy nhiên, năm 2021 chỉ tiêu này được cải thiện đáng kể so với năm 2020, đạt 1,23 lần. Điều này cho thấy khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty tăng từ 0,41 lần vào cuối năm 2019 lên 0,75 lần vào năm 2020 và sau đó giảm mạnh xuống 0,13 lần vào năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2020 bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19, các mặt hàng kinh doanh của Công ty còn tồn đọng nhiều, các dự án bị đình trệ nên dẫn đến năm 2021 ứ đọng hàng tồn kho của Công ty tăng, cụ thể là tăng với mức 159% so với năm 2020 trong khi tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều chỉ giảm nhẹ lần lượt là 31,27% và 45,54% so với năm 2020.

#### 2.2.2. Về chỉ tiêu cơ cấu vốn:

Trong các năm gần đây, do nhu cầu vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gia tăng nên giá trị các khoản nợ của Công ty có xu hướng gia tăng. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên tổng nguồn vốn của Công ty tăng nhẹ vào năm 2019 và sau đó đã giảm xuống vào năm 2020. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản năm 2021 là 0,48 lần, giảm 0,17 lần so với năm 2020. Tuy nhiên, chỉ tiêu này qua các năm từ năm 2019 đến 2021 đều nhỏ hơn 1 nghĩa là phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Điều này cho thấy khả năng





tự chủ tài chính của Công ty.

### 2.2.3. Về chỉ tiêu hiệu quả hoạt động:

Trong năm 2021, các chỉ tiêu về vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Đây là dấu hiệu cho thấy các tài sản của Công ty đang được khai thác, sử dụng có hiệu quả.

### 2.2.4. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời năm 2021 đều tăng mạnh so với năm 2020. Nguyên nhân là do năm 2021 mặc dù vẫn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và có những biện pháp quản lý chi phí tốt nên lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh với mức tăng trưởng 195% so với năm 2020.

## 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành

### 3.1. Đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng KonTum tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

### 3.2. Đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng KonTum tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/2/2019, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

### 4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022

**Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% (+/-) 2021-2022
Doanh thu thuần	Triệu đồng	70.691	120.000	69,75
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.842	8.000	16,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,00	7,00	(3,00)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn	%	15,34	15,37	(0,03)



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% (+/-) 2021-2022
chủ sở hữu bình quân				
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	-	5,00	5,00

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

#### 4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch 2022

Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh và được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

#### 4.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch kinh doanh được xây dựng dựa trên một số các cơ sở và dự báo như sau:

- Trên cơ sở dự báo, nhận định trước tình hình mới, mục tiêu và nguồn lực mới, và kế thừa các kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được, Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự đồng tình, nhất trí cao của người lao động và Ban lãnh đạo Công ty.
- Sau 02 lần tăng vốn, hiện nay vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 33 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện đầu tư vào mua máy móc thiết bị, bổ sung vốn lưu động và hợp tác kinh doanh với các đối tác tiềm năng có cùng ngành nghề. Điều đó sẽ thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh và hoàn thành kế hoạch trong các năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum là đơn vị chuyên sản xuất và cung ứng gạch xây dựng Tuynel. Các sản phẩm gạch của Công ty được đánh giá cao về chất lượng và đang ngày càng được các đối tác khách hàng tin nhiệm đưa vào phục vụ cho các công trình dự án lớn. Mặc dù các sản phẩm của Công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn do các đối thủ cạnh tranh trong ngành, nhưng nếu tạo ra sản phẩm tốt cạnh tranh và phát triển phù hợp với nhu cầu của thị trường sẽ đóng góp tốt vào kết quả kinh doanh của Công ty.
- Các yếu tố nguyên vật liệu đầu vào sau thời gian dài biến động đến nay đã dần đi vào ổn định làm giảm áp lực chi phí của Công ty. Trong thời gian qua Công ty áp dụng quy trình sản xuất theo dây chuyền hiện đại nâng công suất, Công ty có kế hoạch về sản lượng và doanh thu theo từng lĩnh vực hoạt động trong năm 2022 để đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận đã đề ra.

**Bảng 31: Kế hoạch sản xuất và doanh thu, lợi nhuận theo lĩnh vực hoạt động năm 2022 của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Doanh thu thuần	120.000
1.1	Doanh thu sản xuất gạch	7.560





STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1.2	Doanh thu thương mại	13.416
	- <i>Thương mại gạch</i>	3.756
	- <i>Thương mại thép và các loại tôn</i>	9.660
1.3	Doanh thu khác (điện áp mái)	1.812
1.4	Doanh thu xây dựng và dịch vụ liên quan xây dựng	97.212
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.350
2.1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	2.550
	- <i>Gạch các loại</i>	1.250
	- <i>Thép và tôn các loại</i>	1.300
2.2	Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm (gạch)	1.200
2.3	Lợi nhuận gộp từ điện mặt trời áp mái nhà	800
2.4	Lợi nhuận gộp dịch vụ xây dựng	9.800
3	Lợi nhuận sau thuế	11.480
3.1	Lợi nhuận từ bán hàng	2.040
	- <i>Gạch các loại</i>	1.000
	- <i>Thép và tôn các loại</i>	1.040
3.2	Lợi nhuận từ bán thành phẩm (gạch các loại)	960
3.3	Lợi nhuận từ điện mặt trời áp mái nhà	640
3.4	Lợi nhuận từ lĩnh vực xây dựng	7.840

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

Ngành vật liệu xây dựng luôn gắn liền với sự phát triển của lĩnh vực bất động sản và nhu cầu đầu tư xây dựng của người dân. Trong đầu năm 2021, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch



Covid-19 khiến cho nhiều ngành trong nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, thị trường bất động sản trong thời gian này chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng về nguồn cung mới và sức cầu của hầu hết các phân khúc nhà ở. Điều này đồng nghĩa với việc nhu cầu về vật liệu xây dựng đều giảm mạnh. Trước những hạn chế của tình hình thực tế, Công ty là nhà cung cấp vật liệu xây dựng cụ thể: gạch xây dựng ra ngoài thị trường, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động áp dụng các biện pháp cắt giảm tối đa các chi phí không cần thiết. Công ty cũng tích cực đẩy mạnh các giải pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo tuyệt đối an toàn về sức khỏe cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, hạn chế tối đa sự lây lan dịch bệnh trong cộng đồng.

Trong năm 2020 doanh thu thuần của Công ty đạt 34,32 tỷ đồng, tăng 76,53% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế đạt 2,48 tỷ đồng giảm 20,49% so với cùng kỳ. Trên cơ sở việc kinh doanh thương mại đã được đẩy mạnh từ năm 2020 cùng với việc sản xuất được diễn ra bình thường (do việc sửa chữa đã thực hiện xong) và tình hình dịch bệnh trong nước về cơ bản đã được kiểm soát, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng có thể hoàn thành tốt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã đặt ra.

Đối với năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu thuần là 70.691 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 7.316 triệu đồng. Với đặc thù của hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động gắn liền với sự phát triển của ngành xây dựng. Do đó, thông thường, hoạt động kinh doanh của Công ty thường có sự tăng trưởng mạnh mẽ vào các thời điểm cuối năm, khi các dự án xây dựng bước vào giai đoạn hoàn thiện và nghiệm thu.

#### **4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là đơn vị tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng lĩnh vực đang hoạt động của Công ty vẫn còn dư địa để phát triển. Đồng thời, sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng phù hợp với điều kiện, định hướng phát triển kinh tế của đất nước và được Nhà nước ủng hộ. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như của nền kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho năm 2022 là có cơ sở và khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

## **VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM**





## ĐỘC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum thành lập ngày 10/10/2005. Tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần sau ngày 10/10/2008.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

#### 2.1. Danh sách cổ đông lớn

**Bảng 32: Danh sách cổ đông lớn của Công ty**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quốc tịch
1	Phạm Văn Lộc	1985	Việt Nam
2	Bùi Minh Hằng	1996	Việt Nam
3	Trần Đình Quyết	1987	Việt Nam

(Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Thông tin tại mục 3 phần VI Bản cáo bạch.
- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan: Không có.

#### 2.2. Số lượng và tỷ lệ cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]







**2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa TCPH với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ**

Không có

**3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng**

**3.1. Hội đồng quản trị**

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên HĐQT
4	Bà Phan Thu Thủy	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT

**3.1.1. Ông Phạm Văn Lộc – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Phạm Văn Lộc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1985
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 10/86A, Phan Huy Ích, P.12, Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND/CCCD: số 025339685 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/09/2010
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ Sư

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 2016	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	Kinh doanh vật liệu xây dựng, các sản phẩm xuất khẩu
2016 - 2018	Công ty cổ phần cao su Hiệp	Trưởng phòng kinh doanh



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Hưng	
2018 - 7/2019	CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Trưởng phòng kinh doanh
7/2019 – nay	CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 330.000, tương đương 10,00% vốn điều lệ;
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
  - + Cá nhân sở hữu: 330.000 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ.
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

Họ và tên	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phạm Thị Thúy	Không	Em gái	164.800	4,99
<b>Tổng</b>			<b>164.800</b>	<b>4,99</b>

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	3T/2022 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	3T/2022	
0	0	15	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

### 3.1.2. Ông Hoàng Văn Công - Thành viên HĐQT điều hành

- Họ và tên: Hoàng Văn Công
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/06/1969
- Nơi sinh: Xã Mộc Bắc, Huyện Duy Tiên, Hà Nam





- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai
- CMND/CCCD số 230093063 do CA tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/04/2014
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ Sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2006	Công ty Cổ phần Vật liệu và xây lắp Gia Lai	Nhân viên kỹ thuật
2006 – 3/2013	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây lắp Gia Lai	Cán bộ Kỹ thuật
4/2013 – 8/2014	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Quản đốc phân xưởng về kỹ thuật
2014 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên HĐQT
9/2014 – 6/2019; 8/2020 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 1.000 cổ phiếu tương đương 0,03% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
  - + Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	3T/2022 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	3T/2022	
0	0	7	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.



### 3.1.3. Ông Nguyễn Tuấn Linh - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Linh
  - Giới tính: Nam
  - Ngày sinh: 11/10/1986
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
  - CMND/CCCD: số 112020500 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/06/2012
  - Trình độ học vấn: 12/12
  - Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - 2014	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Chuyên viên
2014 - nay	Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam	Giám đốc
2015 - nay	Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Lâm Viên	Giám đốc
7/2019 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Goldstar Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Lâm Viên
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:





Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	3T/2022 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	3T/2022	
0	0	7	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

#### 3.1.4. Ông Lê Quang Thạch - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Lê Quang Thạch
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 22/02/1972
  - Nơi sinh: Bắc Giang
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Địa chỉ: P9-A39, tập thể Yên Lãng, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
  - CMND/CCCD: số 013625425 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/04/2013
  - Trình độ học vấn: 12/12
  - Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 2001	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Nhân viên
2001 – 2004	Tập đoàn Tân Hoàng Minh	Nhân viên
2005 – 12/2013	Công ty TNHH Hoàng Ngọc Lan, Công ty TNHH Lương thực miền Bắc- Bắc Ninh	Kinh doanh, buôn bán tự do
2014 – 2016	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	Nhân viên
2016 – nay	Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á	Nhân viên
07/2019 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên tại Công ty Cổ phần



### Hãng Sơn Đông Á

- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	3T/2022 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	3T/2022	
0	0	7	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

#### 3.1.5. Bà Phan Thu Thủy - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phan Thu Thủy
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 06/06/1992
  - Nơi sinh: Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Dịch Lễ B, Nam Vân, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định.
  - CMND/CCCD: số 036192013762 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/07/2021
  - Trình độ học vấn: 12/12
  - Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 - 2021	Tổng công ty lương thực miền Bắc	Nhân viên kinh doanh
2021 – 03/2022	Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	Trưởng phòng kinh doanh
04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng	Thành viên HĐQT





Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Vật liệu Xây dựng Kontum	

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

### 3.2. Ban Giám đốc

#### 3.2.1. Ông Hoàng Văn Công - Giám đốc

Thông tin chi tiết đã nêu tại mục VI.3.1.2

### 3.3. Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên Ban Kiểm soát

#### 3.3.1. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/02/1993
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: 161 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định
- CMND/CCCD: số 163149892 do CA Nam Định cấp ngày 03/06/2009
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 – 6/2019	CTCP XNK Simex Việt Nam	Kế toán trưởng
7/2019 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm soát.
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 1000 cổ phiếu tương đương 0,03% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
  - + Cá nhân sở hữu: 1000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm	Năm	Năm	3T/2022	Năm	Năm	Năm	3T/2022	
2019	2020	2021	3T/2022	2019	2020	2021	3T/2022	
(triệu đồng)	(triệu đồng)	(triệu đồng)	(triệu đồng)					
0	0	7	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

### 3.3.2. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày sinh: 10/06/1991
  - Nơi sinh: Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Địa chỉ: Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
  - CMND/CCCD: số 025191000119 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021
  - Trình độ học vấn: 12/12
  - Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:





Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2021	Công ty Cổ phần Vapeco Việt Nam	Phụ trách Kế toán
2021 – 03/2022	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Phụ trách Kế toán
04/2022 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát.
  - + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

### 3.3.3. Bà Đào Thị Hằng Nga – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Đào Thị Hằng Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/10/1986
- Nơi sin : Hoàng Long – Phú Xuyên – Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ hiện tại: Hoàng Lâu, Tam Dương, Vĩnh Phúc.
- CMND/CCCD: số 112003522 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 04/12/2003.
- Trình độ học vấn: 12/12.
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ - Nơi công tác
2005 - 2007	Trường Trung cấp KTKT Thăng Long	Học
2008 – 2013	Công ty Cổ phần ĐTXD TM Hùng Cường	Nhân viên kế toán



2014 – nay	CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc	Nhân viên kế toán
7/2019 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát.
  - + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên kế toán tại CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương				Lợi ích khác				Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	3T/2022 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	3T/2022	
0	0	5	0	0	0	0	0	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Bà Đào Thị Hằng Nga hiện là nhân viên kế toán tại CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc, là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành. Thông tin cụ thể về CTCP Gạch Ngói Vĩnh Phúc như sau:

- + Tên của doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc
- + Hoạt động chính của doanh nghiệp: Sản xuất gạch xây Tuynel
- + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Cá nhân, doanh nghiệp khu vực tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ.
- + Địa bàn hoạt động: Vĩnh Phúc, Phú Thọ và số ít các tỉnh trung du Miền Bắc lân cận
- + Sản phẩm, dịch vụ chính: Sản xuất gạch xây Tuynel
- + Số lượng cổ phần của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc mà Ông Nguyễn Văn Nhu đang nắm giữ: 0 Cổ phần tương ứng 0 % vốn điều lệ;
- Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty sẽ thực hiện tách phiếu biểu quyết tại





cuộc họp ĐHĐCĐ của Bà Đào Thị Hằng Nga và người có liên quan của cổ đông này khi thông qua các giao dịch của Công ty với Công ty Cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc

### 3.4. Kế toán trưởng

#### 3.4.1. Ông Nguyễn Quang Huy – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Quang Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/12/1992
- Nơi sinh: Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh
- CMND/CCCD: số 125537222 do CA Bắc Ninh cấp ngày 12/10/2009
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014-2016	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	Nhân viên
2016-01/2022	Công ty Cổ phần CRC Kinh Bắc	Kế toán trưởng
02/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
  - + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 40.300 cổ phiếu tương đương 1,22% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
  - + Cá nhân sở hữu: 40.300 cổ phiếu, chiếm 1,22% vốn điều lệ.
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN



- |  |  |
|--|--|
| 1. Loại cổ phiếu:                                | Cổ phiếu phổ thông.                      |
| 2. Mệnh giá cổ phiếu:                            | 10.000 đồng/cổ phiếu.                    |
| 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:              | 3.300.000 cổ phiếu.                      |
| 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: | 33.000.000 tỷ đồng (Ba mươi ba tỷ đồng). |
| 5. Giá chào bán dự kiến:                         | 10.000 đồng/cổ phiếu.                    |
| 6. Phương pháp tính giá:                         |  |

#### 6.1. Nguyên tắc xác định giá chào bán

Mức giá cổ phiếu dự kiến chào cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở so sánh giá được tính theo 2 phương pháp: giá trị sổ sách và giá giao dịch thị trường.

##### ❖ Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

$$\text{Giá trị sổ sách/01 cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2022 theo BCTC Quý 1 năm 2022 của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{49.755.845.204}{3.300.000} = 15.077,53 \text{ đồng}$$

##### ❖ Giá giao dịch thị trường:

Bình quân giá đã điều chỉnh của cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum trên sàn UPCOM 30 phiên giao dịch (từ ngày 18/03/2022 đến 29/04/2022) là 13.907 đồng.

#### 6.2. Xác định giá chào bán

Đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu, HĐQT đã trình và được Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021 thông qua giá cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

#### 7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu chào bán mới).

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, cổ đông A đang sở hữu 200 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ có 200 quyền mua cổ phiếu và được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là 200 cổ phiếu.*

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông không mua hết (cổ phiếu còn dư) do





cổ đông không thực hiện quyền mua:

- + Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ.
- + Cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua: cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh (nếu có), Hội đồng quản trị thực hiện việc phân phối, chào bán tiếp cho các đối tượng khác (bao gồm nhưng không hạn chế cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo của Công ty) với các điều kiện tương ứng đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt chào bán thành công.
- + Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh khi được chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
- + Trường hợp nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu còn dư theo Quyết định của HĐQT mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- + Kết thúc đợt chào bán cổ phiếu (tính cả thời gian xin gia hạn) mà Công ty không chào bán hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký, HĐQT căn cứ trên tính hình chào bán cổ phiếu thực tế, quyết định số lượng cổ phiếu chào bán thực tế và mức vốn điều lệ thực tế tăng thêm.

#### **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp chào bán cổ phần không thành công hoặc không đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn bổ sung khác và có kế hoạch huy động nguồn vốn bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau như: vốn vay thương mại, vốn tín dụng của ngân hàng, các tổ chức, cá nhân khác.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày theo đúng luật quy định.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
  - + Với cổ đông đã lưu ký: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.



+ Với cổ đông chưa lưu ký: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại trụ sở Công ty: Thôn 2 xã Kroong, Thành phố Kontum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.

## 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

**Bảng 34: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến**

STT	Công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	Ngày T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm lưu ký để triển khai	T+2
3	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 2 đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 12
6	Phối hợp cùng Trung tâm lưu ký phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	T + 16 đến T + 22
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	T + 23 đến T + 43
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 50
9	HDQT phân phối số cổ phần không bán hết	T + 51 đến T + 61
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành	T + 62
11	Nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung	T +64

(T: Ngày làm việc)

## 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;
- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh khi được chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.

## 11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển





vào tài khoản phong tỏa sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum
- Số tài khoản: 1019836552
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (Chi nhánh Hà Nội)

## **12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Tổ chức phát hành không thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành.

## **13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Để đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài, Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài như sau:

- Đối với số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua phát sinh từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Hội đồng quản trị sẽ chỉ thực hiện phân phối cho các nhà đầu tư trong nước.
- Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trước, trong và sau đợt phát hành.

## **14. Các loại thuế có liên quan**

### **14.1. Thuế liên quan đến hoạt động doanh nghiệp**

#### **14.1.1. Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

#### **14.1.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

### **14.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

#### **14.2.1. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân**

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường



hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế.

#### **14.2.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

#### **15. Thông tin về các cam kết**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu phát hành thêm ra công chúng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

#### **16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

- Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng đã thông qua tờ trình số 08/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT ngày 30/06/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của cổ đông các Công ty. Cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 8.090.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành: 80.900.000.000 đồng
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng là cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Bình Hòa, cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư điện Hùng Cường, cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Yên Bái, cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu Măng Đen.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2022. Trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia





hạn phát hành kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu.

Công ty dự kiến sẽ nộp Hồ sơ phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của cổ đông các Công ty theo Tờ trình nêu trên lên UBCKNN trong Quý III năm 2022.

## VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

### 1. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến thu được 33.000.000.000 đồng sẽ được Công ty dùng để:

- Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn;
- Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm.

## IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền 33.000.000.000 đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản nợ	12.100.000.000	Quý I – II năm 2022
-	<i>Thanh toán cho Hợp đồng số 12/2021/KOVALIXA-SOLARCELL ngày 29/12/2021 giữa Công ty với Công ty Cổ phần CRC Solar Cell</i>	12.100.000.000	<i>Quý I – II năm 2022</i>
2	Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm. Giá trị thực hiện mua dự kiến 20,9 tỷ đồng tỷ lệ 95% vốn Điều lệ CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm. Giá mua 10.000 đồng/cổ phần. - Cổ đông Nguyễn Việt Tú: 1.400.000 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Quang Huy: 557.500 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Thị Quý: 132.500 cổ phần.	20.900.000.000	Quý I – II năm 2022
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	

### 1. Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản nợ

- Căn cứ: Hợp đồng số 12/2021/KOVALIXA-SOLARCELL ngày 29/12/2021
- Đối tác: Công ty Cổ phần CRC Solar Cell
- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần CRC Solar Cell với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có



- Giá trị hợp đồng: 15.600.750.000 đồng (đã bao gồm VAT)
- Số tiền thu được từ đợt chào bán dùng để thanh toán: 12.100.000.000 đồng
- Thời gian thanh toán dự kiến: Quý I – II năm 2022

## 2. Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm.

### 2.1. Thông tin về CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702890214 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 06/07/2020, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2022.
- Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, Đường DT749A, Ấp Tiên Phong, Xã Long Hòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện
- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng (CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/07/2020 với số vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng. Kể từ khi thành lập đến nay CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm chưa từng thực hiện tăng/giảm vốn)

#### ❖ Tình hình tài chính của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm năm 2021

Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm thành lập năm 2020 và hiện đang hoạt động trong lĩnh vực năng lượng điện Mặt Trời và trang trại trồng dược liệu, các sản phẩm nông sản. Địa bàn hoạt động của công ty tại Xã Long Hòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương. Sản phẩm dịch vụ chính của công ty là điện năng lượng mặt trời hòa lưới điện quốc gia và các mặt hàng nông sản như Đinh lăng, nấm, gừng.

**Bảng 35: Tình hình tài chính chung của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	3 tháng đầu năm 2022
Tổng tài sản	49.968	49.766
Vốn điều lệ	22.000	22.000
Doanh thu thuần	4.713	1.412
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.376	461
Lợi nhuận khác	115	0
Lợi nhuận trước thuế	1.491	461
Lợi nhuận sau thuế	1.491	461
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2021 và BCTC quý I/2022 của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm)

**Bảng 36: Một số chỉ tiêu tài chính của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,81
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,53





Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,13
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-
Vòng quay tài sản	Vòng	0,10
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,17
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	29,20

(Nguồn: BCTC năm 2021 của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm)

## 2.2. Thông tin về các cổ đông bán cổ phần ở CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Ngày cấp	Địa chỉ	Mối quan hệ với TCPH và người có liên quan của TCPH	Số cổ phần mua lại (cổ phần)	Tỷ lệ
1	Nguyễn Việt Tú	121446425	01/11/1984 tại CA Bắc Giang	Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Bắc Giang	Không có	1.400.000	63,64%
2	Nguyễn Quang Huy	125537222	12/10/2009 tại CA Bắc Ninh	Đông Du, Đào Viên, Quê Võ, Bắc Ninh	Không có	557.500	25,34%
3	Nguyễn Thị Quý	113664375	25/07/2012 tại CA Hoà Bình	Hòa Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Không có	132.500	6,02%
<b>Tổng cộng</b>						<b>2.090.000</b>	<b>95%</b>





### 2.3. Thông tin về việc mua cổ phần

Cơ sở pháp lý về việc mua lại cổ phần:

- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 và tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 06/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT về việc mua cổ phần/hoán đổi cổ phần tại các Công ty của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum;
  - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02.8/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MSL ngày 02/08/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm về việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông;
  - + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của ông Nguyễn Việt Tú, ông Nguyễn Quang Huy, bà Nguyễn Thị Quý với Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum.
  - + Chứng thư thẩm định giá trị của Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm tại thời điểm 31/05/2021 số 1606.03/2021/CTTĐG-MKF ngày 28/06/2021 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn MKF Việt Nam ban hành.
- Giá trị thực hiện: 20.900.000.000 đồng (Hai mươi tỷ chín trăm triệu đồng).
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm sau khi mua lại cổ phần: 95% vốn điều lệ.
  - Thời gian thực hiện dự kiến: Quý I – II năm 2022

## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức tư vấn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008
- Website: <http://www.vdsc.com.vn>

### 2. Tổ chức kiểm toán

**Công ty TNHH Kiểm toán TTP**

- Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, toà nhà Hancorn Plaza Số 72 Trần Đăng Ninh – Phường Dịch – Quận Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 7425 888 Fax: (84-24) 3 7578 666
- Website: [www.kiemtoanttp.com](http://www.kiemtoanttp.com)

### 3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.



Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*







## XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty;
2. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCD ngày 30/06/2021 và Tờ trình ĐHĐCD số 07/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT ngày 30/06/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ;
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và một số vấn đề liên quan số 01/2022/NQ-KOVALIXA-HĐQT ngày 10/02/2022;
4. Điều lệ Công ty;
5. Báo cáo tài chính năm 2019, 2020 và năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty;
6. Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2022 của Công ty;
7. Tài liệu liên quan đến việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.

T.C.P.X



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH KONTUM  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 6100102662

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 10 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 26 tháng 08 năm 2020

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG  
VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KONTUM CONSTRUCTION MATERIALS  
SUPPLY AND PRODUCTION JOINT STOCK CO

Tên công ty viết tắt: KOVALIXA

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 Fax: 0260.3861929

Email: tuynelkontum@gmail.com Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 33.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.300.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/06/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 230093063

Ngày cấp: 19/04/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia  
Lai, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 02-08-2021

46362 01

Số chứng thực: Quyền số: SET/BS



TRƯỞNG PHÒNG

TRẦN ĐĂNG NINH



Số: 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng KonTum thông qua những nội dung sau:**

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2021/KOVALIXA/BC-HĐQT;
2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát số 01/2021/KOVALIXA/BC-BKS;
3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 (tờ trình số 01/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT);
4. Thông qua vấn đề lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2021 (tờ trình số 02/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT);
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 (tờ trình số 03/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT), cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	2.477.949.513
2	Trích lập các quỹ	0
3	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ năm 2020 (1-2)	2.477.949.513
4	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối hết	5.699.625.022
5	Lợi nhuận chưa phân phối (= 3+4)	8.177.574.535
6	Cổ tức chi trả	0
7	Lợi nhuận để lại (=5-6)	8.177.574.535



6. Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (tờ trình số 04/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT);
7. Sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (tờ trình số 05/2021/KOVALIXA/TTr-HĐQT);
8. Thông qua việc mua cổ phần/hoán đổi cổ phần tại các Công ty (tờ trình số 06/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT);
9. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ (tờ trình số 07/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT);
10. thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của cổ đông các Công ty (tờ trình số 08/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT);
11. Thông qua việc niêm yết cổ phiếu CTCP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (tờ trình số 09/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT);
12. thông qua các giao dịch với bên liên quan của Công ty (tờ trình số 10/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT);
13. Thông qua việc thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tờ trình số 11/2021/KOVALIXA/TTr--HĐQT).

**Điều 2: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 30/06/2021.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kon Tum có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông (đăng website cty);
- UBCKNN,
- Thành viên HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VP.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



PHẠM VĂN LỘC

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 - Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06/2021/KOVALIXA/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(V/v: Mua cổ phần/ hoán đổi cổ phần tại các Công ty)

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
CTCP sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum



GIÁM ĐỐC

*Hoàng Văn Công*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum.

Thực hiện chủ trương đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề kinh doanh của Công ty trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc mua cổ phần/ hoán đổi cổ phần của các Doanh nghiệp, Công ty.

- Thông qua việc đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm với tỷ lệ sở hữu sau khi hoàn thành việc mua cổ phần đạt từ 95% vốn điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm trở lên.
- Thông qua việc hoán đổi cổ phần cho cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị Điện Bình Hòa với tỷ lệ sở hữu sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần đạt từ 95% vốn điều lệ Công ty cổ phần Thiết bị Điện Bình Hòa trở lên.
- Thông qua việc hoán đổi cổ phần cho cổ đông của Công ty cổ phần Vật tư Điện Hùng Cường với tỷ lệ sở hữu sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần đạt từ 95% vốn điều lệ Công ty cổ phần Vật tư Điện Hùng Cường trở lên.
- Thông qua việc hoán đổi cổ phần cho cổ đông của Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Yên Bái với tỷ lệ sở hữu sau khi hoàn thành việc hoán đổi cổ phần đạt từ 90% vốn điều lệ Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Yên Bái trở lên.









**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày...07...06/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIÁM ĐỐC**

*Hoàng Văn Công*

Số:07/2021/KOVALIXA/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

(V/v: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
CTCP sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum;
- Nhu cầu thực tế về vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, chiến lược đầu tư mở rộng ngành nghề, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

Triển khai thực hiện Kế hoạch, chủ trương đầu tư mở rộng lĩnh vực kinh doanh đa ngành, lĩnh vực; tăng cường năng lực tài chính, năng lực hoạt động của công ty trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với nội dung như sau:

**PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:**

**I. Chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ như sau:**

1. Tên tổ chức chào bán: Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KONTUM**

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

2. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum
3. Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 3.300.000 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.300.000 cổ phiếu
8. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến: 33.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi ba tỷ đồng)
9. Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 66.000.000.000 đồng
10. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu.
11. Thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ do Hội đồng quản trị Công ty thông báo sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán.
12. Phương thức chào bán: cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
13. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu chào bán mới).
14. Giá chào bán: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
15. Căn cứ đề xuất mức giá cổ phiếu chào bán:  
Mức giá cổ phiếu dự kiến chào cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở so sánh giá được tính theo 2 phương pháp: Giá trị sổ sách và giá giao dịch thị trường.  
❖ Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

$$\text{Giá trị sổ sách/ 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{41.176.805.535}{3.300.000} = 12.477 \text{ đồng}$$

Đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua giá cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16. Chuyển nhượng quyền mua: Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người





## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

khác theo giá thỏa thuận của hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian quy định được Công ty thông báo. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho các Nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư/ cổ đông đó tại Công ty vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Nhà đầu tư/ cổ đông đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua:

- Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1: 1 nên không có cổ phiếu lẻ.
- Cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua: cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh (nếu có), Hội đồng quản trị thực hiện việc phân phối, chào bán tiếp cho các đối tượng khác (bao gồm nhưng không hạn chế cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo của Công ty) với các điều kiện tương ứng đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt chào bán thành công.
- Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh khi được chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.
- Trường hợp nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu còn dư theo Quyết định của Hội đồng quản trị mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Kết thúc đợt chào bán cổ phiếu (tính cả thời gian xin gia hạn) mà Công ty không chào bán hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký, HĐQT căn cứ trên tình hình chào bán cổ phiếu thực tế, quyết định số lượng cổ phiếu chào bán thực tế và mức vốn điều lệ thực tế tăng thêm.

18. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu thu được từ đợt chào bán:

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp đợt chào bán cổ phần không thành công hoặc không đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum sẽ xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn bổ sung khác và có kế hoạch huy động nguồn vốn bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau như: vốn vay thương mại, vốn tín dụng của ngân hàng, các tổ chức, cá nhân khác.

19. Giới hạn tỷ lệ chào bán cho cổ đông nước ngoài:

- Việc chào bán cổ phiếu đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu của các nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại Công ty là 0 cổ





## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

phiếu.

20. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.
21. Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2021 (hoặc có thể kéo dài hơn tùy vào tình hình triển khai phương án chào bán), việc phân phối cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn chào bán (nếu cần) kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu sao cho phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty.

22. Cam kết giao dịch trên thị trường chứng khoán: Công ty cam kết đưa cổ phiếu chào bán thêm vào giao dịch trên thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc đợt chào bán.

23. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành:

Đối với đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty, lưu ý với các Nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 3.300.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, cổ đông và nhà đầu tư cần lưu ý về việc pha loãng như sau:

- ❖ *Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):*

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^1}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giá định chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành, sự thay đổi EPS của cổ phiếu như sau:

- + Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 là: 6.800.000.000 đồng<sup>2</sup>.

Trường hợp 1: Công ty không phát hành thêm cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là: 3.300.000 cổ phiếu.

$$EPS = \frac{6.800.000.000}{3.300.000} = 2.060 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trường hợp 2: Công ty chào bán thành công cổ phiếu và dự kiến 3.300.000 cổ phiếu phát hành

<sup>1</sup> Công ty không có cổ phiếu ưu đãi

<sup>2</sup> Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội cổ đông thông qua.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KONTUM**

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

thêm của công ty chính thức lưu hành vào tháng 12 năm 2021, do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên chỉ số EPS của Công ty sẽ có sự thay đổi như sau:

$$\text{EPS} = \frac{6.800.000.000}{(3.300.000 * 11 + 6.600.000 * 1) / 12} = 1.902 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

❖ *Pha loãng giá trị sổ sách:*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần có thể sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty.

❖ *Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:*

Do việc chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ quyền mua cổ phiếu chào bán.

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

**II. Mục đích chào bán và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:**

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được công ty dùng để:  
(1) Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, (2) Thanh toán các khoản nợ đến hạn  
(3) Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm, cụ thể như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)
1	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản nợ	12.100.000.000
2	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	
3	Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm. Giá trị thực hiện mua dự kiến 20,9 tỷ đồng, tỷ lệ 95% vốn Điều lệ CTCP TM Mai Sơn Lâm. Giá mua 10.000 đồng/ cổ phần. - Cổ đông Nguyễn Việt Tú: 1.400.000 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Quang Huy: 557.500 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Thị Quý: 132.500 cổ phần.	20.900.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>





## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

### **III. Thực hiện đăng ký chứng khoán, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau chào bán:**

Sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sau khi kết thúc đợt chào bán, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

### **IV. Sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty về phần vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán và đăng ký lại đăng ký kinh doanh theo mức vốn mới:**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty điều chỉnh vốn điều lệ tăng thêm theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã phân phối trong đợt chào bán và sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (điều khoản quy định về vốn điều lệ, cổ phần), thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt chào bán nêu trên.

### **V. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện:**

- Lựa chọn thời điểm thực hiện thích hợp và xây dựng phương án chi tiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ dựa trên các phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- Xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, điều chỉnh và thay đổi phương án sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết sao cho phù hợp với tình hình thị trường, nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty đảm bảo việc sử dụng vốn đạt hiệu quả tối ưu nhất. HĐQT sẽ công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gần nhất về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật;
- Ủy quyền và giao cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện mua cổ phần của các cổ đông CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm bao gồm nhưng không giới hạn việc đàm phán về giá mua cổ phần, quyết định số lượng cổ phần mua của từng cổ đông, ký hợp đồng mua bán cổ phần,...
- Ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty để cân đối và giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán một cách hợp lý và hiệu quả, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông;
- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt chào bán;
- Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Điều lệ Công ty điều khoản quy định về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán;



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KONTUM**

Trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340 – Fax: 0260.3861929

Website: kovalixa.net

- Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được chào bán thành công;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án huy động thành công, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ cũng như việc thực hiện đăng ký chứng khoán, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau khi chào bán, sửa đổi Điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới và một số nội dung đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị thực hiện.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Quý cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *lv*

**CHỦ TỊCH**



**PHẠM VĂN LỘC**

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT, VP./.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG**  
**VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**



**Kon Tum, ngày 22 tháng 04 năm 2022**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	5
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	7
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) .....	9
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	9
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	21
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	21



Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	26
<b>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>27</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	27
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	27
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>28</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	28
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	28
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát .....	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát .....	29
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát .....	29
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>30</b>
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	30
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	31
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>31</b>
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	31
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>32</b>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	32
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>32</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	32
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>33</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	33
Điều 48. Năm tài chính .....	33
Điều 49. Chế độ kế toán.....	33
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>33</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	33
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	33
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>34</b>
Điều 52. Kiểm toán.....	34
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>34</b>

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp .....	34
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....</b>	<b>34</b>
Điều 54. Giải thể công ty .....	34
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	34
Điều 56. Thanh lý .....	34
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>35</b>
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	35
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>35</b>
Điều 58. Điều lệ công ty .....	35
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>36</b>
Điều 59. Ngày hiệu lực .....	36



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh : KON TUM CONSTRUCTION MATERIALS SUPPLY AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt : KOVALIXA

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2 xã Kroong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

- Điện thoại: 0260.3861929 - 0260.3856340

- Website: kovalixa.net

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni	4663
3	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
4	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, ma tít, quét tương tự,	2022
5	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393



6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Đá	0810
7	Sản xuất điện	3511
8	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Hoạt động truyền tải điện (Trừ hoạt động truyền tải điện mạng lưới điện quốc gia) - Hoạt động phân phối điện	3512
9	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
16	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng xây dựng	4312
17	Dịch vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát (mã ngành 56302)	5630

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 33.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ chi bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tính đến thời điểm Điều lệ này được thông qua, công ty không còn các quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.



## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông



được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.



Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;



g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày



dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;



c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;  
b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;  
b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;  
c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  
b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  
c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;



d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp hoặc theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;



c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mờ trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;



- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - g) Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ (05) năm thành viên.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:



- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.



2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm



nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;



c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;



- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;



h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;



b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:



1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành



khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.



## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên



của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc/chay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD KonTum nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tổ chức tại BT3.1, Khu Chức năng đô thị Tây Mỗ, số 272 Hữu Hưng, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



HOÀNG VĂN CÔNG





SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày 02/06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ  
CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
**KONTUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Số: 01/2022/NQ-KOVALIXA-HĐQT



### NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và một số vấn đề liên quan

GIÁM ĐỐC

*Hoàng Văn Công*

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
**KONTUM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10/02/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum,

### QUYẾT ĐỊNH

#### **Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

Hội đồng quản trị thống nhất thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum. Cụ thể:

1. Tên tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 3.300.000 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

7. **Số lượng cổ phiếu chào bán** : 3.300.000 cổ phiếu
8. **Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến** : 33.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi ba tỷ đồng)
9. **Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán** : 66.000.000.000 đồng
10. **Đối tượng chào bán** : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu
11. **Phương thức chào bán** : Cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
12. **Tỷ lệ thực hiện quyền** : 1:1 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu chào bán mới)
13. **Giá chào bán** : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
14. **Chuyển nhượng quyền mua** : Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần trong thời gian quy định được Công ty thông báo. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba
15. **Hạn chế chuyển nhượng** : Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng
16. **Thời gian thực hiện dự kiến** : Sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
18. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua:**
- Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1: 1 nên không có cổ phiếu lẻ.
  - Cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua: cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh (nếu có), Hội đồng quản trị thực hiện việc phân phối, chào bán tiếp cho các đối tượng khác (bao gồm nhưng không hạn chế cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo của Công ty) với các điều kiện tương ứng đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo đợt chào bán thành công.
  - Số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh khi được chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.



– Trường hợp nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu còn dư theo Quyết định của Hội đồng quản trị mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

– Kết thúc đợt chào bán cổ phiếu (tính cả thời gian xin gia hạn) mà Công ty không chào bán hết số lượng cổ phiếu đã đăng ký, HĐQT căn cứ trên tình hình chào bán cổ phiếu thực tế, quyết định số lượng cổ phiếu chào bán thực tế và mức vốn điều lệ thực tế tăng thêm.

#### 19. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu thu được từ đợt chào bán

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu chào bán. Trong trường hợp đợt chào bán cổ phần không thành công hoặc không đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum sẽ xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn bổ sung khác và có kế hoạch huy động nguồn vốn bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau như: vốn vay thương mại, vốn tín dụng của ngân hàng, các tổ chức, cá nhân khác.

#### **Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/KOVALIXA/NQ-ĐHĐCD ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum, Hội đồng quản trị quyết định thông qua việc triển khai phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Cụ thể như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)
1	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thanh toán các khoản nợ	12.100.000.000
-	<i>Thanh toán cho Hợp đồng số 12/2021/KOVALIXA-SOLARCELL ngày 29/12/2021 giữa Công ty với Công ty Cổ phần CRC Solar Cell</i>	<i>12.100.000.000</i>
2	Mua cổ phần của các cổ đông của CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm. Giá trị thực hiện mua dự kiến 20,9 tỷ đồng tỷ lệ 95% vốn Điều lệ CTCP Thương mại Mai Sơn Lâm. Giá mua 10.000 đồng/cổ phần. - Cổ đông Nguyễn Việt Tú: 1.400.000 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Quang Huy: 557.500 cổ phần; - Cổ đông Nguyễn Thị Quý: 132.500 cổ phần.	20.900.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>

#### **Điều 3: Thông qua cam kết đăng ký giao dịch cổ phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết thực hiện việc hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch cổ

phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ kết thúc đợt chào bán.

Thời gian thực hiện hoàn tất đăng ký giao dịch kể trên không bao gồm thời gian do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền trì hoãn phê duyệt.

**Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Hội đồng quản trị quyết định thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

- Đối với cổ phiếu còn dư do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) từ đợt chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chỉ thực hiện phân phối cho các nhà đầu tư trong nước.

**Điều 5: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết HĐQT số 058/2021/KOVALIXA/NQ-HĐQT ngày 05/08/2021 về việc thông qua một số vấn đề liên quan đến triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

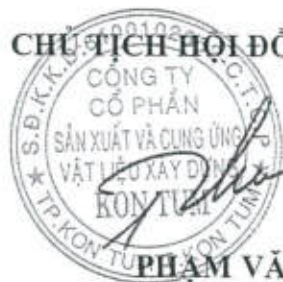
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng các phòng ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CBTT;
- Lưu VT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHẠM VĂN LỘC**





**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ  
CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24.12/2021/NQ-HĐQT/KOVALIXA

Kon Tum, ngày 24 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG KONTUM**

*Về việc thông qua phương án kinh doanh tấm pin năng lượng mặt trời*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 24/12/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1: Thông qua việc Công ty kinh doanh mặt hàng tấm pin năng lượng mặt trời**

Tên mặt hàng: Tấm pin năng lượng mặt trời

Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần CRC Solar Cell

Giá trị hàng hóa (dự kiến): 15.600.750.000 VNĐ (Mười lăm tỷ sáu trăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

**Điều 2: Ủy quyền thực hiện**

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Giám đốc công ty đại diện ký kết hợp đồng mua bán mặt hàng tấm pin năng lượng mặt trời, xác định phương án kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận cho công ty.

**Điều 3: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký và giao cho Giám đốc chịu trách nhiệm làm thủ tục cần thiết tiếp theo để tiến hành kinh doanh theo nội dung nghị quyết này./.

**Nơi nhân:**

- Như Điều 3;

- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHẠM VĂN LỘC**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3702890214**

*Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 07 năm 2020*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 05 tháng 01 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAI SON LAM TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MAI SON LAM TRADING .,JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, Đường DT749A, Ấp Tiên Phong, Xã Long Hoà, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 024 661 6172

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.200.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125537222

Ngày cấp: 12/10/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: ~~Xóm Núi, Thôn Đông Du, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam~~

Địa chỉ liên lạc: ~~Xóm Núi, Thôn Đông Du, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam~~



*Đỗ Tuấn Anh*

*Nguyễn Thị Thanh Xuân*



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày..02../06/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM

GIÁM ĐỐC

*Trần Đình Quyết*

Điều lệ này được soạn thảo và thông qua bởi các cổ đông ngày 05/01/2022.

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG

**ĐIỀU 1: HÌNH THỨC TÊN GỌI VÀ TRỤ SỞ CÔNG TY**

1.1 Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm thuộc hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2 Tên công ty:

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: **MAI SON LAM TRADING JOINT STOCK COMPANY**

- Tên doanh nghiệp viết tắt: **MAI SON LAM TRADING.,JSC**

1.3. Trụ sở chính của công ty: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, Đường DT749A, Xã Long Hòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.661.6172

- Email: .....

**ĐIỀU 2: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH**

2.1: Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời</i>	3320
2	Sản xuất điện <i>Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời</i>	3511 (Chính)
3	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện năng lượng mặt trời</i>	3512
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng và công nghiệp</i>	4299
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649



7	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>Chi tiết: Bán buôn thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật tư, phụ kiện lưới điện; bán buôn điện kế, máy biến dòng, máy biến thế đo lường, hệ thống điện mặt trời, hệ thống điện gió.</i></p>	4659
8	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p><i>Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời</i></p>	4773
9	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Chi tiết: Thiết kế lắp đặt các hệ thống công nghiệp, dân dụng. Tư vấn xây dựng, thiết kế công trình công trình dân dụng, công nghiệp.</i></p>	7110
10	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; Tư vấn về năng lượng</i></p>	7490
11	<p>Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện</p>	2710
12	<p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ ngành điện năng lượng mặt trời</i></p>	3290
13	Trồng lúa	0111
14	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
15	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
16	Trồng cây mía	0114
17	Trồng cây lấy sợi	0116
18	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
19	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20	Trồng cây hàng năm khác	0119
21	Trồng cây ăn quả	0121
22	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
23	Trồng cây điều	0123



24	Trồng cây hồ tiêu	0124
25	Trồng cây cao su	0125
26	Trồng cây cà phê	0126
27	Trồng cây chè	0127
28	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
29	Trồng cây lâu năm khác	0129
30	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
31	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
32	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
33	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
34	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
35	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
36	Chăn nuôi gia cầm	0146
37	Chăn nuôi khác	0149
38	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
39	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
40	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
41	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
43	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
44	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

2.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.

### **ĐIỀU 3: VỐN ĐIỀU LỆ**

- Vốn điều lệ của Công ty: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 2.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

### **ĐIỀU 4: CƠ CẤU VÀ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VỐN**

#### 4.1 Tỷ lệ vốn góp của các cổ đông như sau

- Ông Nguyễn Việt Tú góp 14.000.000.000 đồng, tương đương 1.400.000 cổ phần, chiếm 63,64% tổng vốn điều lệ;
- Ông Nguyễn Quang Huy góp 6.235.000.000 đồng, tương đương 623.500 cổ phần, chiếm 28,34% tổng vốn điều lệ;
- Bà Nguyễn Thị Quý góp 1.765.000.000 đồng, tương đương 176.500 cổ phần, chiếm 8,02% tổng vốn điều lệ.

#### 4.2 Vốn điều lệ Công ty được góp bằng tiền mặt.

### **ĐIỀU 5: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

#### 5.1 Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc:

- + Tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được
- + Các cổ đông đầu tư vốn bổ sung
- + Phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới

#### 5.2 Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
- b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật doanh nghiệp 2020.
- c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật doanh nghiệp 2020.

### **ĐIỀU 6: CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

#### 6.1. NGUYỄN VIỆT TÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 121446425

Ngày cấp: 08/09/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Đông Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.



**6.2. NGUYỄN QUANG HUY** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/12/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 125537222 Ngày cấp: 12/10/2009 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Núi, Thôn Đông Du, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

**6.3. NGUYỄN THỊ QUÍ** Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/07/1997 Dân tộc: Mường Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 113664375 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

## **ĐIỀU 7: CÁC LOẠI CỔ PHIẾU**

- 7.1 Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
- 7.2 Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
  - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
  - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
  - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
  - d. Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định
- 7.3 Chỉ có cổ tức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời gian đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
- 7.4 Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- 7.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 7.6 Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## **ĐIỀU 8: CỔ PHIẾU**

- 8.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);
  - g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
  - h) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 12, 13 và 14 của Điều lệ này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi

8.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thi quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra

8.3 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới

## **ĐIỀU 9: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG**

9.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

9.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần

9.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán

9.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

## **ĐIỀU 10: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

10.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 và Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;



- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- h. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

10.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có)
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

10.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

10.4 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên

mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **ĐIỀU 11: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG**

Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần bị rút và các thiệt hại xảy ra.

Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;

Chấp hành quyết định của Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 12: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT**

- 12.1 Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết là: 1,5 lần cổ phần phổ thông.
- 12.2 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
- a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 điều này;
  - b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.
- 12.3 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

## **ĐIỀU 13: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI CỔ TỨC VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI CỔ TỨC**

- 13.1 Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
- 13.2 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
  - c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- 13.3 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.



## **ĐIỀU 14: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOÀN LẠI VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI HOÀN LẠI**

- 14.1 Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- 14.2 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- 14.3 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

## **ĐIỀU 15: CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

- 15.1 Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước hoặc từ công ty TNHH hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Trường hợp không có cổ đông sáng lập, Điều lệ công ty cổ phần phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông của công ty.
- 15.2 Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.

Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp nhận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau 03 năm các hạn chế đối với cổ phần phổ thông được bãi bỏ. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông công ty.

## **ĐIỀU 16: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần được thực hiện theo các hình thức sau:

- a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu
- b. Chào bán ra công chúng;
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ

Chào bán cổ phần ra công chúng; chào bán cổ phần của công ty cổ phần được niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

Công ty phải thực hiện thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là Công ty cổ phần đại chúng được quy định như sau:

- a. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với cơ quan Đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau:  
Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ

Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);

b. Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Tổng số cổ phần dự định chào bán, các loại cổ phần chào bán và số lượng chào bán mỗi loại;

- Thời điểm, hình thức chào bán;

- Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty

c. Công ty có quyền chào bán cổ phần của mình trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan Đăng ký kinh doanh

d. Công ty thực hiện thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phần.

#### 16.4 Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

16.4.1 Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.

16.4.2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

16.4.3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

16.4.4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

16.4.5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

16.5 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông,



4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

#### **ĐIỀU 17: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

- 17.1 Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 17.2 Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 17.3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.
- 17.4 Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
- 17.5 Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

#### **ĐIỀU 18: MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU**

Cổ phần, trái phiếu của Công ty cổ phần có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, AN NINH, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

#### **ĐIỀU 19: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG**

- 19.1 Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 19.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **ĐIỀU 20: MUA LẠI CỔ PHIẾU THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CỔ ĐÔNG**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 20.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

20.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

20.3.1 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức báo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức báo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

## **ĐIỀU 21: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN MUA LẠI**

- 21.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020 nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 21.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020 được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 21.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.
- 21.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

## **ĐIỀU 22: TRẢ CỔ TỨC**

- 22.1 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 22.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;



- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- 22.3 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 22.4 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 22.4.1 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
- 22.5 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức

## **ĐIỀU 23: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp 2020 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của luật doanh nghiệp 2020 thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

## **CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY**

## **ĐIỀU 24: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY**

Cơ cấu quản lý của Công ty tổ chức theo mô hình sau:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

## **ĐIỀU 25: NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

- 25.1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 25.2. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 25.3. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
- 25.4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- 25.5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 25.6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

## **ĐIỀU 26: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

- 26.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các trưởng phó phòng chuyên môn có các nghĩa vụ sau đây:
  - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
- 26.2 Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả lương khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.



26.3 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 27: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN**

- 27.1 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.
- 27.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết
- 27.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành
- 27.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **ĐIỀU 28: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 28.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
- 28.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
  - g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại ;

- i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

## **ĐIỀU 29: THÂM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 29.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 29.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền
- 29.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
  - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 29.4 Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định thời hạn thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều này.  
Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- 29.5 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.  
Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.



- 29.6 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.  
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- 29.7 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020 có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
- 29.8 Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 29.9 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều lệ này sẽ được công ty hoàn lại

### **ĐIỀU 30: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 30.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 30.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **ĐIỀU 31: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 31.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

- 31.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 31.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 31.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **ĐIỀU 32: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 32.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 32.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.
- 32.3 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - Phiếu biểu quyết;
  - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp
- 32.4 Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu

### **ĐIỀU 33: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 33.1 Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 33.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử

#### **ĐIỀU 34: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 34.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- 34.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;
- 34.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 34.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp 2020.

#### **ĐIỀU 35: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thể thức tiến hành họp biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

- 35.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 35.2 Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 35.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 35.4 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 35.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau

- đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 35.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
- 35.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 35.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 35.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành

### **ĐIỀU 36: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 36.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
  - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
  - Tổ chức lại, giải thể công ty;
  - Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
- 36.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- 36.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.



- 36.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
- 36.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

### **ĐIỀU 37: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 37.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- 37.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp 2020:
- 37.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 37.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

- 37.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 37.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- 37.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 37.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **ĐIỀU 38: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- 38.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Chương trình và nội dung cuộc họp;
  - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
  - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- 38.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 38.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.



Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **ĐIỀU 39: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- 39.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **ĐIỀU 40: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 40.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và AN NINH;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty
- 40.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 40.4 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

#### **ĐIỀU 41: NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 41.1 Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.
- 41.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp thành viên Hội đồng không có mặt ở Việt Nam liên tục trong 12 tháng phải thông báo cho Hội đồng thành viên biết.
- 41.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 41.4.1 Trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng.
- 41.4.2 Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 42: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 42.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
  - d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, và người quản lý



khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

42.2 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020 có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

42.3 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan

### **ĐIỀU 43: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

43.1 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

43.2 Công ty có phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc

43.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

43.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

43.5 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty

43.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## **ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

44.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

44.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

44.3 Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

44.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- đ) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

44.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

44.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty

44.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.



Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 44.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 44.9 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **ĐIỀU 45: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 45.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
  - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - Thời gian, địa điểm họp;
  - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Các quyết định đã được thông qua;  
Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.  
Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 45.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
- 45.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

#### **ĐIỀU 46: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 46.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- 46.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trừ trường hợp, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **ĐIỀU 47: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- 47.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp 2020;
  - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Có đơn từ chức;
  - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty
- 47.2 Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 47.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020.
- Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **ĐIỀU 48: GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

- 48.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
- 48.2 Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp 2020.
- 48.3 Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
  - Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;



- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

48.4 Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

#### **ĐIỀU 49: BAN KIỂM SOÁT**

- 49.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 49.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty
- 49.3 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **ĐIỀU 50: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- 50.1
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020;
  - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
  - c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty
  - d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
- 50.2 Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

#### **ĐIỀU 51: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- 51.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- 51.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- 51.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- 51.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- 51.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020.
- 51.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.  
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 51.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty
- 51.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả
- 51.9 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- 51.10 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao
- 51.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông
- 51.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **ĐIỀU 52: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

- 52.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 52.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị
- 52.3 Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 52.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.



52.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát

### **ĐIỀU 53: NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- 53.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 53.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- 53.3 Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 53.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.
- 53.5 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.  
Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.
- 53.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **ĐIỀU 54: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT**

- 54.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 2020;
  - Không thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - Có đơn xin từ chức;
  - Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 54.2
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty;
  - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

## **CHƯƠNG III**

### **CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỜNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN**

### **ĐIỀU 55: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC**

- 55.1 Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh

55.2 Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

55.3 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **ĐIỀU 56: CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN**

- 56.1 Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
- 56.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
- 56.3 Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 56.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất; nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

### **ĐIỀU 57: THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Trong trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 57.1 Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;



- 57.2 Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác
- 57.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## CHƯƠNG IV CON DẤU

### **ĐIỀU 58: CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

- 58.1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
- Tên doanh nghiệp;
  - Mã số doanh nghiệp.
  - Con dấu hình tròn, kích cỡ (3,6 cm), màu mực dấu đỏ và -+ có một mẫu con dấu thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước.
- 58.2. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- 58.3. Công ty có 01 con dấu, người đại diện theo pháp luật quản lý, sử dụng đóng vào các văn bản công ty phát hành và lưu giữ con dấu thực hiện tại trụ sở công ty và chỉ được mang con dấu ra khỏi trụ sở chính khi được Chủ tịch hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;

## CHƯƠNG V TÀI CHÍNH

### **ĐIỀU 59: THẺ LỆ QUYẾT TOÁN, LẬP QUỸ, TRẢ CỔ TỨC VÀ NGUYÊN TẮC XỬ LÝ**

#### **LỖ TRONG KINH DOANH**

- 59.1 Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.
- 59.2 Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:
- Quỹ dự trữ bắt buộc: 5%
  - Quỹ phúc lợi tập thể: 5%
  - Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 10%
  - Quỹ khen thưởng: 5%
- 59.3 Trả cổ tức
- 59.3.1 Cổ tức cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

59.3.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

59.3.3 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

59.3.4 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người nhận chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

59.4. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Đại hội đồng cổ đông công ty được quyết định theo các hướng sau:

- Trích quỹ dự trữ để bù.
- Chuyển sang năm sau để trừ vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận.
- Chia sẻ cho các cổ đông công ty theo tỷ lệ vốn góp.

## CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

### **ĐIỀU 60: CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN GIẢI DOANH NGHIỆP**

60.1 Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;
- b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

61.6 Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho cổ đông công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

~~61.7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.~~

61.8 Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

## **ĐIỀU 62: CÁC HOẠT ĐỘNG BỊ CẤM KÈ TỪ KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH GIẢI THỂ**

Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:

62.1 Cất giấu, tẩu tán tài sản;

62.2 Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

62.3 Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;

62.4 Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;

62.5 Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

62.6 Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

62.7 Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

## **ĐIỀU 63: PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP**

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

## **ĐIỀU 64: TRANH CHẤP**

Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với các cổ đông của Công ty, giữa các cổ đông Công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua bằng thương lượng hòa giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại Toà Kinh tế Tòa án nhân dân.

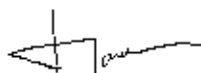
## **ĐIỀU 65: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

65.1 Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

65.2 Điều lệ này được lập thành 65 điều, đã được toàn thể các cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày công ty được cấp đăng ký kinh doanh.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG**



NGUYỄN VIỆT TÚ



NGUYỄN QUANG HUY

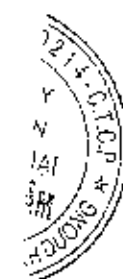


NGUYỄN THỊ QUÍ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN QUANG HUY





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN  
LÂM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬN TÂM VIỆT-CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 19
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>14 – 19</i>



## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán:

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2020; Giấy chứng nhận kinh doanh số 3702890214 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung lần 3 ngày 23 tháng 04 năm 2021.

*Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là: 22.000.000.000 VND*

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: 30/30 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số thuế : 3702890214

### Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sản xuất điện.
- Truyền tải và phân phối điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò.
- Chăn nuôi ngựa, lừa, lã và sản xuất giống ngựa, lừa.
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai.
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi khác.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Trồng cây cà phê.
- Trồng cây chè.
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
- Trồng lúa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Trồng cây mía.
- Trồng cây lấy sợi.
- Trồng cây có hạt chứa dầu.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh
- Trồng cây hàng năm khác.
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lấy quả chứa dầu.
- Trồng cây điều.
- Trồng cây hồ tiêu.
- Trồng cây cao su./.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 19).

**Ban điều hành, quản lý**

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Xác nhận của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**  
**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 26 tháng 06 năm 2021

Giám đốc  
  
Nguyễn Quang Huy



Kết nối - Phát triển  
Số

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬT TÂN VIỆT  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2606.03/2021/BCTC-NVTHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm, được lập ngày 26 tháng 06 năm 2021 từ trang 07 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc của của Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Trụ Sở Chính:

25 B. phố Cát Lành, Phường Cát Lành, Quận Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3761 5395 - (84-24-24) 3761 5399 | [info@nvt.vn](mailto:info@nvt.vn) | [cpa@nvt.vn](mailto:cpa@nvt.vn)

#### Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21, Ngõ 80, Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

#### Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

101 - 105 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

330/25, Tô Hiệu, K. Tân Cầu, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của của Công ty Cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT  
CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số CT: ..... Quyền số: ..... SCT/BS

Nguyễn Thị Hạnh  
GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn  
GCNĐKHNT số: 4497-2018-124-1



**CHỦ TỊCH**  
**ĐỖ LUẤN ANH**

*Đỗ Luân Anh*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>5.387.297.818</b>	-
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.037.615.451</b>	-
1. Tiền		111		2.037.615.451	-
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>3.349.682.367</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.2	3.099.682.367	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.3a	250.000.000	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho		141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B-</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.612.702.182</b>	-
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.000.000.000</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vấn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	4.000.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.612.702.182</b>	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	34.612.702.182	-
	<i>Nguyên giá</i>	222		34.612.702.182	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.000.000.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.000.000.000</b>	-
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.000.000.000</b>	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.5	22.000.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế tìm nhập hoàn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.000.000.000</b>	-
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.6</b>	<b>22.000.000.000</b>	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44.000.000.000</b>	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Thuý

  
 Nguyễn Thị Thuý

Lập, ngày 26 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Quang Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

38/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

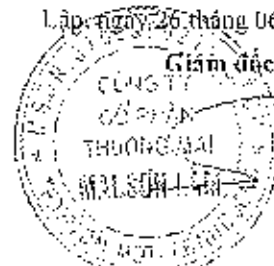
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	
4. Giá vốn hàng bán	11		-	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	
7. Chi phí tài chính	22		-	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25		-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-	
11. Thu nhập khác	31		-	
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác	40		-	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-
- Chi phí lãi vay	06		-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.349.682.367)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22.000.000.000	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.650.317.633</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(34.612.702.182)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34.612.702.182)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Đức Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	12.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>12.000.000.000</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.037.615.451
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	2.037.615.451

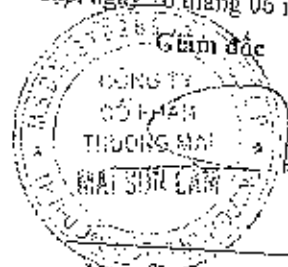
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Quang Huy



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2020

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sản xuất điện.
- Truyền tải và phân phối điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò.
- Chăn nuôi ngựa, lừa, ja và sản xuất giống ngựa, lừa.
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai.
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi khác.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Trồng cây cà phê.
- Trồng cây chè.
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Trồng cây mía.
- Trồng cây lấy sợi.
- Trồng cây có hạt chứa dầu.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trồng cây hàng năm khác.
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lấy quả chứa dầu.
- Trồng cây điều.
- Trồng cây hồ tiêu.
- Trồng cây cao su/.

### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCFC**

Năm 2020 là năm tài chính đầu tiên của công ty nên không có số liệu so sánh

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) đo việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **6. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong kỳ nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá tại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **8. Nguyên tắc kế toán giá vốn**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **9. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **10. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.037.615.451	-
<b>Cộng</b>	<b>2.037.615.451</b>	<b>-</b>

**2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	700.432.367	-
Bà Nguyễn Thị Sáu	549.250.000	-
Công ty TNHH Điện Nam Trung	1.850.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.099.682.367</b>	<b>-</b>

**3. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>

**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc tiền thuê đất cho ông Lê Quang Phong	2.000.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê đất cho ông Nguyễn Đức Tâm	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>

**4. Tài sản cố định**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	34.612.702.182	-	34.612.702.182
<b>Số cuối năm</b>	<b>34.612.702.182</b>	<b>-</b>	<b>34.612.702.182</b>

**5. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

30/10 Hoàng Hoa Thám, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-
Góp vốn trong năm	22.000.000.000	-	22.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-
Số dư cuối năm nay	22.000.000.000	-	22.000.000.000

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Số liệu so sánh**

Năm 2020 là năm tài chính đầu tiên của công ty nên không có số liệu so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Quang Huy



**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày 02 / 06 / 2021



GIÁM ĐỐC  
*Trần Đình Quyết*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM 2021**



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI MAI SON LÂM

Bảng cân đối kế toán  
 Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>12 489 958 629</b>	<b>5 387 297 818</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>360 856 281</b>	<b>2 037 615 451</b>
1. Tiền	111	V.01	360 856 281	2 037 615 451
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>300 000 000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		300 000 000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9 525 000 000</b>	<b>3 099 682 367</b>
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		9 525 000 000	3 099 682 367
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2 304 102 348</b>	<b>250 000 000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2 304 102 348	
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			250 000 000
<b>B - Tài sản dài hạn (200= 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>37 478 174 887</b>	<b>38 612 702 182</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4 250 000 000</b>	<b>4 000 000 000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	4 250 000 000	4 000 000 000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33 226 791 270</b>	<b>34 612 702 182</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	33 226 791 270	34 612 702 182
- Nguyên giá	222		34 612 702 182	34 612 702 182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-1 385 910 912	
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			

1/2/2022  
 T  
 1/2/2022



3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1 383 617</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1 383 617	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>49 968 133 516</b>	<b>44 000 000 000</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>26 476 901 580</b>	<b>22 000 000 000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6 894 484 000</b>	<b>22 000 000 000</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17	6 894 484 000	22 000 000 000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18		
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19 582 417 580</b>	
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	19 582 417 580	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng nợ cấp máu việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>23 491 231 936</b>	<b>22 000 000 000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>23 491 231 936</b>	<b>22 000 000 000</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22 000 000 000	22 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1 491 231 936	
11. Nguồn vốn đầu tư- XDDB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>49 968 133 516</b>	<b>44 000 000 000</b>
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>	<b>000</b>			
1. Tài sản thuê ngoài	N01	24		
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	N03			
4. Nợ khế đời đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	N06			

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Từ ngày: 01/01/2021 đến ngày: 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4 712 562 894	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4 712 562 894	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1 385 910 912	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3 326 651 982	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	299 210	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1 684 477 043	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1 684 477 043	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		266 242 213	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		1 376 231 936	
11. Thu nhập khác	31		115 000 000	
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		115 000 000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1 491 231 936	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1 491 231 936	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Từ ngày: 01/01/2021 đến ngày: 31/12/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1 491 231 936	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02			
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-18 675 177 784	
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		-10 029 102 348	
- Tăng giảm hàng tồn kho	10			-7 349 682 367
- Tăng giảm các khoản phải trả	11			22 000 000 000
- Tăng giảm chi phí trả trước	14		- 1 383 617	
- Tiền lãi vay ( không phân biệt trả cho kỳ trước, trả trong kỳ và trả trước lãi vay)	15		-1 684 477 043	
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18		-6 960 214 776	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-17 183 945 848	14 650 317 633
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			-34 612 702 182
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			-34 612 702 182
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			22 000 000 000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34		22 000 000 000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35		-2 417 582 420	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19 582 417 580	22 000 000 000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2 398 471 732	2 037 615 451
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 037 615 451	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	34	360 856 281	2 037 615 451

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, Đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lóa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sản xuất điện.
- Truyền tải và phân phối điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò.
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa.
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai.
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi khác.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Trồng cây cà phê.
- Trồng cây chè.
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Sản xuất mô tô, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Trồng cây mía.
- Trồng cây lấy sợi.
- Trồng cây có hạt chứa dầu.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lộc, Huyện Đầm Tiễn, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định c ng nhu không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lóa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	360.856.281	2.037.615.451
<b>Cộng</b>	<b><u>360.856.281</u></b>	<b><u>2.037.615.451</u></b>

**2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	-	700.432.367
Bà Nguyễn Thị Sáu	-	549.250.000
Công ty TNHH Điện Nam Trung	-	1.850.000.000
Công ty cổ phần Create capital Việt Nam	7.600.000.000	
Công ty CP CN EMP	1925.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>9.525.000.000</u></b>	<b><u>3.099.682.367</u></b>

**3. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>250.000.000</u></b>	<b><u>250.000.000</u></b>

**b. Dài hạn**

\*Đặt cọc đất cho chủ đất xã Long Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Quang Phong	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Tâm	2.250.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.250.000.000</u></b>	<b><u>4.000.000.000</u></b>

**4. Tài sản cố định**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	34.612.702.182	-	34.612.702.182
		<u>1.385.910.912</u>	
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>34.612.702.182</u></b>	<b><u>1.385.910.912</u></b>	<b><u>34.612.702.182</u></b>

**5. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.894.484.000	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.894.484.000</u></b>	<b><u>11.000.000.000</u></b>



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02.../.../06./2022



GIÁM ĐỐC

*Trần Đình Quyết*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I/2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số  
260/2014/TT-BTC, Ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

Quý 1 năm 2022

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM

[02] Mã số thuế: 3702890214

[03] Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, Đường DT749A, Ấp Tiên Phong, xã Long Hòa

[04] Quận/Huyện: Huyện Dầu Tiếng

[05] Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Bình Dương

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>12.578.794.846</b>	<b>12.489.958.629</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)</b>	<b>110</b>		<b>484.191.368</b>	<b>360.856.281</b>
1. Tiền	111		484.191.368	360.856.281
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)</b>	<b>120</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		300.000.000	300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)</b>	<b>130</b>		<b>9.622.040.500</b>	<b>9.525.000.000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		0	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.887.322.507	9.525.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.734.717.993	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Hàng tồn kho	141		0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)</b>	<b>150</b>		<b>2.172.562.978</b>	<b>2.304.102.348</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.172.562.978	2.304.102.348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>37.187.216.937</b>	<b>37.478.174.887</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ... + 216 + 219)</b>	<b>210</b>		<b>4.250.000.000</b>	<b>4.250.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0



8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.219.780.217	19.582.417.580
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
<b>II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)</b>	<b>330</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>23.951.853.566</b>	<b>23.491.231.936</b>
<b>I. Vốn chủ sở (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)</b>	<b>410</b>	<b>23.951.853.566</b>	<b>23.491.231.936</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	1.951.853.566	1.491.231.936
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.491.231.936	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	460.621.630	1.491.231.936
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)</b>	<b>430</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ** (Theo phương pháp gián tiếp)  
 (Theo phương pháp gián tiếp) (\*)

Mẫu số: B  
 03a – DN  
 (Ban hành  
 theo Thống  
 kê số  
 200/2014/TT-  
 BTC Ngày  
 22/12/2014  
 của Bộ Tài  
 chính)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI MAI SƠN LÂM

[03] Mã số thuế: 3702890214

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		956.909.059	1.491.231.936
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		0	0
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	0
- Chi phí lãi vay	06		0	0
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn tài động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	08		956.909.059	1.491.231.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		0	(10.029.102.348)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		0	0
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		0	0
- Tổng, giảm chi phí trả trước	12		0	(1.383.617)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(470.936.609)	(1.684.477.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		0	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	(11.035.445.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20 = 08 + 09 + 10 + ... + 17)	20		485.972.450	(21.259.176.750)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số: B  
02a - DN  
(Ban hành  
theo Thông  
tức số  
200/2014/TT-  
BTC Ngày  
22/12/2014  
của Bộ Tài  
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Quý I năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM

[03] Mã số thuế: 3702890214

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.411.862.825	0	1.411.862.825	4.712.562.894
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.411.862.825	0	1.411.862.825	4.712.562.894
4. Giá vốn hàng bán	11		456.287.429	0	456.287.429	1.385.910.912
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		955.575.396	0	955.575.396	3.326.651.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		104.954	0	104.954	299.210
7. Chi phí tài chính	22		367.495.821	0	367.495.821	1.684.477.043
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		127.562.899	0	127.562.899	266.242.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		460.621.630	0	460.621.630	1.376.231.936
11. Thu nhập khác	31		0	0	0	115.000.000
12. Chi phí khác	32		0	0	0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0	0	115.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		460.621.630	0	460.621.630	1.491.231.936
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0	0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		460.621.630	0	460.621.630	1.491.231.936
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0	0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý I năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2022

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh:**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Sản xuất điện.
- Truyền tải và phân phối điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm.
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò.
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa.
- Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai.
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn.
- Chăn nuôi gia cầm
- Chăn nuôi khác.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Trồng cây cà phê.
- Trồng cây chè.
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Nuôi trồng thủy sản biển.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy củ có chất bột.
- Trồng cây mía.
- Trồng cây lấy sợi.
- Trồng cây có hạt chứa dầu.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lúa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Trồng cây hàng năm khác.
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lấy quả chứa dầu.
- Trồng cây điều.
- Trồng cây hồ tiêu.
- Trồng cây cao su./.

### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**

Năm 2020 là năm tài chính đầu tiên của công ty nên không có số liệu so sánh

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành (theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất kho ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, hoàn phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập kho thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập kho ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư chủ sở hữu**

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lòa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **6. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến lương tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

"

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **8. Nguyên tắc kế toán giá vốn**

Giá vốn hàng bán (trong năm) được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **9. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **10. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MẠI SƠN LÂM**

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lãm, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý 1</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	360.856.281	484.191.368
<b>Cộng</b>	<b><u>360.856.281</u></b>	<b><u>484.191.368</u></b>

**2. Trả trước cho người bán**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý 1</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	-	-
Bà Nguyễn Thị Sáu	-	-
Công ty TNHH Điện Nam Trung	-	248.000.000
Công ty cổ phần Create capital Việt Nam	7.600.000.000	2.639.322.507
Công ty CP CN EMP	1925.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.525.000.000</u></b>	<b><u>2.887.322.507</u></b>

**3. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý 1</u>
Tạm ứng	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>250.000.000</u></b>	<b><u>250.000.000</u></b>

**b. Dài hạn**

\*Đặt cọc đất cho chủ đất xã Long Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý 1</u>
Ông Lê Quang Phong	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Tâm	2.250.000.000	2.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.250.000.000</u></b>	<b><u>4.250.000.000</u></b>

**4. Tài sản cố định**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong quý I	34.612.702.182	-	32.937.216.937
Số cuối kỳ	<b><u>34.612.702.182</u></b>	<b><u>1.675.485.245</u></b>	<b><u>32.937.216.937</u></b>

**5. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối quý I</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.894.484.000	6.594.378.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.894.484.000</u></b>	<b><u>6.594.378.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MAI SƠN LÂM

Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, đường DT719A, Ấp Tiên Phong, Xã Phong Lóa, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Vốn chủ sở hữu

##### a. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	22.000.000.000	-	22.000.000.000
Góp vốn trong kỳ		-	
Lợi nhuận trong kỳ		-	
Số dư cuối kỳ	<u>22.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>22.000.000.000</u>

#### VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Số liệu so sánh

Quý 1 năm 2022 chưa đủ 1 năm tài chính nên không có số liệu so sánh.

Người lập biểu

Lê Thị Lê

Kế toán trưởng

Lê Thị Lê



C P X S L



**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT**  
**VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

M.S.C.

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty như sau:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum
- Điện thoại : 060 38 56 340
- Fax : 060 38 61 929

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng).

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/07/2019
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/07/2019
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên	
Ông Dương Công Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/07/2019
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/07/2019
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/07/2019

### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/07/2019
Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 /07/2019

### Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Lộc	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 /07/2019
------------------	----------	---------------------------

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Lộc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

KonTum, ngày 20 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Giám đốc





Số: 139/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, trình bày từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu nhập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ



Công ty. Công việc kiểm toán này cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Ngày: 02 -08- 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

Số chứng thực 3.14.7.6... Quốc số SCT/BS

Hoàng Thị Khánh Vân

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0371-2018-133-1



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thị Thảo

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.295.967.510</b>	<b>21.306.864.679</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.287.657.298	960.013.768
1. Tiền	111		1.287.657.298	960.013.768
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	244.065.088	229.169.097
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		244.065.088	229.169.097
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.742.919.811	11.299.037.080
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	5.613.914.491	3.706.867.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	113.000.000	389.766.610
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	-	6.913.200.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	16.005.320	289.202.939
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	13.688.646.766	8.742.478.198
1. Hàng tồn kho	141		13.688.646.766	8.742.478.198
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		332.678.547	76.166.536
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	14.678.547	19.242.360
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	56.924.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	318.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.215.294.333</b>	<b>51.103.617.147</b>
II. Tài sản cố định	220		48.769.826.321	44.463.528.112
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	48.769.826.321	44.463.528.112
- Nguyên giá	222		53.093.593.221	46.988.065.802
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(4.323.766.900)	(2.524.537.690)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.640.089.035
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	-	6.640.089.035
V. Tài sản dài hạn khác	260		445.468.012	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	445.468.012	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>70.511.261.843</b>	<b>72.410.481.826</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.812.405.821</b>	<b>32.022.719.011</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.400.771.802</b>	<b>16.011.084.992</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.735.262.454	2.307.981.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	40.082.469	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	903.718.299	643.644.621
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	225.969.638	110.140.081
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	2.799.632.263	5.103.506.529
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	11.696.106.679	7.845.812.420
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.411.634.019</b>	<b>16.011.634.019</b>
I. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	13.411.634.019	16.011.634.019
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.698.856.022</b>	<b>40.387.762.815</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>38.698.856.022</b>	<b>40.387.762.815</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		33.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	411B		33.000.000.000	30.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	2.371.162.314
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.698.856.022	8.016.600.501
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.459.595.170	4.928.167.645
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.239.260.852	3.088.432.856
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>70.511.261.843</b>	<b>72.410.481.826</b>

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Người lập

*Ng*

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

*Ng*

Nguyễn Việt Giáp



Phạm Văn Lộc



**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.443.830.819	17.167.474.224
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.443.830.819	17.167.474.224
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.582.032.414	10.767.377.762
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.861.798.405	6.400.096.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	164.770.576	875.844.353
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.472.922.028	2.381.098.073
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.472.922.028	2.381.098.073
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	584.345.163	961.141.566
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	653.324.085	677.562.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		3.315.977.705	3.256.139.148
11. Thu nhập khác	31		489.028.552	-
12. Chi phí khác	32	VI.9	185.244.779	4.899.335
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		303.783.773	(4.899.335)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.619.761.478	3.251.239.813
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	380.500.626	162.806.957
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.239.260.852	3.088.432.856
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.033,60	1.029,48

KonTum, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

*(Signature)*

*(Signature)*

Nguyễn Việt Giáp

Nguyễn Việt Giáp



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		3.619.761.478	3.251.239.813
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>01</b>	4.107.380.662	2.879.527.836
+ Khấu hao tài sản cố định	02	1.799.229.210	1.374.274.116
+ Các khoản dự phòng	03	-	-
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	-	-
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(164.770.576)	(875.844.353)
+ Chi phí lãi vay	06	2.472.922.028	2.381.098.073
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	7.727.142.140	6.130.767.649
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.878.741.847)	28.286.523.185
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.946.168.568)	2.661.384.729
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	848.247.286	(23.129.619.964)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	93.657.417	(6.625.667)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.357.092.471)	(2.275.247.615)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(501.310.652)	(1.402.150.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>	<b>(1.014.266.695)</b>	<b>10.265.032.317</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(7.521.251.103)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22	-	-
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của	23	-	(20.314.169.097)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	6.913.200.000	17.386.800.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	410.457.877	622.118.353
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.323.657.877</b>	<b>(9.826.501.847)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.777.197.112	12.905.577.707
. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.526.902.853)	(13.402.328.404)
. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.232.041.911)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</i>	<i>40</i>	<i>(5.981.747.652)</i>	<i>(496.750.697)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>327.643.530</b>	<b>(58.220.227)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>960.013.768</b>	<b>1.018.233.995</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.287.657.298</b>	<b>960.013.768</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kontum, ngày 20 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Việt Giáp

Nguyễn Việt Giáp

Phạm Văn Lộc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum
- Điện thoại : 060 38 56 340
- Fax : 060 38 61 929

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

#### **1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### **1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2. Giá xuất kho :** Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm,
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm,
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm,
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở khoản chi phí đầu tư để có được quyền sử dụng đất hợp pháp và các chi phí liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (nếu có) và lệ phí trước bạ.

M.S.D.N.



**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05 - 30 năm |

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn :* Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Chi phí trả trước dài hạn :* Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Các chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu

có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí chỉ là lãi vay phải trả, chi phí khác...

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối mỗi kỳ kế toán. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (hoặc được hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp) của kỳ kế toán đó. Riêng đối với dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận và chi phí chung.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và số đã lập lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập được ghi nhận vào thu nhập khác (hoặc ghi nhận vào chi phí sản xuất chung).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

*Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:* Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

*Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:* Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

*Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:* Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### **11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

11/2019

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập*

*Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*12.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:*

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**12.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm

hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận (thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

#### *Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2019, miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế 04 năm từ năm 2006 đến năm 2009, giảm 50% trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2019.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: Cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt	81.092.365	951.214.622
- Tiền gửi tại ngân hàng	1.206.564.933	8.799.146
<b>Cộng</b>	<b>1.287.657.298</b>	<b>960.013.768</b>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>244.065.088</b>	<b>244.065.088</b>	<b>229.169.097</b>	<b>229.169.097</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	244.065.088	244.065.088	229.169.097	229.169.097
<b>Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>244.065.088</b>	<b>244.065.088</b>	<b>229.169.097</b>	<b>229.169.097</b>

(\*): Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTĐ ngày 13/01/2017; kỳ hạn 12 tháng; toàn bộ lãi nhập vào gốc nếu đến kỳ hạn bên B không có thỏa thuận khác.

Hợp đồng tiền gửi này đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP		-	3.169.917.531	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	5.558.949.000	-	-	-
Các khách hàng khác	54.965.491	-	536.950.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.613.914.491</b>	<b>-</b>	<b>3.706.867.531</b>	<b>-</b>

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>113.000.000</b>	<b>-</b>	<b>389.766.610</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Song Song Vy		-	341.766.610	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn mỏ địa chất Thiên Trung	48.000.000	-	48.000.000	-
Các đối tượng khác	65.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>113.000.000</b>	<b>-</b>	<b>389.766.610</b>	<b>-</b>



**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Hà Thị Hiền	-	-	6.913.200.000	-
<b>Cộng</b>			<b>6.913.200.000</b>	

**6. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	16.005.320	-	289.202.939	-
+ <i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	16.005.320	-	267.885.185	-
+ <i>Khác</i>	-	-	21.317.754	-
<b>Cộng</b>	<b>16.005.320</b>		<b>289.202.939</b>	

**7. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.868.372.204	-	6.973.986.931	-
- Công cụ dụng cụ	-	-	127.027.522	-
- Chi phí SXKD dở dang	478.459.428	-	629.859.083	-
- Thành phẩm	2.294.627.034	-	1.011.604.662	-
- Hàng hóa	9.047.188.100	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.688.646.766</b>		<b>8.742.478.198</b>	

\* Giá trị hàng tồn kho không suy giảm giá trị tại thời điểm 31/12/2019; 0 VND

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ; 0 VND.

**8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Xây dựng cơ bản dở dang	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Xây dựng cơ bản (*)	-	6.105.527.419
- Sửa chữa TSCĐ	-	534.561.616
<b>Cộng</b>		<b>6.640.089.035</b>

(\*) Dự án di dời và đổi mới công nghệ Nhà máy gạch Tuynel công nghệ mới theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000160 được cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Dự án được thực hiện tại Thôn 2 xã Kroong, thành phố KonTum, tỉnh KonTum với quy mô dự án là 20.000.000 viên QTC/năm. Dự án thực hiện trên diện tích : 36.655m<sup>2</sup>; thời gian thực hiện dự án là 50 năm;

Dự án hoàn thành và ghi nhận tài sản cố định tại 31/12/2019.

Công ty đã thế chấp, cầm cố công trình Nhà máy gạch Tuynel để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt nam (chi tiết tại thuyết minh số 16).

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

NỘI DUNG				Cộng
	Nhà cửa, VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	
<b>NGUYÊN GIÁ TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	26.104.278.468	20.883.787.334	-	46.988.065.802
Số tăng trong năm	6.316.527.419	-	-	6.316.527.419
- XDCB hoàn thành	6.105.527.419	-	-	6.105.527.419
- Phân loại lại tài sản	211.000.000	-	-	211.000.000
Số giảm trong năm	-	211.000.000	-	211.000.000
- Giảm khác	-	211.000.000	-	211.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.420.805.887</b>	<b>20.672.787.334</b>	<b>-</b>	<b>53.093.593.221</b>
<b>HAO MÒN TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	836.827.615	1.687.710.075	-	2.524.537.690
Số tăng trong năm	601.137.800	1.206.800.518	-	1.807.938.318
- Do trích khấu hao	592.428.692	1.206.800.518	-	1.799.229.210
- Phân loại lại	8.709.108	-	-	8.709.108
Số giảm trong năm	-	8.709.108	-	8.709.108
- Phân loại lại	-	8.709.108	-	8.709.108
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.437.965.415</b>	<b>2.885.801.485</b>	<b>-</b>	<b>4.323.766.900</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	25.267.450.853	19.196.077.259	-	44.463.528.112
Số dư cuối năm	30.982.840.472	17.786.985.849	-	48.769.826.321

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay: 42.664.298.902 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 0 VND.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	14.678.547	19.242.360
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	-	19.242.360
Chi phí bảo hiểm	14.678.547	-
b. Dài hạn	445.468.012	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	445.468.012	-
<b>Cộng</b>	<b>460.146.559</b>	<b>19.242.360</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	2.735.262.454	2.735.262.454	2.307.981.341	2.307.981.341
Công ty CP Create Capital Việt Nam	1.587.821.910	1.587.821.910	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	660.000.000	660.000.000	-	-
Các khách hàng khác	487.440.544	487.440.544	657.981.341	657.981.341
<b>Cộng</b>	<b>2.735.262.454</b>	<b>2.735.262.454</b>	<b>2.307.981.341</b>	<b>2.307.981.341</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Đầu tư phát triển thương mại SHP	40.082.469	40.082.469	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.082.469</b>	<b>40.082.469</b>	-	-

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối kỳ
	(a)	(b)	(c)	(a) + (b) - (c)
Thuế GTGT phải nộp (1)	-	1.977.242.081	1.924.889.307	52.352.774
Thuế TNDN (2)	501.310.652	380.500.626	501.310.652	380.500.626
Thuế thu nhập cá nhân (3)	7.683.124	64.699.699	7.683.124	64.699.699
Thuế tài nguyên	111.135.530	578.455.197	324.966.227	364.624.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.515.315	61.484.352	43.458.967	41.540.700
<b>Cộng</b>	<b>643.644.621</b>	<b>3.062.381.955</b>	<b>2.802.308.277</b>	<b>903.718.299</b>

(1) Số giảm trong năm gồm: Phần được khấu trừ: 1.464.086.693 VND; Phần thực nộp bằng tiền: 106.382.979 VND; Phần điều chỉnh theo thông báo số 836/TB-CT của Cục thuế tỉnh Kon tum: 354.419.635 VND

(2) Số giảm trong năm gồm: Phần thực nộp bằng tiền: 374.384.867 VND; Phần điều chỉnh theo thông báo số 836/TB-CT của Cục thuế tỉnh Kon tum: 126.925.785 VND

(3) Số giảm trong năm là khoản điều chỉnh theo thông báo số 836/TB-CT của Cục thuế tỉnh Kon tum: 7.683.124 VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**b. Phải thu**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(a) + (c) - (b)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	-	-	318.000.000	318.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>318.000.000</b>	<b>318.000.000</b>

(\*) Đây là khoản phí đã nộp vào Ngân sách Nhà nước để thực hiện quyền khai thác khoáng sản là đất sét để làm nguyên liệu sản xuất.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	225.969.638	110.140.081
<b>Cộng</b>	<b>225.969.638</b>	<b>110.140.081</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	175.338.884	175.338.884
- Phải trả, phải nộp khác	2.624.293.379	4.928.167.645
+ Cổ tức phải trả cổ đông	2.624.293.379	4.928.167.645
<b>Cộng</b>	<b>2.799.632.263</b>	<b>5.103.506.529</b>



	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng giá trị	Giảm giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ	
<b>16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>							
<b>a. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>							
<b>NGẮN HẠN</b>							
Vay ngắn hạn	9.096.106.679	9.096.106.679	21.777.197.112	18.926.902.853	5.245.812.420	5.245.812.420	7.845.812.420
Vay ngắn hạn Ngân hàng	5.796.106.679	5.796.106.679	12.777.197.112	12.226.902.853	5.245.812.420	5.245.812.420	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (1)	5.796.106.679	5.796.106.679	12.777.197.112	12.226.902.853	5.245.812.420	5.245.812.420	
Vay ngắn hạn cá nhân	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-	-	
+ Vũ Thị Thủy (2)	-	-	6.700.000.000	6.700.000.000	-	-	
+ Ngô Trần Hồng (3)	3.300.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (4)	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	
<b>b. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>							
<b>DÀI HẠN</b>							
Vay dài hạn	13.411.634.019	13.411.634.019	-	2.600.000.000	16.011.634.019	16.011.634.019	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (1)	13.411.634.019	13.411.634.019	-	2.600.000.000	16.011.634.019	16.011.634.019	
Nợ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.107.740.698</b>	<b>25.107.740.698</b>	<b>25.377.197.112</b>	<b>24.126.902.853</b>	<b>23.857.446.439</b>	<b>23.857.446.439</b>	

\* Chi tiết các khoản vay tại thời điểm 31/12/2019

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/666331/HĐTD ngày 31/5/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Kon Tum

+ Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng; bao gồm dư nợ cho vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/666333/HĐTD ngày 29/12/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 26/12/2018.

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Thời hạn duy trì hạn mức : Đến hết ngày 31/05/2020

+ Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể; lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Máy ủi bách xích hiệu Komatsu; các máy móc thiết bị khác theo Hợp đồng thế chấp số: 02/2013/HĐ ngày 25/09/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2017/666331/HĐBĐ ngày 13/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 02/2017/666331/HĐBĐ ngày 16/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐBĐ ngày 18/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được ký kết giữa công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - chi nhánh Kon Tum.

Số dư khoản vay tại 31/12/2019 là: 5.796.106.679 đồng

(2) Khoản vay phải trả bà Vũ Thị Thủy theo hợp đồng vay số 01/2019/HĐV ngày 1/07/2019; lãi suất vay: 7,5%; Thời hạn trả tiền vay là 31/12/2019. Số dư tại 31/12/2019: 0 đồng.

(3) Khoản vay phải trả ông Ngô Trần Hùng theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐV ngày 1/11/2019; lãi suất vay: 7,5%; Thời hạn trả tiền vay là 30/05/2020. Số dư tại 31/12/2019: 3.300.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015 giữa công ty SX và cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum

+ Hạn mức tín dụng: 24 tỷ đồng.

+ Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kontum, tỉnh KonTum.

+ Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

+ Lãi suất cho vay: Năm thứ nhất áp dụng 0%/năm; từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất thỏa thuận, lãi vay bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả sau +3,5%/năm) thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần.

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng Nhà máy và các bất động sản khác (đang có và sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã KROONG, TP Kon tum, tỉnh Kon Tum.

+ Số dư tiền vay đến 31/12/2019 là: 16.011.634.019 đồng.

(Trong đó vay dài hạn đến hạn trả là: 2.600.000.000 đồng)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	792.492.102	11.435.005.502	42.227.497.604
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.088.432.856	3.088.432.856
Phân phối lợi nhuận	-	1.578.670.212	(1.578.670.212)	-
Chia cổ tức	-	-	(4.928.167.645)	(4.928.167.645)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	2.371.162.314	8.016.600.501	40.387.762.815
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	2.371.162.314	8.016.600.501	40.387.762.815
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.239.260.852	3.239.260.852
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	3.000.000.000	(2.371.162.314)	(628.837.686)	-
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(4.928.167.645)	(4.928.167.645)
Số dư cuối kỳ	33.000.000.000		5.698.856.022	38.698.856.022

(\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 0207/2019/BB-DHĐCĐ ngày 02/07/2019; Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông hiện hữu. Cụ thể như sau:

+ Cổ tức bằng cổ phiếu: Tỷ lệ 10% tương ứng 300.000 cổ phiếu, giá trị dự kiến phát hành thêm: 3.000.000.000 đồng; Nguồn vốn thực hiện phát hành: 2.371.162.314 đồng từ quỹ đầu tư phát triển và 628.837.686 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối.

+ Cổ tức bằng tiền : Tỷ lệ chi trả là 16,4272254833%, Số tiền tương ứng là: 4.928.167.645 đồng.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	-	14.940.000.000
Ông Mai Anh Tâm	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng FLC	-	13.500.000.000
Bà Bùi Minh Hằng	2.530.000.000	-
Ông Phạm Văn Lộc	3.300.000.000	-
Bà Phạm Thị Thoa	4.000.000.000	-
Cổ đông khác	23.170.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	3.000.000.000	
+ Vốn góp cuối kỳ	33.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.557.005.331	4.928.167.645

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.300.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.000.000

+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 1. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>19.443.830.819</b>	<b>17.167.474.224</b>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	19.443.830.819	17.167.474.224
<b>Cộng</b>	<b>19.443.830.819</b>	<b>17.167.474.224</b>

### 2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	12.582.032.414	10.767.377.762
<b>Cộng</b>	<b>12.582.032.414</b>	<b>10.767.377.762</b>





**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	3.619.761.478	3.251.239.813
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	185.244.779	4.899.335
Các khoản điều chỉnh tăng	185.244.779	4.899.335
- Chi phí không hợp lệ	185.244.779	4.899.335
Lợi nhuận chịu thuế	3.805.006.257	3.256.139.148
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thuế suất hiện hành	761.001.251	651.227.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm do chênh lệch áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(380.500.626)	(325.613.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm 50%		(162.806.957)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay</b>	<b>380.500.626</b>	<b>162.806.957</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.239.260.852	3.088.432.856
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.239.260.852	3.088.432.856
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	3.133.973	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.033,60</b>	<b>1.029,48</b>

(\*) Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

Ngày phát sinh	SL CP	Ngày lưu hành trong kỳ	CP lưu hành bình quân trong kỳ
01/01/2019	3.000.000	364	2.991.781
11-07-19	300.000	173	142.192
<b>Cộng</b>	<b>3.300.000</b>		<b>3.133.973</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

- Tiền thu nhận vốn góp chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm 3.000.000.000 VND là số tiền tăng vốn từ lợi nhuận để lại và bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Biên bản họp số 0207/2019/BB-DHĐCĐ ngày 02/07/2019

**2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn là 244.065.088 đồng đang được đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/666331 ngày 31/05/2019 ký kết giữa công ty CP Cung ứng vật liệu Xây dựng Kontum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.287.657.298		960.013.768	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.629.919.811		3.996.070.470	
Các khoản cho vay	-		6.913.200.000	
Đầu tư ngắn hạn	244.065.088		229.169.097	
<b>Cộng</b>	<b>7.161.642.197</b>		<b>12.098.453.335</b>	

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	25.107.740.698	23.857.446.439
Phải trả người bán, phải trả khác	5.534.894.717	7.411.487.870
Chi phí phải trả	225.969.638	110.140.081
<b>Cộng</b>	<b>30.868.605.053</b>	<b>31.379.074.390</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đồng sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.287.657.298			1.287.657.298
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.629.919.811			5.629.919.811
Đầu tư ngắn hạn	244.065.088			244.065.088
<b>Cộng</b>	<b>7.161.642.197</b>			<b>7.161.642.197</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	960.013.768			960.013.768
Phải thu KH, phải thu khác	3.996.070.470			3.996.070.470
Các khoản cho vay	6.913.200.000			6.913.200.000
Đầu tư ngắn hạn	229.169.097			229.169.097
<b>Cộng</b>	<b>12.098.453.335</b>			<b>12.098.453.335</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	11.696.106.679		13.411.634.019	25.107.740.698
Phải trả NB, phải trả khác	5.534.894.717			5.534.894.717
Chi phí phải trả	225.969.638			225.969.638
<b>Cộng</b>	<b>17.456.971.034</b>		<b>13.411.634.019</b>	<b>30.868.605.053</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	7.845.812.420		16.011.634.019	23.857.446.439
Phải trả NB, phải trả khác	7.411.487.870			7.411.487.870
Chi phí phải trả	110.140.081			110.140.081
<b>Cộng</b>	<b>15.367.440.371</b>		<b>16.011.634.019</b>	<b>31.379.074.390</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào quan trọng hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

## 3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Bán thành phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính: VND
		Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	19.443.830.819	19.443.830.819
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>19.443.830.819</b>	<b>19.443.830.819</b>
Chi phí bộ phận	12.582.032.414	12.582.032.414
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>6.861.798.405</b>	<b>6.861.798.405</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận		1.237.669.248
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	5.624.129.157
Doanh thu hoạt động tài chính	-	164.770.576
Chi phí tài chính	-	2.472.922.028
Chi phí khác	-	185.244.779
Thuế TNDN hiện hành	-	380.500.626
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-</b>	<b>3.239.260.852</b>

## 4. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan:

Công ty Cổ phần Create Việt Nam

Cổ đông lớn sở hữu 49,8% vốn góp tính đến 18/7/2019

Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng và quản lý tài sản FLC (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu xây dựng FLC)

Cổ đông lớn sở hữu 45% vốn góp tính đến 19/7/2019

Ông Mai Anh Tâm

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty tính đến ngày 01/07/2019

Ông Phạm Văn Lộc

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty từ ngày 02/07/2019

### 4.1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Số tiền VND
<b>Công ty Cổ phần Create Việt Nam</b>	
Ứng trước tiền hàng	1.359.840.000
Thanh toán tiền hàng	1.650.000.000
Thu lại tiền ứng trước	1.203.050.000
Mua hàng	3.720.593.910
Bán hàng	7.857.850.000
Thu tiền bán hàng	8.013.146.009
Cổ tức được chia bằng tiền	2.454.227.487
Cổ tức đã trả	6.000.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	16.434.000.000

	Số tiền VND
<b>Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng và quản lý tài sản FLC (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu xây dựng FLC)</b>	
Bán hàng	3.203.520.000
Thu tiền bán hàng	3.543.683.000
Trả lại tiền ứng trước	260.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	14.850.000.000
<b>Ông Mai Anh Tám</b>	
Cổ tức được chia bằng tiền	147.247.676
Cổ tức đã trả	763.865.985
Chuyển nhượng vốn góp	986.000.000
<b>Ông Phạm Văn Lộc</b>	
Nhận chuyển nhượng vốn góp	3.300.000.000

**4.2. Số dư với các bên liên quan:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Công ty Cổ phần Create Việt Nam</b>		
- Phải thu khách hàng	1.493.991	-
- Phải trả người bán	1.587.821.910	1.650.000.000
- Phải trả khác (cổ tức)	396.761.603	3.942.534.116
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	14.940.000.000
<b>b. Công ty cổ phần đầu tư và khai khoáng và quản lý tài sản FLC (Tên cũ là Công ty CP Vật liệu xây dựng FLC)</b>		
- Phải thu khách hàng	-	80.163.000
- Phải trả người bán	-	1.650.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	13.500.000.000
<b>c. Ông Mai Anh Tám</b>		
- Phải trả khác (cổ tức)	147.247.676	763.865.985
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	60.000.000
<b>d. Ông Phạm Văn Lộc</b>		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.300.000.000	-
- Phải trả khác (cổ tức)	1.236.522.064	-

**4.3. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2019: 207.000.000 VND**

**5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán TPP kiểm toán.

Người lập

*VH*

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

*VH*

Nguyễn Việt Giáp

KonTum, ngày 20 tháng 03 năm 2020





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
( đã được kiểm toán)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....Quyển số:.....SCT/BS

3 8 1 2 0 1

Ngày: 02-06-2022



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Dinh Thị Mai Hương*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 34

5/5/2011

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33,000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng).

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KÊ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm trong kỳ
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên	
Ông Dương Công Phú	Thành viên	
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Lộc	Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 14/08/2020
Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc	Bổ nhiệm, ngày 14/08/2020

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Nâu	Thành viên
Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên



## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, Tp. KonTum, Tỉnh KonTum

---

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2021*

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Hoàng Văn Công**

W. V. H. V. C. T. N.



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 253/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum

**Kính gửi:**

Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021*

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Hoàng Kim Thùy**

**Phạm Thu Hà**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 1464-2018-133-1*

*số 0570-2018-133-1*

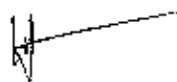
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.972.904.562</b>	<b>21.295.967.510</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>671.769.881</b>	<b>1.287.657.298</b>
111	1. Tiền		671.769.881	1.287.657.298
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>260.661.514</b>	<b>244.065.088</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.a	260.661.514	244.065.088
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>43.819.136.932</b>	<b>5.742.919.811</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	28.477.868.877	5.613.914.491
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	13.486.950.301	113.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	1.854.317.754	16.005.320
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>14.017.225.895</b>	<b>13.688.646.766</b>
141	1. Hàng tồn kho		14.017.225.895	13.688.646.766
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>204.110.340</b>	<b>332.678.547</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9.a	34.757.513	14.678.547
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		137.910.943	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	31.441.884	318.000.000
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>58.326.833.966</b>	<b>49.215.294.333</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>55.559.953.162</b>	<b>48.769.826.321</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	55.559.953.162	48.769.826.321
222	- Nguyên giá		61.942.321.944	53.093.593.221
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.382.368.782)	(4.323.766.900)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4.b	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.500.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>266.880.804</b>	<b>445.468.012</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9.b	266.880.804	445.468.012
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>117.299.738.528</b>	<b>70.511.261.843</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>76.122.932.993</b>	<b>31.812.405.821</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>59.809.298.974</b>	<b>18.400.771.802</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.a	10.228.808.231	2.735.262.454
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.a	38.834.878.469	40.082.469
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	478.364.228	903.718.299
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.a	2.153.425	225.969.638
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14.a	207.470.391	2.799.632.263
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	10.057.624.230	11.696.106.679
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>16.313.634.019</b>	<b>13.411.634.019</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.b	16.313.634.019	13.411.634.019
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>41.176.805.535</b>	<b>38.698.856.022</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>41.176.805.535</b>	<b>38.698.856.022</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		33.000.000.000	33.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		33.000.000.000	33.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.176.805.535	5.698.856.022
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.699.625.022	2.459.595.170
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.477.180.513	3.239.260.852
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>117.299.738.528</b>	<b>70.511.261.843</b>

Người lập biểu



Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 28 tháng 03 năm 2021





**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	34.324.988.037	19.443.830.819
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		34.324.988.037	19.443.830.819
11	4. Giá vốn hàng bán	19	27.658.436.523	12.582.032.414
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		6.666.551.514	6.861.798.405
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	713.962	164.770.576
22	7. Chi phí tài chính	21	1.299.018.802	2.472.922.028
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.299.018.802	2.472.922.028
24	8. Chi phí bán hàng	22	-	584.345.163
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	444.770.835	653.324.085
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		4.923.475.839	3.315.977.705
31	11. Thu nhập khác	24	-	489.028.552
32	12. Chi phí khác	25	2.041.888.498	185.244.779
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(2.041.888.498)	303.783.773
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		2.881.587.341	3.619.761.478
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	403.637.828	380.500.626
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		2.477.949.513	3.239.260.852
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	750,89	1.033,60

Người lập biểu

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Giáp



Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

KON TUM

TP. KON TUM

KON TUM

KON TUM

Đoàng Văn Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Phương pháp gián tiếp**  
**Năm 2020**

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	2.881.587.341	3.619.761.478
	2. Điều chỉnh cho các khoản	3.356.906.722	4.107.380.662
02	- Khấu hao tài sản cố định	2.058.601.882	1.799.229.210
03	- Các khoản dự phòng	-	-
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(713.962)	(164.770.576)
06	- Chi phí lãi vay	1.299.018.802	2.472.922.028
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	6.238.494.063	7.727.142.140
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(37.927.569.948)	(1.878.741.847)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(328.579.129)	(4.946.168.568)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	43.035.968.522	848.247.286
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	158.508.242	93.657.417
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.437.762.446)	(2.357.092.471)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(253.853.085)	(501.310.652)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.485.206.219	(1.014.266.695)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(8.848.728.723)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(16.596.426)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	6.913.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.500.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	713.962	410.457.877
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(11.364.611.187)	7.323.657.877

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Tiếp theo)  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	26.636.127.703	22.777.197.112
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(25.372.610.152)	(21.526.902.853)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(7.232.041.911)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.263.517.551	(5.981.747.652)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(615.887.417)	327.643.530
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.287.657.298	960.013.768
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	671.769.881	1.287.657.298

Người lập biểu

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 3 tháng 03 năm 2021



Hàng Văn Công



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Số nhân viên: 20 người.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng

#### Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Căn cứ vào Nghị quyết HĐQT số 3212/NQ-HĐQT ngày 31/12/2019 về việc Công ty tạm dừng sản xuất 06 tháng kể từ ngày 10/01/2020, để sửa chữa máy móc, nâng cấp hệ thống lò, nhà xưởng sản xuất và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà máy (thời gian tạm dừng sản xuất thực tế là 08 tháng). Theo đó, tạm thời cho công nhân, người lao động nghỉ việc không hưởng lương trong thời gian dừng sản xuất này. Vì vậy, trong kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm 2020 không phát sinh chi phí tiền lương cho bộ phận sản xuất.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng (tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay, ... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 2.15. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.17. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.



Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*c. Ưu đãi thuế*

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

*d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## 2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	638.546.399		81.092.365	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.223.482		1.206.564.933	
- Tiền gửi VND	33.223.482		1.206.564.933	
- Tiền gửi bằng ngoại tệ				
<b>Cộng</b>	<b>671.769.881</b>		<b>1.287.657.298</b>	

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư ngắn hạn	260.661.514	-	244.065.088	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	260.661.514	-	244.065.088	-
b. Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	-	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2)	2.500.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.760.661.514</b>	<b>-</b>	<b>244.065.088</b>	<b>-</b>

(1): Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG ngày 13/01/2017; kỳ hạn 12 tháng; toàn bộ lãi nhập vào gốc nếu đến kỳ hạn bên B không có thỏa thuận khác.

Hợp đồng tiền gửi này đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

(2): Trong năm, Công ty CP SX và Cung cấp vật liệu XD Kon Tum nhận chuyển nhượng 2.500.000.000 đồng vốn góp tại Công ty TNHH Trường Sơn từ Bà Nguyễn Thị Thanh Dung (cổ đông sáng lập của Công ty TNHH Trường Sơn), giao dịch được thực hiện bằng tiền mặt. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang sở hữu 8% trên tổng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Trường Sơn.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn	28.477.868.877		5.613.914.491	
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	2.058.949.000		5.558.949.000	
- Công ty CP Công nghệ EMP	18.146.521.160		-	
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng Xanh	3.983.320.000		-	
- Công ty CP VinaSolar Đồng Tháp	3.983.320.000		-	
- Các đối tượng khác	305.758.717		54.965.491	
b. Dài hạn	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>28.477.868.877</b>		<b>5.613.914.491</b>	

Các khoản nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2020 là các khoản nợ phát sinh trong năm, Ban Giám đốc Công ty đánh giá có khả năng thu hồi trong ngắn hạn.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Ngắn hạn	13.486.950.301		113.000.000	
- Công ty CP Công nghệ EMP	4.802.990.000		-	
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Phú Long	5.300.000.000		-	
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý Tưởng	2.620.000.000		-	
- Các đối tượng khác	763.960.301		113.000.000	
b. Dài hạn	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>13.486.950.301</b>		<b>113.000.000</b>	

**7. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.854.317.754	-	16.005.320	-
Tạm ứng	1.854.317.754	-	-	-
Phải thu khác	-	-	16.005.320	-
<b>Cộng</b>	<b>1.854.317.754</b>	<b>-</b>	<b>16.005.320</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.831.282.588	-	1.868.372.204	-
Công cụ, dụng cụ	64.107.810	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dư dang	4.183.411.653	-	478.459.428	-
Thành phẩm	2.174.893.244	-	2.294.627.034	-
Hàng hoá	2.763.530.600	-	9.047.188.100	-
<b>Cộng</b>	<b>14.017.225.895</b>	<b>-</b>	<b>13.688.646.766</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Số cuối năm  
VND

Số đầu năm  
VND

a. Ngắn hạn	34.757.513	14.678.547
- Chi phí bảo hiểm	34.757.513	14.678.547
b. Dài hạn	266.880.804	445.468.012
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	266.880.804	445.468.012
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>301.638.317</b>	<b>460.146.559</b>



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>					<b>53.093.593.221</b>	
<b>Số đầu năm:</b>	32.420.805.887	20.672.787.334			8.848.728.723	
- Mua trong năm		8.848.728.723				
- Đầu tư hoàn thành						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số cuối năm</b>	32.420.805.887	29.521.516.057			61.942.321.944	
<b>Giá trị bao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	1.437.965.415	2.885.801.485			4.323.766.900	
- Khấu hao trong năm	914.697.800	1.143.904.082			2.058.601.882	
- Phân loại lại						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số cuối năm</b>	2.352.663.215	4.029.705.567			6.382.368.782	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	30.982.840.472	17.786.985.849			48.769.826.321	
Tại ngày cuối năm	30.068.142.672	25.491.810.490			55.559.953.162	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 51.402.418.516 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND			
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>2.735.262.454</b>	<b>2.735.262.454</b>
- Công ty CP Create Capital Việt Nam	4.121.243.813	4.121.243.813	1.587.821.910	1.587.821.910
- Công ty TNHH BG Solar	4.199.112.300	4.199.112.300	-	-
- Các đối tượng khác	1.908.452.118	1.908.452.118	1.147.440.544	1.147.440.544
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>2.735.262.454</b>	<b>2.735.262.454</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>38.834.878.469</b>	<b>40.082.469</b>
- Công ty CP Xây lắp điện Lâm Đồng	4.681.820.000	-
- Công ty TNHH Điện NLMT Tân Phú	4.881.820.000	-
- Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar	4.283.320.000	-
- Công ty CP Cung cấp Năng lượng điện Mặt trời	4.681.820.000	-
- Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	5.773.927.500	-
- Công ty CP Elecsun Việt Nam	4.681.820.000	-
- Công ty CP Jince Việt Nam	4.681.820.000	-
- Các đối tượng khác	5.168.530.969	40.082.469
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.834.878.469</b>	<b>40.082.469</b>

Số dư "Người mua trả tiền trước" tại ngày 31/12/2020 là các khoản khách hàng chuyển tiền ứng được thực hiện theo các Hợp đồng thi công xây lắp các hạng mục thuộc dự án pin năng lượng mặt trời, thời gian thực hiện từ 06 - 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.153.425</b>	<b>225.969.638</b>
- Lãi vay phải trả	2.153.425	225.969.638
<b>Cộng</b>	<b>2.153.425</b>	<b>225.969.638</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>207.470.391</b>	<b>2.799.632.263</b>
Kinh phí công đoàn	175.338.884	175.338.884
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.131.507	2.624.293.379
<b>Cộng</b>	<b>207.470.391</b>	<b>2.799.632.263</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**  
Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>						
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>10.057.624.230</b>	<b>10.057.624.230</b>	<b>23.734.127.703</b>	<b>25.372.610.152</b>	<b>11.696.106.679</b>	<b>11.696.106.679</b>
- Vay ngân hàng	6.009.624.230	6.009.624.230	10.886.127.703	10.672.610.152	5.796.106.679	5.796.106.679
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (2)	6.009.624.230	6.009.624.230	10.886.127.703	10.672.610.152	5.796.106.679	5.796.106.679
- Vay cá nhân (1)	300.000.000	300.000.000	9.100.000.000	12.100.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	3.748.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (3)	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	948.000.000	948.000.000	948.000.000			-
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>16.313.634.019</b>	<b>16.313.634.019</b>	<b>6.650.000.000</b>	<b>3.748.000.000</b>	<b>13.411.634.019</b>	<b>13.411.634.019</b>
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (3)	10.611.634.019	10.611.634.019		2.800.000.000	13.411.634.019	13.411.634.019
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	5.702.000.000	5.702.000.000	6.650.000.000	948.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>26.371.258.249</b>	<b>26.371.258.249</b>	<b>30.384.127.703</b>	<b>29.120.610.152</b>	<b>25.107.740.698</b>	<b>25.107.740.698</b>



## CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

### Thông tin hỗ trợ cho các khoản vay:

- (1.1): Khoản vay phải trả Ông Phạm Văn Lộc theo hợp đồng vay số 4A/2020/HĐV ngày 01/07/2020, số tiền vay: 3.100.000.000 đồng, lãi suất vay: 2%/năm, thời hạn trả tiền vay: 30/10/2020. Số dư khoản vay tại 31/12/2020 là: 106.000.000 đồng.
- (1.2): Khoản vay phải trả bà Nguyễn Thị Thu Hà theo hợp đồng vay số 3A/2020/HĐV ngày 17/09/2020, số tiền vay 4.800.000.000 đồng, lãi suất vay: 2%/năm, thời hạn trả tiền vay: 17/12/2020. Số dư khoản vay tại 31/12/2020 là: 200.000.000 đồng
- (2): Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/666331/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Kon Tum.
  - Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng; bao gồm dư nợ cho vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019-666333/HĐTD ngày 31/05/2019
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
  - Thời hạn duy trì hạn mức : Đến hết ngày 01/06/2021
  - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể; lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐ ngày 25/09/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2017/666331/HĐBĐ ngày 13/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 02/2017/666331/HĐBĐ ngày 16/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐBĐ ngày 18/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được ký kết giữa công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - chi nhánh Kon Tum.
  - Số dư khoản vay tại 31/12/2020 là: 6.009.624.230 đồng
- (3): Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015 giữa công ty SX và cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum
  - Hạn mức tín dụng: 24 tỷ đồng.
  - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kontum, tỉnh KonTum.
  - Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
  - Lãi suất cho vay: Năm thứ nhất áp dụng 0%/năm; từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất thỏa thuận, lãi vay bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng (trả sau +3,5%/năm) trả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần.
  - Các hình thức: bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng Nhà máy và các bất động sản khác (đang có và sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã KROONG, TP Kon tum, tỉnh Kon Tum.
  - Số dư tiền vay đến 31/12/2020 là: 13.411.634.019 đồng, trong đó vay dài hạn trả là: 2.800.000.000 đồng

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**  
Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(4): Hợp đồng cho vay số 5587S.20.011.8162990.TD ngày 30/10/2020 giữa Công ty CP SX và Cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình

- Số tiền cho vay: 6.650.000.000 VND

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần dài hạn

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà công suất dưới 10 MW của khách hàng tại thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

- Thời hạn cho vay: tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên

- Lãi suất: được quy định tại bảng vận bản nhận nợ

- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được kí kết giữa bên vay và Công ty điện lực địa phương. Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà.

- Số dư tiền vay đến 31/12/2020: 6.650.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 948.000.000 đồng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM  
Thôn 2, xã Krông, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	52.352.774	122.141.302	174.494.076	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	380.500.626	403.637.828	422.806.726	-	361.331.728
Thuế Thu nhập cá nhân	-	64.699.699	-	96.141.583	31.441.884	-
Thuế Tài nguyên	-	364.624.500	107.737.500	364.624.500	-	107.737.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	318.000.000	41.540.700	1.939.582.000	1.653.827.700	-	9.295.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>318.000.000</b>	<b>903.718.299</b>	<b>2.573.098.630</b>	<b>2.711.894.585</b>	<b>31.441.884</b>	<b>478.364.228</b>

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.371.162.314</b>	<b>8.016.600.501</b>	<b>40.387.762.815</b>
- Phòng vốn trong năm trước			3.239.260.852	3.239.260.852
- Lãi trong năm trước			(628.837.686)	(628.837.686)
- Trích lập các quỹ	3.000.000.000	(2.371.162.314)	(4.928.167.645)	(4.928.167.645)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu				
- Chia cổ tức bằng tiền				
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.698.856.022</b>	<b>38.698.856.022</b>
- Tặng vốn trong năm nay			2.477.949.513	2.477.949.513
- Lãi trong năm nay				
- Trích lập các quỹ				
- Cổ tức				
- Phân phối lợi nhuận				
- Giám khác				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.176.805.535</b>	<b>41.176.805.535</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VNĐ	Tỷ lệ %	Số đầu năm VNĐ	Tỷ lệ %
Bà Bùi Minh Hằng	2.530.000.000	7,67%	2.530.000.000	7,67%
Ông Phạm Văn Lộc	3.300.000.000	10,00%	3.300.000.000	10,00%
Bà Phạm Thị Thoa			4.000.000.000	12,12%
Cổ đông khác	27.170.000.000	82,33%	23.170.000.000	70,21%
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	33.000.000.000	33.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	33.000.000.000	33.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.300.000	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.300.000	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.300.000	3.300.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/CP

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	33.843.990.257	19.443.830.819
- Doanh thu khác	480.997.780	
<b>Cộng</b>	<b>34.324.988.037</b>	<b>19.443.830.819</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	27.547.827.414	12.582.032.414
- Giá vốn khác	110.609.109	
<b>Cộng</b>	<b>27.658.436.523</b>	<b>12.582.032.414</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	713.962	164.770.576
<b>Cộng</b>	<b>713.962</b>	<b>164.770.576</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	1.299.018.802	2.472.922.028
<b>Cộng</b>	<b>1.299.018.802</b>	<b>2.472.922.028</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	584.345.163
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>584.345.163</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	2.310.000	5.331.041
- Chi phí nhân công	154.252.686	509.856.197
- Chi phí khấu hao	19.561.650	20.169.996
- Thuế, phí, lệ phí	6.925.168	6.172.875
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.218.980	56.612.664
- Chi phí khác bằng tiền	20.502.351	55.181.312
<b>Cộng</b>	<b>444.770.835</b>	<b>653.324.085</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	-	489.028.552
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>489.028.552</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt thuế, vi phạm hành chính	1.540.000	176.467.310
- Chi phí phát sinh trong thời gian tạm dừng sản xuất	2.040.348.498	8.777.469
<b>Cộng</b>	<b>2.041.888.498</b>	<b>185.244.779</b>



**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.881.587.341	3.619.761.478
Các khoản điều chỉnh tăng	1.540.000	185.244.779
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.540.000	185.244.779
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.883.127.341	3.805.006.257
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thuế suất hiện hành	576.625.468	761.001.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm do chênh lệch áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(380.500.626)
<b>Thuế TNDN theo Thuế suất hiện hành</b>	<b>576.625.468</b>	<b>380.500.626</b>
<b>Chi phí thuế TNDN được giảm (*)</b>	<b>(172.987.640)</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính</b>	<b>403.637.828</b>	<b>380.500.626</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	380.500.626	501.310.652
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(422.806.726)	(501.310.652)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>361.331.728</b>	<b>380.500.626</b>

(\*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác; giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.477.949.513	3.239.260.852
Các khoản điều chỉnh	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST (*)</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.477.949.513	3.239.260.852
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.300.000	3.133.973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	750,89	1.033,60

(\*) Công ty chưa ước tính phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Do đó, việc tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay không bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ.

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	589.721.743	6.793.112.851
- Chi phí nhân công	368.910.021	2.447.452.697
- Chi phí khấu hao	2.058.601.882	1.799.229.210
- Thuế, phí, lệ phí	6.925.168	6.172.875
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	411.176.796	1.930.736.251
- Chi phí khác bằng tiền	312.191.452	255.196.444
<b>Cộng</b>	<b>3.747.527.062</b>	<b>13.231.900.328</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	671.769.881	-	1.287.657.298	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.332.186.631	-	5.629.919.811	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514	-	244.065.088	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.264.618.026</b>	<b>-</b>	<b>7.161.642.197</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Vay và nợ			26.371.258.249	25.107.740.698
Phải trả người bán, phải trả khác			10.436.278.622	5.534.894.717
Chi phí phải trả			2.153.425	225.969.638
<b>Cộng</b>			<b>36.809.690.296</b>	<b>30.868.605.053</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	671.769.881			671.769.881
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.332.186.631	-		30.332.186.631
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514			260.661.514
Đầu tư dài hạn			-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.264.618.026</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.264.618.026</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.287.657.298			1.287.657.298
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.629.919.811	-		5.629.919.811
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	244.065.088			244.065.088
Đầu tư dài hạn			-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.161.642.197</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.161.642.197</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	10.057.624.230	16.313.634.019		26.371.258.249
Phải trả người bán, phải trả khác	10.436.278.622	-		10.436.278.622
Chi phí phải trả	2.153.425	-		2.153.425
<b>Cộng</b>	<b>20.496.056.277</b>	<b>16.313.634.019</b>	<b>-</b>	<b>36.809.690.296</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	11.696.106.679	13.411.634.019		25.107.740.698
Phải trả người bán, phải trả khác	5.534.894.717	-		5.534.894.717
Chi phí phải trả	225.969.638	-		225.969.638
<b>Cộng</b>	<b>17.456.971.034</b>	<b>13.411.634.019</b>	<b>-</b>	<b>30.868.605.053</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

### 32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu dịch vụ	DT bán hàng hóa, thành phẩm	Doanh thu khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-	33.843.990.257	480.997.780		34.324.988.037
Chi phí bộ phận	-	27.547.827.414	110.609.109		27.658.436.523
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>-</b>	<b>6.296.162.843</b>	<b>370.388.671</b>		<b>6.666.551.514</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>					<b>444.770.835</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.221.780.679
Doanh thu hoạt động tài chính					713.962
Chi phí tài chính					1.299.018.802
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					2.041.888.498
Thuế TNDN hiện hành					403.637.828
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>2.477.949.513</b>

**33. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN****a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**b. Giao dịch với bên liên quan**

Thù lao Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc

	Năm nay
Ông Hoàng Văn Công	VND 60.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Nguyễn Viết Giáp

Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Giáp

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2021



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
( đã được kiểm toán)





**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp vật liệu xây dựng KonTum là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên
Ông Dương Công Phú	Thành viên
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc
--------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên
Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Đơn vị

đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỎ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

---

theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

---

*Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022*



**Hoàng Văn Công**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số: 301/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Hoàng Kim Thủy**

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
Số: 1464-2018-133-1

**Nguyễn Hà Phương**

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 4033-2018-133-1



**Đỗ Tuấn Anh**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>39.545.677.520</b>	<b>58.972.904.562</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.056.701.786</b>	<b>671.769.881</b>
111	1. Tiền		1.056.701.786	671.769.881
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>260.661.514</b>	<b>260.661.514</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.b	260.661.514	260.661.514
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.998.140.441</b>	<b>43.819.136.932</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	911.089.943	28.477.868.877
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	1.078.681.605	13.486.950.301
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	8.368.893	1.854.317.754
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>35.432.864.563</b>	<b>14.017.225.895</b>
141	1. Hàng tồn kho		35.432.864.563	14.017.225.895
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>797.309.216</b>	<b>204.110.340</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9.a	-	34.757.513
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		690.609.700	137.910.943
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	106.699.516	31.441.884
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>53.175.654.417</b>	<b>58.326.833.966</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>53.086.560.814</b>	<b>55.559.953.162</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	53.086.560.814	55.559.953.162
222	- Nguyên giá		61.942.321.944	61.942.321.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.855.761.130)	(6.382.368.782)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4.a	-	<b>2.500.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.500.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>89.093.603</b>	<b>266.880.804</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9.b	89.093.603	266.880.804
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>92.721.331.937</b>	<b>117.299.738.528</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.702.576.669</b>	<b>76.122.932.993</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>32.136.942.650</b>	<b>59.809.298.974</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.a	14.999.258.691	10.228.808.231
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.a	4.165.926.000	38.834.878.469
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.108.322.570	478.364.228
314	4. Phải trả người lao động		252.890.500	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.a	109.852.092	2.153.425
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14.a	753.480.000	207.470.391
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	9.747.212.797	10.057.624.230
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.565.634.019</b>	<b>16.313.634.019</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.b	12.565.634.019	16.313.634.019
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>48.018.755.268</b>	<b>41.176.805.535</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>48.018.755.268</b>	<b>41.176.805.535</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		33.000.000.000	33.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		33.000.000.000	33.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.018.755.268	8.176.805.535
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		8.246.386.649	5.699.625.022
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.772.368.619	2.477.180.513
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>92.721.331.937</b>	<b>117.299.738.528</b>

Người lập biểu

*UJ*

Nguyễn Viết Giáp

Kế toán trưởng

*UJ*

Nguyễn Viết Giáp

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Hoàng Văn Công

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	70.691.318.128	34.324.988.037
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		70.691.318.128	34.324.988.037
11	4. Giá vốn hàng bán	19	58.707.268.387	27.658.436.523
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		11.984.049.741	6.666.551.514
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	318.188.106	713.962
22	7. Chi phí tài chính	21	2.381.336.433	1.299.018.802
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.381.336.433	1.299.018.802
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	807.957.351	444.770.835
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		9.112.944.063	4.923.475.839
31	11. Thu nhập khác	23	167	-
32	12. Chi phí khác	24	448.405.651	2.041.888.498
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(448.405.484)	(2.041.888.498)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		8.664.538.579	2.881.587.341
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.822.588.846	403.637.828
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		6.841.949.733	2.477.949.513
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.073,32	750,89

Người lập biểu

*Uy*

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

*Uy*

Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Hoàng Văn Công



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Phương pháp gián tiếp  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	8.664.538.579	2.881.587.341
	2. Điều chỉnh cho các khoản	4.536.540.675	3.356.906.722
02	- Khấu hao tài sản cố định	2.473.392.348	2.058.601.882
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(318.188.106)	(713.962)
06	- Chi phí lãi vay	2.381.336.433	1.299.018.802
07	- Các khoản điều chỉnh khác		
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	13.201.079.254	6.238.494.063
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	41.193.040.102	(37.927.569.948)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(21.415.638.668)	(328.579.129)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(29.097.487.308)	43.035.968.522
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	212.544.714	158.508.242
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		
14	- Tiền lãi vay đã trả	(2.383.489.858)	(1.437.762.446)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(84.893.004)	(253.853.085)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.625.155.232	9.485.206.219
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(8.848.728.723)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị		(16.596.426)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.500.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	318.188.106	713.962
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	2.818.188.106	(11.364.611.187)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	19.539.647.308	26.636.127.703
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(23.598.058.741)	(25.372.610.152)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(4.058.411.433)	1.263.517.551
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	384.931.905	(615.887.417)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	671.769.881	1.287.657.298
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.056.701.786	671.769.881

Người lập biểu



Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Hoàng Văn Công

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Số nhân viên: 20 người.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng

#### Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc; thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

### 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.11. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 2.15. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:



- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.17. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*c. Ưu đãi thuế*

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

*d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.19. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	469.240.168	638.546.399
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	587.461.618	33.223.482
- Tiền gửi VND	587.461.618	33.223.482
<b>Cộng</b>	<b>1.056.701.786</b>	<b>671.769.881</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

(Phụ lục 01)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>911.089.943</b>	<b>28.477.868.877</b>
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	-	2.058.949.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	839.218.183	18.146.521.160
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng Xanh	-	3.983.320.000
- Công ty CP VinaSolar Đồng Tháp	-	3.983.320.000
- Các đối tượng khác	71.871.760	305.758.717
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>911.089.943</b>	<b>28.477.868.877</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.078.681.605</b>	<b>13.486.950.301</b>
- Công ty CP Công nghệ BMP	561.440.000	4.802.990.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Phú Long	-	5.300.000.000
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý Tưởng	290.200.000	2.620.000.000
- Công ty CP Create Capital Việt Nam	-	-
- Công ty CP DT XD và DV Nam Sông Hồng	-	-
- Các đối tượng khác	227.041.605	763.960.301
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.078.681.605</b>	<b>13.486.950.301</b>



**7. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.368.893	-	1.854.317.754	-
Tạm ứng	8.368.893	-	1.854.317.754	-
<b>Cộng</b>	<b>8.368.893</b>	<b>-</b>	<b>1.854.317.754</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.149.069.214	-	4.831.282.588	-
Công cụ, dụng cụ	93.761.207	-	64.107.810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.087.631	-	4.183.411.653	-
Thành phẩm	3.184.280.503	-	2.174.893.244	-
Hàng hoá	26.925.666.008	-	2.763.530.600	-
<b>Cộng</b>	<b>35.432.864.563</b>	<b>-</b>	<b>14.017.225.895</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	-	34.757.513
- Chi phí bảo hiểm	-	34.757.513
b. Dài hạn	89.093.603	266.880.804
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	89.093.603	266.880.804
<b>Cộng</b>	<b>89.093.603</b>	<b>301.638.317</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	32.420.805.887	29.521.516.057	-	61.942.321.944
- Phân loại lại	(211.000.000)	211.000.000	-	-
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số cuối năm	32.209.805.887	29.732.516.057	-	61.942.321.944
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	2.352.663.215	4.029.705.567	-	6.382.368.782
- Khấu hao trong năm	835.168.897	1.638.223.451	-	2.473.392.348
- Phân loại lại	(92.382.395)	92.382.395	-	-
- Thanh lý nhượng bán				-
Số cuối năm	3.095.449.717	5.760.311.413	-	8.855.761.130
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	30.068.142.672	25.491.810.490	-	55.559.953.162
Tại ngày cuối năm	29.114.356.170	23.972.204.644	-	53.086.560.814

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 53.071.560.820 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 243.510.038 VND

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.999.258.691</b>	<b>14.999.258.691</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>10.228.808.231</b>
- Công ty CP Create Capital Việt Nam	-	-	4.121.243.813	4.121.243.813
- Công ty TNHH BG Solar	-	-	4.199.112.300	4.199.112.300
- Công ty CP CRC SOLAR CELL	1.701.000.000	1.701.000.000	-	-
- Cty CP DT XD và DV Nam Sông Hồng	1.605.016.500	1.605.016.500	-	-
- Công ty TNHH PLD Kim Khí	2.009.097.085	2.009.097.085	-	-
- Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	3.422.211.181	3.422.211.181	-	-
- Công ty CP Đầu tư PLD	6.137.018.780	6.137.018.780	-	-
- Các đối tượng khác	124.915.145	124.915.145	1.908.452.118	1.908.452.118
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>14.999.258.691</b>	<b>14.999.258.691</b>	<b>10.228.808.231</b>	<b>10.228.808.231</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.165.926.000</b>	<b>38.834.878.469</b>
- Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	-	40.082.469
- Công ty CP Xây lắp điện Lâm Đồng	-	4.681.820.000
- Công ty TNHH Điện NLMT Tân Phú	898.500.000	4.881.820.000
- Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar	-	4.283.320.000
- Công ty CP Cung cấp Năng lượng điện Mặt trời	-	4.681.820.000
- Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	300.000.000	5.773.927.500
- Công ty CP Elecsun Việt Nam	-	4.681.820.000
- Công ty CP Jinca Việt Nam	-	4.681.820.000
- Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	1.241.051.000	-
- CTCP VinaSolar Đồng Tháp	900.000.000	-
- Phạm Hưng Duy	480.000.000	-
- Các đối tượng khác	346.375.000	5.128.448.500
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.165.926.000</b>	<b>38.834.878.469</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>109.852.092</b>	<b>2.153.425</b>
- Lãi vay phải trả	109.852.092	2.153.425
<b>Cộng</b>	<b>109.852.092</b>	<b>2.153.425</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>753.480.000</b>	<b>207.470.391</b>
Kinh phí công đoàn	3.480.000	175.338.884
Các khoản phải trả, phải nộp khác	750.000.000	32.131.507
<b>Cộng</b>	<b>753.480.000</b>	<b>207.470.391</b>



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**  
Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số đầu năm
		trả nợ				trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngân hàng	9.747.212.797	9.747.212.797	15.791.647.308	16.102.058.741	10.057.624.230	10.357.624.230
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (1)	5.999.212.797	5.999.212.797	12.043.647.308	12.054.058.741	6.009.624.230	6.009.624.230
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (1)	5.999.212.797	5.999.212.797	12.043.647.308	12.054.058.741	6.009.624.230	6.009.624.230
- Vay cá nhân	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	3.748.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (2)	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>						
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (2)	12.565.634.019	12.565.634.019	3.748.000.000	7.496.000.000	16.313.634.019	16.313.634.019
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	7.811.634.019	7.811.634.019	2.800.000.000	5.600.000.000	10.611.634.019	10.611.634.019
	4.754.000.000	4.754.000.000	948.000.000	1.896.000.000	5.702.000.000	5.702.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.312.846.816</b>	<b>22.312.846.816</b>	<b>19.539.647.308</b>	<b>23.598.058.741</b>	<b>26.371.258.249</b>	<b>26.671.258.249</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay:**

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/666331/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Kon Tum.
- Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng; bao gồm dư nợ cho vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/666333/HĐTD ngày 31/05/2019
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
  - Thời hạn duy trì hạn mức : Đến hết ngày 01/06/2021
  - Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số: 02/2013/HĐ ngày 25/09/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2017/666331/HĐBB ngày 13/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 02/2017/666331/HĐBB ngày 16/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐBD ngày 18/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBB ngày 28/01/2019 được ký kết giữa công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - chi nhánh Kon Tum.
  - Số dư khoản vay tại 31/12/2021 là: 5.997.914.497 đồng
- (2): Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015 giữa công ty SX và cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum
- Hạn mức tín dụng: 24 tỷ đồng.
  - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kontum, tỉnh KonTum.
  - Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
  - Lãi suất cho vay: Năm thứ nhất áp dụng 0%/năm; từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất thỏa thuận, lãi vay bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả sau +3,5%/năm) thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần.
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng Nhà máy và các bất động sản khác (đang có và sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã KROONG, TP Kon tum, tỉnh Kon Tum.
  - Số dư khoản vay đến 31/12/2021 là: 10.611.634.019 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2021 là 2.800.000.000 đồng.
- (3): Hợp đồng cho vay số 55878.20.011.8162990.TD ngày 30/10/2020 giữa Công ty CP SX và Cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình
- Số tiền cho vay: 6.650.000.000 VNĐ
  - Phương thức cho vay: Cho vay từng lần dài hạn
  - Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà công suất dưới 1mW của khách hàng lại thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum
  - Thời hạn cho vay: tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên
  - Lãi suất: được quy định tại từng lần bán nhận nợ
  - Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được kí kết giữa bên vay và Công ty điện lực địa phương, Hệ thống máy móc/thiết bị điện mặt trời mái nhà.
  - Số dư khoản vay đến 31/12/2021 là: 5.702.000.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2021 là: 948.000.000 đồng.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	13.783.629	13.783.629	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	361.331.728	1.822.588.846	84.893.004	-	2.099.027.570
Thuế Thu nhập cá nhân	31.441.884	-	-	1.726.332	33.168.216	-
Thuế Tài nguyên	-	107.737.500	51.637.500	218.509.500	59.134.500	-
Các loại thuế khác	-	-	-	14.396.800	14.396.800	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.295.000	15.880.901	15.880.901	-	9.295.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.441.884</b>	<b>478.364.228</b>	<b>1.903.890.876</b>	<b>349.190.166</b>	<b>106.699.516</b>	<b>2.108.322.570</b>

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Tặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>5.698.856.022</b>	<b>38.698.856.022</b>
- Tăng vốn trong kỳ trước				2.477.949.513	2.477.949.513
- Lãi trong kỳ trước	33.000.000.000	-	-	8.176.805.535	41.176.805.535
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>8.176.805.535</b>	<b>41.176.805.535</b>
- Lãi trong kỳ				6.841.949.733	6.841.949.733
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>15.018.755.268</b>	<b>48.018.755.268</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Bà Bùi Minh Hằng	2.530.000.000	7,67%	2.530.000.000	7,67%
Ông Phạm Văn Lộc	3.300.000.000	10,00%	3.300.000.000	10,00%
Cổ đông khác	27.170.000.000	82,33%	27.170.000.000	82,33%
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	33.000.000.000	33.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	33.000.000.000	33.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.300.000	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.300.000</i>	<i>3.300.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.300.000</i>	<i>3.300.000</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	33.409.323.636	33.843.990.257
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.069.994.492	-
- Doanh thu khác		480.997.780
- Doanh thu hoạt động xây lắp công trình	36.212.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>70.691.318.128</b>	<b>34.324.988.037</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	24.518.304.861	27.547.827.414
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	442.436.436	-
- Giá vốn khác		110.609.109
- Giá vốn hoạt động xây lắp công trình	33.746.527.090	-
<b>Cộng</b>	<b>58.707.268.387</b>	<b>27.658.436.523</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	318.188.106	713.962
<b>Cộng</b>	<b>318.188.106</b>	<b>713.962</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	2.381.336.433	1.299.018.802
<b>Cộng</b>	<b>2.381.336.433</b>	<b>1.299.018.802</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		2.310.000
- Chi phí nhân công	542.365.431	154.252.686
- Chi phí khấu hao		19.561.650
- Thuế, phí, lệ phí	129.364.552	6.925.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.969.807	241.218.980
- Chi phí khác bằng tiền	97.257.561	20.502.351
<b>Cộng</b>	<b>807.957.351</b>	<b>444.770.835</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	167	
<b>Cộng</b>	<b>167</b>	<b>-</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt thuế, vi phạm hành chính	110.524.768	1.540.000
- Chi phí phát sinh trong thời gian tạm dừng sản xuất, chi phí điều chỉnh khấu hao khác	337.880.883	2.040.348.498
<b>Cộng</b>	<b>448.405.651</b>	<b>2.041.888.498</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	8.664.538.579	2.881.587.341
Các khoản điều chỉnh tăng	448.405.651	1.540.000
- Chi phí không hợp lệ	448.405.651	1.540.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.112.944.230	2.883.127.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thuế suất hiện hành	1.822.588.846	576.625.468
Thuế TNDN theo Thuế suất hiện hành	1.822.588.846	576.625.468
Chi phí thuế TNDN được giảm (*)		(172.987.640)
<b>Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính</b>	<b>1.822.588.846</b>	<b>403.637.828</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	361.331.728	380.500.626
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(84.893.004)	(422.806.726)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>2.099.027.570</b>	<b>361.331.728</b>



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(\*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.841.949.733	2.477.949.513
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.841.949.733	2.477.949.513
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.300.000	3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.073,32	750,89

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	50.229.697.631	589.721.743
- Chi phí nhân công	2.188.469.136	368.910.021
- Chi phí khấu hao	2.153.690.640	2.058.601.882
- Thuế, phí, lệ phí	129.364.552	6.925.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.244.920	411.176.796
- Chi phí khác bằng tiền	339.434.837	312.191.452
<b>Cộng</b>	<b>55.411.901.716</b>	<b>3.747.527.062</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.056.701.786	-	671.769.881	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	919.458.836	-	30.332.186.631	-
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514	-	260.661.514	-
<b>Cộng</b>	<b>2.236.822.136</b>	<b>-</b>	<b>31.264.618.026</b>	<b>-</b>
Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Vay và nợ	22.312.846.816	-	26.371.258.249	-
Phải trả người bán, phải trả khác	15.752.738.691	-	10.436.278.622	-
Chi phí phải trả	109.852.092	-	2.153.425	-
<b>Cộng</b>	<b>38.175.437.599</b>	<b>-</b>	<b>36.809.690.296</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.056.701.786			1.056.701.786
Phải thu khách hàng, phải thu khác	919.458.836	-		919.458.836
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514			260.661.514
<b>Cộng</b>	<b>2.236.822.136</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.236.822.136</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	671.769.881			671.769.881
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.332.186.631	-		30.332.186.631
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514			260.661.514
<b>Cộng</b>	<b>31.264.618.026</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.264.618.026</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY  
DỰNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	9.747.212.797	12.565.634.019		22.312.846.816
Phải trả người bán, phải trả khác	15.752.738.691	-		15.752.738.691
Chi phí phải trả	109.852.092	-		109.852.092
<b>Cộng</b>	<b>25.609.803.580</b>	<b>12.565.634.019</b>	-	<b>38.175.437.599</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	10.057.624.230	16.313.634.019		26.371.258.249
Phải trả người bán, phải trả khác	10.436.278.622	-		10.436.278.622
Chi phí phải trả	2.153.425	-		2.153.425
<b>Cộng</b>	<b>20.496.056.277</b>	<b>16.313.634.019</b>	-	<b>36.809.690.296</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG số dư: 260.661.514 đồng ; kỳ hạn 12 tháng.

Hợp đồng tiền gửi này đang được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam



**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Cung cấp dịch vụ	Bán hàng hóa, thành phẩm	Hoạt động xây lắp công trình	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.069.994.492	33.409.323.636	36.212.000.000		70.691.318.128
Chi phí bộ phận	442.436.436	24.518.304.861	33.746.527.090		58.707.268.387
Kết quả kinh doanh bộ phận	627.558.056	8.891.018.775	2.465.472.910		11.984.049.741
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					807.957.351
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.176.092.390
Doanh thu hoạt động tài chính					318.188.106
Chi phí tài chính					2.381.336.433
Thu nhập khác					167
Chi phí khác					448.405.651
Thuế TNDN hiện hành					1.822.588.846
Lợi nhuận sau thuế					6.841.949.733

**32. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

**a. Thông tin các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Ông Hoàng Văn Công

**Mối quan hệ**

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

**b. Giao dịch với bên liên quan**

Thù lao Hội đồng quản trị, ban Giám đốc

Năm nay

VND

Ông Hoàng Văn Công

60.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Hoàng Văn Công

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Phụ lục số 01**

**4. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
<b>a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
- Công ty TNHH Trường Sơn (1)				(*)	
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Ngân hàng	260.661.514	260.661.514	-	260.661.514	
-Tiền gửi có kỳ hạn (2)	260.661.514	260.661.514	-	260.661.514	
<b>Cộng</b>	<b>260.661.514</b>	<b>260.661.514</b>	<b>-</b>	<b>260.661.514</b>	

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Trường Sơn với giá trị khoản vốn góp: 2.500.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ: 8% .

(2) Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG; kỳ hạn 12 tháng. Hợp đồng tiền gửi này đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của Công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02/06/2022



GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Văn Công*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT  
LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Cho kì 01/01/2022 đến 31/03/2022





**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-20

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Trụ sở chính: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng).

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên
Ông Dương Công Phú	Thành viên
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Công Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga Trưởng Ban kiểm soát



**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin

theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Hoàng Văn Công**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu kỳ
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.596.079.781</b>	<b>39.545.677.520</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.219.017.455</b>	<b>1.056.701.786</b>
111	1. Tiền		1.219.017.455	1.056.701.786
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>260.661.514</b>	<b>260.661.514</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.b	260.661.514	260.661.514
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.801.436.447</b>	<b>1.998.140.441</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	3.606.079.982	911.089.943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	3.195.356.465	1.078.681.605
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	-	8.368.893
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>33.177.861.422</b>	<b>35.432.864.563</b>
141	1. Hàng tồn kho		33.177.861.422	35.432.864.563
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.137.102.943</b>	<b>797.309.216</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9.a	124.556.102	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.012.546.841	690.609.700
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	106.699.516
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>52.361.570.633</b>	<b>53.175.654.417</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>52.268.983.002</b>	<b>53.086.560.814</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	52.268.983.002	53.086.560.814
222	- Nguyên giá		61.942.321.944	61.942.321.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.673.338.942)	(8.855.761.130)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4.a</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>92.587.631</b>	<b>89.093.603</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9.b	-	89.093.603
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>95.957.650.414</b>	<b>92.721.331.937</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu kỳ
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.201.805.210</b>	<b>44.702.576.669</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.296.140.710</b>	<b>32.136.942.650</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.a	4.844.391.424	14.999.258.691
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.a	18.614.793.080	4.165.926.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.255.420.102	2.108.322.570
314	4. Phải trả người lao động		135.664.550	252.890.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.a	-	109.852.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14.a	-	753.480.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	9.445.871.554	9.747.212.797
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.905.664.500</b>	<b>12.565.634.019</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.b	11.905.664.500	12.565.634.019
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>49.755.845.204</b>	<b>48.018.755.268</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>49.755.845.204</b>	<b>48.018.755.268</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		33.000.000.000	33.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		33.000.000.000	33.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.755.845.204	15.018.755.268
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.018.755.268	8.246.386.649
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.737.089.936	6.772.368.619
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>95.957.650.414</b>	<b>92.721.331.937</b>

Người lập biểu

*UV*

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

*UV*

Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022



Giám đốc

Hoàng Văn Công

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Quý 1/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1/2022	Đơn vị tính: VND Quý 1/2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	29.114.252.517	22.123.560.884
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		29.114.252.517	22.123.560.884
11	4. Giá vốn hàng bán	19	25.654.985.588	19.022.567.112
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		3.459.266.929	3.100.993.772
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	15.645.804	10.223.587
22	7. Chi phí tài chính	21	758.614.750	688.914.580
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		485.191.333	512.665.889
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	358.594.188	425.661.220
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		2.357.703.795	1.976.194.385
31	11. Thu nhập khác	23	-	-
32	12. Chi phí khác	24	215.488.410	12.556.448
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(215.488.410)	(12.556.448)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		2.142.215.385	1.963.637.937
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	405.125.449	432.000.346
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		1.737.089.936	1.531.637.591
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	526,39	464,13

Người lập biểu

*uy*

Nguyễn Việt Giáp

Kế toán trưởng

*uy*

Nguyễn Việt Giáp

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022



Hương Văn Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Phương pháp gián tiếp  
Quý I năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	2.142.215.385	1.963.637.937
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>1.223.222.118</b>	<b>1.255.956.573</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	817.577.812	755.641.580
03	- Các khoản dự phòng		
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các		
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(79.547.027)	(12.350.896)
06	- Chi phí lãi vay	485.191.333	512.665.889
07	- Các khoản điều chỉnh khác		
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>3.365.437.503</b>	<b>3.219.594.510</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(5.067.637.487)	(5.226.484.110)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	2.255.003.141	(328.579.129)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	1.457.208.298	2.551.002.347
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(35.462.499)	125.684.049
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		
14	- Tiền lãi vay đã trả	(595.043.425)	(512.665.889)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.035.789.148)	(253.853.085)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>343.716.383</b>	<b>(425.301.307)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(1.481.751.941)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị		(16.596.426)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	79.547.027	713.962
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>79.547.027</b>	<b>(1.497.634.405)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	3.694.856.746	4.566.821.547
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(3.955.804.487)	(4.055.899.145)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(260.947.741)</b>	<b>510.922.402</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>162.315.669</b>	<b>(1.412.013.310)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.056.701.786	1.556.841.015
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.219.017.455	144.827.705

Người lập biểu

Nguyễn Viết Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Giáp

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/03/2022 (Quý 1/2022)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 33.000.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Số nhân viên: 20 người.

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng

#### Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 2.15. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.17. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*c. Ưu đãi thuế*

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

*d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 30/03/2022.

**2.19. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt tại quỹ	1.205.545.841	469.240.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.471.614	587.461.618
- Tiền gửi VND	13.471.614	587.461.618
<b>Cộng</b>	<b>1.219.017.455</b>	<b>1.056.701.786</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

(Phụ lục 01)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.606.079.982</b>	<b>911.089.943</b>
- Công ty Cổ phần công nghệ CRC	3.362.524.000	-
- Công ty CP Công nghệ EMP	-	839.218.183
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng Xanh	-	-
- Công ty CP VinaSolar Đồng Tháp	-	-
- Các đối tượng khác	243.555.982	71.871.760
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.606.079.982</b>	<b>911.089.943</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.195.356.465</b>	<b>1.078.681.605</b>
- Công ty CP Công nghệ EMP	1.000.056.465	561.440.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Phú Long	-	-
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý Tưởng	-	290.200.000
- Nguyễn Thị Thu Hà	2.195.300.000	-
- Công ty CP DT XD và DV Nam Sông Hồng	-	-
- Các đối tượng khác	-	227.041.605
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.195.356.465</b>	<b>1.078.681.605</b>



**7. PHẢI THU KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	8.368.893	-
Tạm ứng	-	-	8.368.893	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.368.893</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.266.909.696	-	5.149.069.214	-
Công cụ, dụng cụ	1.255.064	-	93.761.207	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	80.087.631	-
Thành phẩm	2.158.946.164	-	3.184.280.503	-
Hàng hoá	24.750.750.498	-	26.925.666.008	-
<b>Cộng</b>	<b>33.177.861.422</b>	<b>-</b>	<b>35.432.864.563</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn	124.556.102	-
- Chi phí bảo hiểm	124.556.102	-
b. Dài hạn	-	89.093.603
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	89.093.603
<b>Cộng</b>	<b>124.556.102</b>	<b>89.093.603</b>

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Krobing, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
Tại ngày 31/03/2022**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>5.698.856.022</b>	<b>38.698.856.022</b>
- Tăng vốn trong kỳ trước				6.841.949.733	6.841.949.733
- Lãi trong kỳ trước	<b>33.000.000.000</b>		-	<b>12.540.805.755</b>	<b>45.540.805.755</b>
<b>Số cuối kỳ trước</b>					
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>8.176.805.535</b>	<b>41.176.805.535</b>
- Lãi trong kỳ				1.737.089.936	1.737.089.936
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>33.000.000.000</b>			<b>9.913.895.471</b>	<b>42.913.895.471</b>

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kon Tum, ngày 10 tháng 04 năm 2022



Giám đốc  
  
Hoàng Văn Công

Nguyễn Việt Giáp

Nguyễn Việt Giáp

Hoàng Văn Công

